

VIỆN HÀN LÂM  
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM  
**HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI**

*Nguyễn Xuân Hùng*

**GIÁM ĐỐC THẨM VỤ ÁN HÌNH SỰ  
THEO PHÁP LUẬT TỔ TỤNG HÌNH SỰ VIỆT NAM  
TỪ THỰC TIỄN TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO  
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

HÀ NỘI - 2018

VIỆN HÀN LÂM  
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM  
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

**Nguyễn Xuân Hùng**

**GIÁM ĐỐC THẨM VỤ ÁN HÌNH SỰ  
THEO PHÁP LUẬT TỔ TỤNG HÌNH SỰ VIỆT NAM  
TỪ THỰC TIỄN TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO  
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Chuyên ngành: Luật hình sự và tố tụng hình sự

Mã số: 8.38.01.04

LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC:  
PGS.TS. NGUYỄN VĂN HUYỀN

HÀ NỘI - 2018

## **LỜI CAM ĐOAN**

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu khoa học của riêng tôi. Các số liệu, ví dụ và trích dẫn trong luận văn đảm bảo độ tin cậy, chính xác và trung thực. Những kết luận khoa học của luận văn chưa từng được công bố trong bất kỳ công trình nào khác.

## **TÁC GIẢ LUẬN VĂN**

**Nguyễn Xuân Hùng**

## MỤC LỤC

<b>MỞ ĐẦU</b> .....	1
<b>CHƯƠNG 1: NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ GIÁM ĐỐC THẨM TRONG TỐ TỤNG HÌNH SỰ</b> .....	7
1.1. Khái niệm giám đốc thẩm vụ án trong tố tụng hình sự .....	7
1.2. Đặc điểm giám đốc thẩm vụ án hình sự .....	11
1.3. Ý nghĩa của giám đốc thẩm trong tố tụng hình sự .....	21
<b>CHƯƠNG 2: QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT TỐ TỤNG HÌNH SỰ VỀ GIÁM ĐỐC THẨM VÀ THỰC TRẠNG ÁP DỤNG CỦA TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH</b> .....	24
2.1. Quy định của pháp luật tố tụng hình sự về giám đốc thẩm .....	24
2.2. Thực trạng áp dụng các quy định về giám đốc thẩm trong tố tụng hình sự của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh .....	43
<b>CHƯƠNG 3: QUAN ĐIỂM, GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VÀ NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG GIÁM ĐỐC THẨM VỤ ÁN HÌNH SỰ CỦA TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH</b> .....	55
3.1. Quan điểm hoàn thiện pháp luật .....	55
3.2. Các giải pháp hoàn thiện quy định của pháp luật .....	57
3.3. Giải pháp nâng cao chất lượng áp dụng các quy định về giám đốc thẩm của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh .....	62
<b>KẾT LUẬN</b> .....	72
<b>DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO</b>	
<b>PHỤ LỤC</b>	

## DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

<b>BLHS</b>	:	Bộ luật hình sự
<b>BLTTDS</b>	:	Bộ luật tố tụng dân sự
<b>BLTTHS</b>	:	Bộ luật tố tụng hình sự
<b>HĐXX</b>	:	Hội đồng xét xử
<b>TAND</b>	:	Tòa án nhân dân
<b>TANDTC</b>	:	Tòa án nhân dân tối cao
<b>VKS</b>	:	Viện kiểm sát
<b>VKSND</b>	:	Viện kiểm sát nhân dân
<b>VKSNDTC</b>	:	Viện kiểm sát nhân dân tối cao
<b>XHCN</b>	:	Xã hội chủ nghĩa

## MỞ ĐẦU

### 1. Tính cấp thiết của đề tài.

Chủ trương của Đảng và Nhà Nước ta trong đấu tranh phòng, chống tội phạm là chủ động phòng ngừa, ngăn chặn tội phạm, phát hiện chính xác, nhanh chóng và xử lý công minh mọi hành vi phạm tội, không làm oan người vô tội, không để lọt tội phạm. Hệ thống pháp luật nói chung, pháp luật tố tụng hình sự trong đó có thủ tục giám đốc thẩm nói riêng đang được các cơ quan có thẩm quyền nghiên cứu đổi mới theo hướng nâng cao hiệu quả áp dụng, đáp ứng nhu cầu, đòi hỏi của thực tiễn để một mặt bảo vệ trật tự pháp luật, lợi ích của xã hội, mặt khác tôn trọng và bảo vệ các quyền và lợi ích hợp pháp của công dân. Thời gian qua việc áp dụng thủ tục giám đốc thẩm các vụ án hình sự đã đạt được nhiều kết quả, giúp khắc phục những sai sót trong quá trình giải quyết vụ án, bảo đảm các quyền, lợi ích hợp pháp của bị cáo và người tham gia tố tụng. Tuy vậy, tố tụng hình sự là một quá trình rất phức tạp và trong bất kì giai đoạn nào cũng có thể tồn tại những sai lầm nhất định. Những sai lầm đó có thể gặp trong giai đoạn điều tra khi cơ quan điều tra tiến hành thu thập chứng cứ, giai đoạn truy tố, giai đoạn xét xử khi VKS truy tố hoặc toà án xét xử. Chính vì vậy, thủ tục giám đốc thẩm được quy định trong pháp luật tố tụng hình sự và việc áp dụng quy định của pháp luật để có khắc phục những sai sót trong khâu áp dụng là rất cần thiết trong giai đoạn hiện nay.

Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02/6/2005 của Bộ Chính trị về chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020 đã xác định nhiệm vụ: *“Từng bước hoàn thiện thủ tục giám đốc thẩm, tái thẩm theo hướng quy định chặt chẽ những căn cứ kháng nghị và quy định rõ trách nhiệm của người ra kháng nghị đối với bản án hoặc quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật; khắc phục tình trạng kháng nghị tràn lan, thiếu căn cứ”*. Trên tinh thần đó, BLTTHS năm 2015 đã hoàn thiện thủ tục giám đốc thẩm theo hướng quy định chặt chẽ những căn cứ kháng nghị, nhằm khắc phục tình trạng kháng nghị tràn lan, thiếu căn cứ, qua đó nâng cao hiệu quả, đáp ứng yêu cầu, đòi hỏi của thực tiễn giải quyết các vụ án hình sự trong bối cảnh nước ta hội nhập quốc tế như hiện nay.

Việc nghiên cứu làm sáng tỏ về mặt lý luận và các quy định của pháp luật tố tụng hình sự về giám đốc thẩm; chỉ ra những hạn chế, vướng mắc trong thực tiễn áp dụng và nguyên nhân của những hạn chế đó, từ đó đề ra những giải pháp nhằm tiếp tục hoàn thiện các quy định của pháp luật tố tụng hình sự về giám đốc thẩm, là một yêu cầu cấp thiết trong tình hình hiện nay. Đặc biệt là kể từ khi Luật tổ chức TAND năm 2014 có hiệu lực (ngày 01/6/2015) thì TAND cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh có thẩm quyền giám đốc thẩm các vụ án hình sự. Thực tiễn áp dụng thủ tục giám đốc thẩm của TAND cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh có nhiều nội dung mới cần được nghiên cứu. Từ những lý do trên tôi đã chọn đề tài: “*Giám đốc thẩm vụ án hình sự theo pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam từ thực tiễn xét xử của TAND cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh*” làm Luận văn Thạc sĩ luật học.

## **2. Tình hình nghiên cứu đề tài.**

Qua nghiên cứu các công trình khoa học đã công bố, cho thấy có một số công trình đề cập về giám đốc thẩm hình sự như sau:

- Về Giáo trình: Trường Đại học Luật Hà Nội (2008), Giáo trình Luật tố tụng hình sự Việt Nam, NXB Công an nhân dân, Hà Nội; Khoa Luật Đại học Quốc gia Hà Nội (2013), Giáo trình Luật tố tụng hình sự Việt Nam, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội; và Giáo trình Luật Tố tụng Hình sự Việt Nam của các cơ sở đào tạo luật khác ở nước ta.

- Về Bình luận khoa học có các công trình: GS.TS Võ Khánh Vinh (chủ biên) (2004), Bình luận khoa học BLTTHS, NXB Công an nhân dân, Hà Nội; GS.TS Nguyễn Ngọc Anh (chủ biên) (2011), Bình luận khoa học BLTTHS năm 2003, NXB Chính trị Quốc gia, Hà nội; PGS.TS Nguyễn Văn Huyền, TS Lê Lan Chi (chủ biên) (2016), Bình luận khoa học BLTTHS năm 2015, NXB Lao động, Hà Nội.

- Nghiên cứu dưới góc độ Luận án Tiến sĩ Luật học, có công trình: Phan Thị Thanh Mai (2007), Giám đốc thẩm trong tố tụng hình sự Việt Nam, Luận án Tiến sĩ Luật học, bảo vệ tại Trường Đại học Luật Hà Nội.

- Nghiên cứu dưới góc độ Luận văn Thạc sĩ Luật học có các công trình: Nguyễn Thị Hạnh Vân (2015), Giám đốc thẩm trong luật tố tụng hình sự Việt Nam (trên cơ sở số liệu thực tiễn địa bàn tỉnh Đắk Lắk), Luận văn Thạc sĩ Luật học, bảo vệ tại Khoa Luật Đại học Quốc gia Hà Nội; Quản Thị Ngọc Thảo (2007), Giám đốc thẩm: một số vấn đề lý luận và thực tiễn, Luận văn Thạc sĩ Luật học, bảo vệ tại Khoa Luật Đại học Quốc gia Hà Nội; Nguyễn Văn Tuấn (2017), Giám đốc thẩm vụ án hình sự theo pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam từ thực tiễn xét xử của TAND cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh, bảo vệ tại Học viện Khoa học xã hội – Viện hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.

Ngoài ra còn một số bài viết đăng trên các tạp chí khoa học chuyên ngành như: Nguyễn Quang Hiền, “Một số vấn đề về thủ tục giám đốc thẩm”, Tạp chí TAND, số 7 năm 2009; Vũ Gia Lâm, Lê Kim Quế, “Một số vấn đề về giám đốc thẩm hình sự”, Tạp chí TAND, số 14 năm 2006; Nguyễn Văn Trọng, “Thực trạng thi hành quy định của BLTTHS về phạm vi giám đốc thẩm và những vấn đề cần hoàn thiện”, Tạp chí TAND, số 7 năm 2011; Đinh Văn Quế, “Vấn đề kháng nghị giám đốc thẩm về “dân sự” trong vụ án hình sự”, Tạp chí TAND, số 9 năm 2005; Đinh Văn Quế, “Căn cứ kháng nghị giám đốc thẩm theo BLTTHS năm 2003”, Tạp chí TAND, số 22 năm 2004; Kỷ yếu Hội thảo “Kỹ năng giải quyết đơn, án giám đốc thẩm, tái thẩm” của VKSND cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh ngày 04/11/2015.

Qua nội dung các công trình nghiên cứu dưới góc độ Luận án Tiến sĩ Luật học, Luận văn Thạc sĩ Luật học và các bài viết nêu trên cho thấy đề tài về thủ tục giám đốc thẩm đã được một số nhà khoa học, cán bộ nghiên cứu và những người làm công tác thực tiễn quan tâm nghiên cứu. Các tác giả đã nghiên cứu những vấn đề cơ bản về giám đốc thẩm và có những kiến nghị, đề xuất có giá trị về mặt lý luận và thực tiễn. Nhưng xét về nội dung, một số công trình có phạm vi nghiên cứu quá rộng, ngược lại một số công trình chỉ nghiên cứu một số khía cạnh nhất định liên quan thủ tục giám đốc thẩm, như phát hiện một số bất cập trong luật thực định cũng như một số vướng mắc trong thực tiễn áp dụng pháp luật. Một số vấn đề về mặt lý



luận liên quan đến thủ tục giám đốc thẩm chưa được làm rõ. Mặt khác, hoạt động xét xử giám đốc thẩm có nhiều thay đổi kể từ khi Luật tổ chức TAND năm 2014, Luật tổ chức VKSND năm 2014 và BLTTHS năm 2015 được áp dụng, còn nhiều vấn đề lý luận, nhiều khía cạnh pháp lý nhất là thực tiễn áp dụng của TAND cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh cần được tiếp tục nghiên cứu một cách toàn diện và chuyên sâu hơn.

### **3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu.**

#### **3.1. Mục đích nghiên cứu**

Nghiên cứu làm rõ những vấn đề về lý luận và khảo sát làm rõ thực trạng áp dụng thủ tục giám đốc thẩm của TAND cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh, trên cơ sở đó đề ra các giải pháp hoàn thiện pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam và nâng cao hiệu quả áp dụng trong thực tiễn giải quyết các vụ án hình sự của TAND cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh.

#### **3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu**

Để đạt được mục tiêu trên, trong quá trình nghiên cứu phải thực hiện được các nhiệm vụ sau:

- Nghiên cứu một cách toàn diện, có hệ thống những vấn đề lý luận về thủ tục giám đốc thẩm nhằm đưa ra khái niệm làm rõ các đặc điểm, khái quát những vấn đề chung về giám đốc thẩm;

- Nghiên cứu những quy định cụ thể về thủ tục giám đốc thẩm trong BLTTHS hiện hành của Việt Nam, từ đó rút ra những bất cập của các quy định về thủ tục giám đốc thẩm trong luật thực định Việt Nam cần khắc phục;

- Khảo sát thực trạng áp dụng các quy định về giám đốc thẩm của TAND cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh, đồng thời phân tích làm rõ những tồn tại, hạn chế xung quanh việc áp dụng và những nguyên nhân của nó.

- Đề xuất các giải pháp hoàn thiện và nâng cao hiệu quả áp dụng thủ tục giám đốc thẩm trong thực tiễn giải quyết các vụ án hình sự của TAND cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

#### **4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu.**

##### 4.1. Đối tượng nghiên cứu

Những vấn đề lý luận cơ bản về thủ tục Giám đốc thẩm trong pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam và thực tiễn áp dụng giám đốc thẩm của TAND cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh.

##### 4.2. Phạm vi nghiên cứu

- Về nội dung: Nghiên cứu những vấn đề lý luận cơ bản và thực tiễn áp dụng thủ tục giám đốc thẩm, trên cơ sở tiếp cận các văn bản pháp luật có liên quan, chủ yếu là văn bản pháp luật tố tụng hình sự ban hành từ năm 1988 đến nay. Tập trung chủ yếu vào thủ tục giám đốc thẩm trong mối liên hệ với các chế định khác của tố tụng hình sự.

- Về không gian: Thực tiễn xét xử của TAND cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh, trên cơ sở các vụ án được TAND cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh xét xử theo thủ tục giám đốc thẩm.

- Về thời gian: từ khi thành lập TAND cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh ngày 01/6/2015 đến 31/01/2018.

#### **5. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu.**

##### 5.1. Phương pháp luận:

Đề tài Luận văn được nghiên cứu trên cơ sở phương pháp luận là Phép biện chứng duy vật; Tư tưởng Hồ Chí Minh về Nhà nước và Pháp luật, những quan điểm của Đảng và Nhà nước ta về Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam, về cải cách tư pháp.

##### 5.2. Phương pháp nghiên cứu cụ thể:

- Phương pháp phân tích, thống kê, so sánh, tổng hợp được sử dụng trong quá trình phân tích các quy định của pháp luật hiện hành và so sánh với các quy định của pháp luật trước đó.

- Phương pháp nghiên cứu điển hình được sử dụng trên cơ sở nghiên cứu một số vụ án điển hình đã xét xử.

- Phương pháp chuyên gia được sử dụng trên cơ sở tham khảo ý kiến đánh giá của các chuyên gia có trình độ cao trong ngành Tòa án và VKS để xem xét, nhận định và tìm ra giải pháp về vấn đề nghiên cứu.

- Phương pháp điều tra xã hội học được sử dụng trên cơ sở điều tra quan điểm của những người trực tiếp làm công tác giám đốc thẩm hình sự của TAND cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

## **6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận văn.**

### **6.1. Về mặt khoa học:**

Đề tài đã góp phần làm rõ bản chất pháp lý, cơ sở lý luận và thực tiễn của việc hình thành thủ tục giám đốc thẩm trong pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam và đề ra giải pháp hoàn thiện một số vấn đề lý luận về thủ tục giám đốc thẩm.

### **6.2. Về mặt thực tiễn:**

Các kết quả nghiên cứu của Đề tài góp phần nâng cao hiệu quả áp dụng các quy định về giám đốc thẩm của TAND cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh. Với ý nghĩa như vậy, kết quả nghiên cứu của Đề tài có thể sử dụng làm tài liệu tham khảo cho công tác nghiên cứu, giảng dạy và đào tạo về pháp luật hình sự và tố tụng hình sự.

## **7. Kết cấu của luận văn.**

Đề tài ngoài phần mở đầu, kết luận, tài liệu tham khảo thì nội dung được chia làm 3 chương như sau:

- Chương 1: Những vấn đề lý luận về giám đốc thẩm trong tố tụng hình sự.
- Chương 2: Quy định của pháp luật tố tụng hình sự về giám đốc thẩm và thực trạng áp dụng của TAND cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.
- Chương 3: Quan điểm và giải pháp hoàn thiện pháp luật và nâng cao chất lượng giám đốc thẩm vụ án hình sự của TAND cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh.

**Chương 1**  
**NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ**  
**GIÁM ĐỐC THẨM TRONG TỔ TỤNG HÌNH SỰ**

**1.1. Khái niệm giám đốc thẩm vụ án trong tố tụng hình sự.**

Tòa án là cơ quan xét xử của nhà nước, hoạt động xét xử của Tòa án là hoạt động nhân danh quyền lực nhà nước nhằm xem xét, đánh giá và ra phán quyết về tính hợp pháp và tính đúng đắn của hành vi có dấu hiệu vi phạm pháp luật. Bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật là kết quả của quá trình tố tụng, đánh dấu sự kết thúc của quá trình điều tra, truy tố và xét xử có ý nghĩa trên nhiều phương diện, do vậy phải được thi hành và phải được các cơ quan, tổ chức và mọi công dân tôn trọng. Trong quá trình giải quyết vụ án các cơ quan tiến hành tố tụng có nhiệm vụ áp dụng quy định của luật tố tụng hình sự nhằm chủ động phòng ngừa, ngăn chặn tội phạm, phát hiện chính xác, nhanh chóng và xử lý công minh, kịp thời mọi hành vi phạm tội, không làm oan người vô tội, không để lọt tội phạm. Tuy nhiên, trên thực tế không phải tất cả các bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật đều được giải quyết đúng pháp luật, khách quan, công bằng, đúng người, đúng tội mà có một số trường hợp vẫn còn phát hiện những sai lầm nghiêm trọng trong việc áp dụng pháp luật. Việc khắc phục những sai lầm, vi phạm của các cơ quan tiến hành tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án là việc làm cần thiết để bảo đảm tính đúng đắn của bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật.

Vấn đề nêu trên đặt ra cần phải có một cơ chế để khắc phục những sai lầm nghiêm trọng được phản ánh cụ thể thông qua các bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật. Do đó, pháp luật tố tụng hình sự ở bất kỳ quốc gia nào cũng đặt ra cơ chế xét lại các bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án. Để cho chắc chắn hơn trong việc áp dụng pháp luật, nhiều quốc gia đặt thêm một Tòa án ở trên Tòa thượng thẩm để xét lại việc áp dụng pháp luật của Tòa án cấp dưới. Tòa này sẽ xem xét và quyết định bản án của Tòa án cấp dưới đã xử đúng hay sai; nếu sai thì Tòa này tuyên hủy án đã xử và cho xử lại và nếu đúng thì y án. Chính vì

vậy mà Tòa án này được gọi là Tòa phá án. Nhờ thẩm quyền xét lại án án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật, Tòa phá án duy trì được sự áp dụng pháp luật thống nhất trong toàn lãnh thổ [16, tr. 269].

Việc xét lại bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật được hiểu đó là hoạt động thẩm tra, xem xét lại tính hợp pháp và tính có căn cứ của bản án hoặc quyết định đó có phù hợp với các quy định của pháp luật không và quá trình giải quyết vụ án các cơ quan tiến hành tố tụng có tuân thủ những quy định của luật tố tụng hình sự không. Xét lại bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật là một thủ tục đặc biệt của tố tụng hình sự trong đó có thủ tục giám đốc thẩm và thủ tục tái thẩm. Lý do coi giám đốc thẩm là thủ tục đặc biệt của tố tụng hình sự bởi lẽ giám đốc thẩm không phải là một cấp xét xử như cấp xét xử sơ thẩm và cấp xét xử phúc thẩm. Trong luật tố tụng hình sự cũng như tổ chức tư pháp người ta thường đề cập tới cấp xét xử. Tuy nhiên, thế nào là cấp xét xử lại chưa được đề cập đến trong khoa học pháp lý nước ta. Trong khoa học pháp lý Liên xô cũ, người ta quan niệm cấp xét xử như là *“giai đoạn xem xét vụ án tại Tòa án với thẩm quyền xác định”*. Xuất phát từ đây, có quan điểm cho rằng trong tố tụng hình sự tồn tại các cấp xét xử là xét xử sơ thẩm, xét xử phúc thẩm, xét xử giám đốc thẩm hoặc tái thẩm. Quan điểm này xác định cũng như ở giai đoạn xét xử sơ thẩm và phúc thẩm, ở giai đoạn giám đốc thẩm tất yếu phải trải qua một chuỗi các công đoạn với những hoạt động cụ thể và đều phải tuân theo những thủ tục bắt buộc do luật tố tụng hình sự quy định. Là một giai đoạn tố tụng, giám đốc thẩm vụ án hình sự cũng có sự bắt đầu và kết thúc. Sự bắt đầu của giai đoạn giám đốc thẩm là việc phát hiện bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật có vi phạm pháp luật trong việc giải quyết vụ án, còn quyết định của Hội đồng giám đốc thẩm đánh dấu sự kết thúc của giai đoạn giám đốc thẩm. Theo quan niệm này thì cấp xét xử đơn thuần là khái niệm tố tụng chung, thể hiện một giai đoạn xét xử nhất định trong quá trình giải quyết vụ án hình sự. Theo tác giả khái niệm cấp xét xử không phải là khái niệm tố tụng đơn thuần. Cấp xét xử là hình thức tổ chức tố tụng thể hiện quan điểm của Nhà nước về xét xử các vụ án nhằm bảo đảm tính chính xác, khách quan trong phán quyết của Tòa án, bảo vệ các quyền tự do dân chủ

của công dân. Vì vậy, các quốc gia đều áp dụng nguyên tắc vụ án có thể được tổ chức xét xử nhiều lần và tổ chức hệ thống Tòa án để thực hiện nguyên tắc đó trong thực tế. Cấp xét xử không đơn thuần chỉ là thủ tục tố tụng nó còn liên quan nhiều đến cách tổ chức tố tụng, tổ chức Tòa án để thực hiện việc xét xử lại vụ án. Hiện nay, trong pháp luật quốc tế cũng như các quốc gia đều thực hiện nguyên tắc hai cấp xét xử. Điều này có nghĩa là vụ án mà bản án hoặc quyết định sơ thẩm chưa có hiệu lực pháp luật của Tòa án bị kháng cáo, kháng nghị trong thời hạn luật định được Tòa án cấp trên trực tiếp xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm. Còn các bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật được xem xét lại theo thủ tục giám đốc thẩm không phải là một cấp xét xử mà là một thủ tục đặc biệt trong tố tụng hình sự. Quan điểm này khẳng định giám đốc thẩm không phải là một cấp xét xử, do đó nó không phải tuân thủ theo một số quy định bắt buộc của pháp luật tố tụng hình sự như: Thu thập tài liệu, chứng cứ; triệu tập bị cáo, bị hại, người làm chứng; đưa vụ án ra xét xử... Việc xem xét lại bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật được tiến hành theo một thủ tục đặc biệt mà không được xem là cấp xét xử thứ ba vì nếu xác định giám đốc thẩm là một cấp xét xử sẽ dẫn tới hai hệ quả là sự quá tải của bộ máy tư pháp và sự chậm trễ trong việc thực thi công lý.

Khi nghiên cứu khái niệm ta phải phân biệt rõ giám đốc thẩm vụ án hình sự với “giám đốc việc xét xử” và phân biệt thủ tục “giám đốc thẩm” với “tái thẩm”:

- Giám đốc việc xét xử là hoạt động kiểm tra, giám sát của Tòa án cấp trên đối với việc xét xử của Tòa án cấp dưới. Từ quan điểm này, có nhiều ý kiến cho rằng thủ tục giám đốc thẩm chính là giám đốc việc xét xử. Theo tác giả quan điểm này là chưa chính xác, vì giám đốc việc xét xử là việc Tòa án cấp trên kiểm tra hoạt động xét xử của Tòa án cấp dưới về công tác xét xử thông qua đó kịp thời uốn nắn, sửa chữa hoặc hủy bỏ những sai lầm, thiếu sót nhằm đảm bảo bản án được ban hành đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Giám đốc xét xử bao gồm nhiều hoạt động khác nhau như: Kiểm tra, phát hiện những thiếu sót thông qua đoàn thanh tra; giải quyết các khiếu nại, tố cáo của cơ quan nhà nước, tổ chức xã hội, bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và của các công dân khác; thẩm định lại

các bản án hoặc quyết định của Tòa án cấp dưới; hướng dẫn Tòa án các cấp áp dụng thống nhất pháp luật; tổ chức tổng kết kinh nghiệm hàng năm của TANDTC. Giám đốc việc xét xử không chỉ thực hiện khi Tòa án đã ban hành bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật mà được tiến hành trong suốt quá trình tiến hành tố tụng của Tòa án. Thông qua giám đốc việc xét xử, khi phát hiện bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật có sai phạm, Tòa án cấp trên có quyền kiến nghị người có thẩm quyền kháng nghị đối với bản án, quyết định đó. Như vậy, giám đốc việc xét xử là một hoạt động của Tòa án, không phải là thủ tục tố tụng và được phân biệt với thủ tục giám đốc thẩm.

- Giám đốc thẩm và tái thẩm đều là thủ tục xét lại bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật với cơ quan có thẩm quyền xét xử là tương đương nhau. Còn khác nhau cơ bản là giám đốc thẩm là xét lại bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật nhưng bị kháng nghị vì phát hiện có vi phạm pháp luật nghiêm trọng trong việc giải quyết vụ án; tái thẩm là việc xét lại bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật nhưng bị kháng nghị vì có những tình tiết mới được phát hiện có thể làm thay đổi cơ bản nội dung của bản án, quyết định mà Tòa án, đương sự không biết được khi Tòa án ra bản án, quyết định đó.

Từ góc độ ngôn ngữ học, theo từ điển Tiếng Việt của Viện Ngôn ngữ học không có cụm từ “giám đốc thẩm” mà chỉ giải nghĩa từ “giám đốc” là “đôn đốc và giám sát” và “thẩm” là “xét kỹ” [65]. Theo Từ điển Pháp - Việt danh từ “cassation” có nghĩa là “sự phá án” [63]; còn từ điển Anh - Việt lại giải nghĩa danh từ “cassation” có nghĩa là “sự huỷ bỏ” [64]. Từ góc độ khoa học pháp lý, giám đốc thẩm là một giai đoạn tố tụng có mục đích kiểm tra tính hợp pháp và tính có căn cứ của các bản án hoặc quyết định đã có hiệu lực pháp luật [70, tr. 88]. Giám đốc thẩm còn được hiểu là: *“Xét lại bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật nhưng bị kháng nghị vì phát hiện có vi phạm pháp luật trong việc xử lý vụ án”* [53, tr. 172]. Theo tác giả Đinh Văn Quế thì *“Giám đốc thẩm là xét lại bản án hoặc quyết định đã có hiệu lực pháp luật, nhưng bị kháng nghị vì phát hiện có vi phạm pháp luật nghiêm trọng trong việc xử lý vụ án”*. [24, tr. 318]. Theo tác giả Nguyễn Văn Tuấn

thì “*Giám đốc thẩm là một thủ tục đặc biệt trong tổ tụng hình nhằm xác định và khắc phục những vi phạm, sai lầm nghiêm trọng trong bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án dựa trên những căn cứ kháng nghị của người có thẩm quyền kháng nghị theo qui định của pháp luật*”. [56, tr. 12]

Qua nghiên cứu khái niệm giám đốc thẩm, tác giả chia thủ tục giám đốc thẩm làm hai giai đoạn cơ bản là giai đoạn kháng nghị giám đốc thẩm và giai đoạn xét xử giám đốc thẩm. Giai đoạn kháng nghị giám đốc bắt đầu khi phát hiện bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật có vi phạm pháp luật trong việc giải quyết vụ án và kết thúc khi người có thẩm quyền kháng nghị ban hành quyết định kháng nghị giám đốc thẩm. Giai đoạn này phải tuân theo những quy định về căn cứ kháng nghị giám đốc thẩm, người có thẩm quyền kháng nghị giám đốc thẩm... Giai đoạn xét xử giám đốc thẩm bắt đầu khi có kháng nghị giám đốc thẩm của người có thẩm quyền và kết thúc khi HĐXX ban hành quyết định giám đốc thẩm. Giai đoạn này phải tuân theo những quy định về thẩm quyền giám đốc thẩm, thủ tục phiên tòa giám đốc thẩm, phạm vi giám đốc thẩm và thẩm quyền của Hội đồng giám đốc thẩm...

Qua những phân tích nêu trên có thể hiểu một cách khái quát về thủ tục giám đốc thẩm vụ án hình sự. Tác giả đưa ra khái niệm về giám đốc thẩm vụ án hình sự: “*Giám đốc thẩm vụ án hình sự là một thủ tục đặc biệt trong tổ tụng hình sự gồm hai giai đoạn kháng nghị giám đốc thẩm và xét xử giám đốc thẩm nhằm xét lại bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật có vi phạm pháp luật nghiêm trọng trong việc giải quyết vụ án*”.

Có thể nói, từ nhiều góc độ sẽ có các quan điểm khác nhau về giám đốc thẩm vụ án hình sự. Và để có cái nhìn bao quát về khái niệm cũng như bản chất của giám đốc thẩm vụ án hình sự cần phải nghiên cứu làm rõ đặc điểm của giám đốc thẩm vụ án hình sự.

## **1.2. Đặc điểm giám đốc thẩm vụ án hình sự.**

### **1.2.1. Đối tượng của giám đốc thẩm.**

“*Giám đốc thẩm là xử lại một bản án của Tòa án cấp dưới*” [20, tr. 740]. Theo quan điểm này thì bản án của Tòa án cấp dưới là đối tượng của giám đốc



thẩm. Theo tác giả thì khái niệm này chưa làm rõ được nội hàm của thủ tục giám đốc thẩm vì nếu việc xét xử lại một bản án của Tòa án cấp dưới mà bản án, quyết định đó chưa có hiệu lực pháp luật thì không được xem là thủ tục giám đốc thẩm mà là thủ tục xét xử phúc thẩm, đó là những bản án, quyết định sơ thẩm chưa có hiệu lực pháp luật nhưng có kháng cáo của các bên đương sự, hoặc kháng nghị của người có thẩm quyền. Đối tượng của việc xét lại theo trình tự giám đốc thẩm rộng hơn đối tượng của xét xử phúc thẩm. Nó có thể là bất kỳ bản án hoặc quyết định nào của Tòa án cấp dưới đã có hiệu lực pháp luật bị kháng nghị. Người có thẩm quyền kháng nghị cũng có quyền kháng nghị đối với một phần hoặc toàn bộ bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật để Tòa án có thẩm quyền xét xử giám đốc thẩm. Đối với trường hợp này thì đối tượng của giám đốc thẩm có thể chỉ là một phần bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật bị kháng nghị, còn phán quyết của Tòa án về các phần khác không bị kháng nghị vẫn có hiệu lực thi hành. Vậy khác với sơ thẩm, phúc thẩm “*đối tượng của giám đốc thẩm là bản án, quyết định của Tòa án cấp dưới về vụ án chứ không phải chính vụ án*” [18, tr. 470].

Bản án hoặc quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật bao gồm: Bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật của Tòa án cấp sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị theo quy định của pháp luật; Bản án, quyết định của Tòa án cấp phúc thẩm; Quyết định giám đốc thẩm, tái thẩm của các TAND cấp cao. Dường như tất cả các bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật đều là đối tượng của giám đốc thẩm. Vậy một vụ án có thể kéo dài không có điểm dừng do cấp phúc thẩm hủy án của cấp sơ thẩm hoặc HĐXX giám đốc thẩm hủy bản án, quyết định của Tòa án cấp dưới đã có hiệu lực pháp luật và cứ như vậy lặp đi lặp lại. Cần phải có một phán quyết của Tòa án có thẩm quyền cao nhất để khép lại vụ án, chấm dứt vòng lặp nêu trên. Chính vì lý do như vậy, các quyết định của Hội đồng Thẩm phán TANDTC không bị kháng nghị, vì đây là cơ quan xét xử cao nhất nên phán quyết của Hội đồng Thẩm phán TANDTC là quyết định cuối cùng, đánh dấu sự kết thúc của một vụ án.

### ***1.2.2. Cơ sở phát sinh thủ tục giám đốc thẩm.***

Đối với thủ tục xét xử sơ thẩm thì cơ sở phát sinh là khi có Cáo trạng của VKS, đối với thủ tục phúc thẩm thì cơ sở để phát sinh là bản án, quyết định chưa có hiệu lực pháp luật bị kháng cáo hoặc kháng nghị của VKS. Đối với thủ tục giám đốc thẩm được phát sinh khi người có thẩm quyền kháng nghị biết được bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật có vi phạm pháp luật nghiêm trọng. Vậy bằng cách nào người có thẩm quyền kháng nghị biết được bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật có vi phạm pháp luật nghiêm trọng? Người có thẩm quyền kháng nghị biết được thông qua sự thông báo của cá nhân hoặc tổ chức về những bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật có dấu hiệu vi phạm pháp luật. Việc phát hiện các bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật có vi phạm pháp luật và thông báo với người có thẩm quyền kháng nghị là quyền của bất kỳ cá nhân, cơ quan, tổ chức nào. Người phát hiện có thể là cơ quan Nhà nước, tổ chức chính trị, chính trị xã hội, đoàn thể quần chúng, người bị kết án, người bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người làm chứng, người bào chữa, người bảo vệ quyền lợi cho đương sự hoặc các cá nhân khác. Ngoài ra, các bài trên báo, phát thanh truyền hình hoặc trên các phương tiện thông tin đại chúng khác phát hiện về những vi phạm pháp luật trong các bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật cũng là một trong những nguồn tin quan trọng để VKS và Tòa án kiểm tra lại các bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật. Việc phát hiện những bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật có vi phạm pháp luật và bào cho người có thẩm quyền kháng nghị không chỉ là quyền hạn mà còn là trách nhiệm của VKS và Tòa án các cấp. Phần lớn những bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật có vi phạm pháp luật được phát hiện thông qua hoạt động giám đốc việc xét xử của Tòa án cấp trên đối với các Tòa án cấp dưới, hoạt động kiểm sát việc xét xử của VKS, qua các hội nghị tổng kết, sơ kết ngành TAND, VKSND... Tóm lại, việc phát hiện bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật cần xét lại theo thủ tục giám đốc thẩm không bị giới hạn bởi cá nhân hay tổ chức nào. Hình thức thông báo cũng rất đa dạng, có thể bằng văn bản cũng có thể trình bày trực tiếp với người có thẩm quyền kháng nghị hoặc cũng

có thể thông báo bằng văn bản hoặc trình bày trực tiếp với Tòa án, VKS nơi gần nhất. Việc phát hiện chính xác, nhanh chóng sẽ giúp cho việc sửa chữa kịp thời những vi phạm pháp luật của Tòa án trong công tác xét xử. Hoạt động phát hiện giữ vai trò là tiền đề cho việc kháng nghị giám đốc thẩm. Thực tiễn cho thấy có nhiều bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật vi phạm pháp luật nghiêm trọng trong việc giải quyết vụ án nhưng không được kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm vì không phát hiện được hoặc phát hiện không kịp thời nên hết thời hạn kháng nghị. Vậy có thể nói thủ tục giám đốc thẩm phát sinh khi người có thẩm quyền kháng nghị phát hiện bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật có dấu hiệu vi phạm pháp luật nghiêm trọng.

### ***1.2.3. Kháng nghị giám đốc thẩm vụ án hình sự.***

Để làm rõ đặc điểm kháng nghị giám đốc thẩm là gì luận văn phải tìm hiểu các thể nào là “kháng nghị”, người có thẩm quyền kháng nghị là ai và căn cứ để kháng nghị giám đốc thẩm là gì.

Theo Từ điển tiếng Việt thì “*Kháng nghị là bày tỏ ý kiến phản đối bằng văn bản chính thức*” [66, tr. 492] cũng theo Từ điển tiếng Việt thì “*Kháng nghị là bày tỏ ý kiến phản đối một việc gì*” [69, tr. 345]. Còn theo Từ điển mở Wiktionary thì “*Kháng nghị là bày tỏ ý kiến chống lại điều đã quyết nghị*”. Theo các khái niệm nêu trên thể hiện thì kháng nghị là việc phản đối bằng văn bản đối với một vấn đề đã được được định đoạt, đối chiếu vào pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam thì đó là sự phản đối lại bản án, quyết định của Tòa án.

Theo Từ điển Luật học thì “*Kháng nghị là việc người có thẩm quyền, bằng văn bản của mình gửi đến Tòa án có thẩm quyền làm ngừng hiệu lực phán quyết của Tòa án trong bản án, quyết định để xét xử phúc thẩm, giám đốc thẩm hoặc tái thẩm nhằm làm cho vụ án được xét xử chính xác, khách quan và đúng pháp luật*” [62, tr. 249]. Tuy nhiên, khái niệm này theo tác giả cũng chưa hoàn toàn chính xác ở chỗ mặc dù kháng nghị là phân tích chỉ ra những vi phạm, sai lầm của bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật nhưng nếu trong phần nội dung của quyết định kháng nghị không quyết định về việc tạm hoãn thi hành bản án, quyết định đã có

hiệu lực pháp luật đó cho đến khi xét xử giám đốc thẩm thì về nguyên tắc bản án, quyết định đó vẫn có thể bị thi hành án. Trong thực tế, đã có trường hợp mặc dù đã có quyết định kháng nghị giám đốc thẩm nhưng phần quyết định của kháng nghị không nêu về việc tạm hoãn thi hành án, dẫn đến việc Cơ quan thi hành án vẫn thi hành bản án, quyết định bị kháng nghị. Mục đích của kháng nghị là để thể hiện sự phản đối của chủ thể có thẩm quyền kháng nghị đối với phán quyết của Tòa án thông qua việc ra bản án, quyết định mà chủ thể kháng nghị cho rằng chưa khách quan, toàn diện và đúng pháp luật để Tòa án có thể xem xét lại bản án theo thủ tục phúc thẩm, giám đốc thẩm hoặc tái thẩm, bảo vệ quyền lợi chính đáng của đương sự và đảm bảo pháp chế XHCN.

Như vậy, “*kháng nghị*” là hình thức phản đối bằng văn bản của người có thẩm quyền kháng nghị đối với bản án, quyết định của Tòa án. Tuy nhiên, khác với kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm là hình thức phản đối bằng văn bản của người có thẩm quyền đối với bản án, quyết định của Tòa án chưa có hiệu lực pháp luật, kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm là hình thức phản đối bằng văn bản của người có thẩm quyền đối với bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật.

- Người có thẩm quyền kháng nghị:

Pháp luật tố tụng hình sự đã quy định các hình thức để phản đối những bản án, quyết định của Tòa án nếu chủ thể phản đối cho rằng việc xét xử của Tòa án là không khách quan, chính xác và đúng pháp luật. Bị cáo, bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan và những người đại diện hợp pháp của họ có quyền làm đơn kháng cáo bản án, quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm để yêu cầu Tòa án cấp trên trực tiếp giải quyết lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm. Khác với kháng cáo, chủ thể kháng nghị thuộc về người tiến hành tố tụng được Nhà nước giao cho thẩm quyền kháng nghị. Người có thẩm quyền kháng nghị chỉ có thể là cá nhân cụ thể, việc Nhà nước giao cho cá nhân mà không giao cho cơ quan, tổ chức nhằm kiểm soát chặt chẽ công tác kháng nghị cũng như chất lượng kháng nghị. Trong đó, đối với kháng nghị phúc thẩm theo thủ tục phúc thẩm hình sự thì pháp luật tố tụng hình sự quy định chủ thể thực hiện là người đứng đầu của

VKS, đối với kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm, tái thẩm thì chủ thể kháng nghị là người đứng đầu của cơ quan Tòa án và VKS. Tuy nhiên, hệ thống Tòa án và VKS ở các cấp khác nhau thì đều có người đứng đầu là Chánh án hoặc Viện trưởng nhưng không phải người đứng đầu ở Tòa án, VKS cấp nào cũng có quyền kháng nghị giám đốc thẩm. Nếu để cho người đứng đầu ở Tòa án và VKS các cấp đều có quyền kháng nghị giám đốc thẩm thì sẽ xảy ra việc kháng nghị tràn lan, kháng nghị không có căn cứ làm phá vỡ sự ổn định của bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật. Nhà nước chỉ giao quyền cho người đứng đầu Tòa án và VKS ở cấp cụ thể thẩm quyền kháng nghị giám đốc thẩm. Đối chiếu với quy định của pháp luật tố tụng Việt Nam thì chỉ có Viện trưởng VKSNDTC, Viện trưởng VKSND cấp cao, Chánh án TANDTC, Chánh án TAND cấp cao mới có thẩm quyền kháng nghị giám đốc thẩm. Việc quy định như vậy để hạn chế bớt những người có thẩm quyền kháng nghị, chỉ tập trung cho một số người để việc kháng nghị chính xác hơn, khách quan hơn. Đồng thời người đứng đầu Tòa án, VKS nêu trên cũng có trình độ chuyên môn cao, có bộ máy giúp việc tham mưu cho mình để đảm bảo tính có căn cứ khi ban hành quyết định kháng nghị giám đốc thẩm.

Tuy nhiên, trên thực tế không phải trường hợp nào kháng nghị giám đốc thẩm cũng có căn cứ, khách quan do đó người có thẩm quyền kháng nghị giám đốc thẩm cũng đồng thời có quyền thay đổi, bổ sung, rút kháng nghị nếu chưa hết thời hạn kháng nghị (tức là chưa hết thời hạn một năm kể từ thời điểm bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật nếu việc kháng nghị không có lợi cho người bị kết án, còn việc kháng nghị theo hướng có lợi cho người bị kết án thì có thể tiến hành bất kỳ lúc nào). Việc bổ sung, thay đổi kháng nghị có thể trước khi mở phiên tòa hoặc tại phiên tòa giám đốc thẩm và người kháng nghị cũng có quyền rút một phần hoặc toàn bộ kháng nghị.

- Căn cứ kháng nghị giám đốc thẩm:

Trường hợp người có thẩm quyền kháng nghị cho rằng bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án là phù hợp với các tình tiết khách quan của vụ án thì người có thẩm quyền kháng nghị sẽ ban hành văn bản không kháng nghị giám

độc thẩm (Thông báo về việc giải quyết Đơn đề nghị giám đốc thẩm/Kiến nghị giám đốc thẩm đối với bản án/quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật cần xem xét lại theo thủ tục giám đốc thẩm).

Trường hợp phát hiện bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật có vi phạm pháp luật nghiêm trọng trong việc giải quyết vụ án thì người có thẩm quyền sẽ kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm. Như vậy, trường hợp nào cần kháng nghị, trường hợp nào thì không cần kháng nghị thì phải có căn cứ pháp lý rõ ràng. Đa số các quốc gia đều quy định khi có căn cứ chứng tỏ có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án hoặc có sai lầm trong việc áp dụng pháp luật trong bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án là căn cứ kháng nghị giám đốc thẩm [79, tr. 23]. Theo tác giả, không phải tất cả các vi phạm pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án được phát hiện đều là căn cứ để xem xét lại bản án theo thủ tục giám đốc thẩm. Để đảm bảo sự ổn định của các bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật, chỉ trong trường hợp vi phạm pháp luật nghiêm trọng ảnh hưởng tới tính khách quan của vụ án thì bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật mới bị kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm. Điều này nhằm đảm bảo sự ổn định của các bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật nên những vi phạm không nghiêm trọng, không ảnh hưởng đến tính khách quan của vụ án và đặc biệt là không ảnh hưởng tới trách nhiệm hình sự của người bị kết án thì không được xem xét lại theo thủ tục giám đốc thẩm.

Khi xem xét tính hợp pháp và tính có căn cứ của bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật, giám đốc thẩm phải xem xét một số vấn đề như: Việc định tội có đúng tội danh được quy định trong BLHS không; căn cứ áp dụng hình phạt có đúng không; áp dụng các tình tiết giảm nhẹ, tình tiết tăng nặng có đúng với quy định của BLHS không; phần kết luận của bản án hoặc quyết định đó có phù hợp với các tình tiết khách quan của vụ án, phù hợp các chứng cứ, tình tiết được thẩm tra, xác minh tại phiên tòa không... Ngoài ra, việc Cơ quan thi hành án không thi hành được bản án, quyết định cũng là căn cứ để xem xét theo thủ tục giám đốc thẩm. Vì theo quy định tại Điều 106 Hiến pháp năm 2013 và khoản 2 Điều 4 Luật thi hành án hình sự

năm 2017 thì: *Bản án, quyết định của TAND có hiệu lực pháp luật phải được cơ quan, tổ chức, cá nhân tôn trọng; cơ quan, tổ chức cá nhân hữu quan phải nghiêm chỉnh chấp hành.*

Như vậy, căn cứ để người có thẩm quyền kháng nghị giám đốc thẩm là trường hợp bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật có vi phạm pháp luật nghiêm trọng hoặc bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật không thi hành được trên thực tế.

#### ***1.2.4. Xét xử giám đốc thẩm vụ án hình sự.***

Bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật sau khi bị người có thẩm quyền kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm thì giai đoạn kháng nghị giám đốc thẩm chấm dứt và chuyển sang giai đoạn xét xử giám đốc thẩm.

Thẩm quyền xem xét kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm có thể là Tòa án hoặc VKS, tuy nhiên thẩm quyền xét xử giám đốc thẩm chỉ thuộc về một cơ quan duy nhất đó là Tòa án, theo khoản 1 Điều 102 Hiến pháp năm 2013 quy định: *“TAND là cơ quan xét xử của nước Cộng hòa XHCN Việt Nam, thực hiện quyền tư pháp”*. Khác với người có thẩm quyền kháng nghị giám đốc thẩm là cá nhân, việc xét xử giám đốc thẩm phải là một tập thể được gọi là “Hội đồng xét xử”. Như đã phân tích ở phần trên, quyết định kháng nghị giám đốc thẩm là do một cá nhân ban hành nên thường có ý chí chủ quan của người có thẩm quyền kháng nghị và có thể cũng không xem xét đầy đủ các khía cạnh của vụ án. Chính vì vậy, việc xem xét vụ án một cách khách quan hơn, nhìn từ nhiều khía cạnh hơn là cần thiết. Việc xét xử giám đốc thẩm theo tác giả chính là xem xét lại tính có căn cứ của quyết định kháng nghị giám đốc thẩm đối với bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật. Quyết định giám đốc thẩm là quyết định cuối cùng, phủ quyết quyết định kháng nghị giám đốc thẩm, điều này giúp cho quyền lực Nhà nước không tập trung vào một cá nhân mà thuộc về một tập thể.

Đối với mỗi vụ án được đưa ra xét xử giám đốc thẩm phải có HĐXX cụ thể gồm các Thẩm phán cùng cấp trong đó một Thẩm phán được phân công là chủ tọa phiên tòa. Tuy nhiên, không phải bất cứ Tòa án nào cũng có thẩm quyền xét xử

giám đốc thẩm, chỉ có những Tòa án được Nhà nước giao cho nhiệm vụ mới có thẩm quyền xét xử giám đốc thẩm. Những Tòa án này chính là cấp mà Chánh án có thẩm quyền kháng nghị giám đốc thẩm là người đứng đầu. Việc quy định như vậy là giúp cho việc tổ chức xét xử giám đốc thẩm được một cách khoa học, những Thẩm phán tham gia HĐXX có đủ trình độ chuyên môn, có đủ năng lực đánh giá hồ sơ và có kinh nghiệm trong việc xét xử giám đốc thẩm. Để tránh sự chông chéo trong công tác xét xử khi một bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật cụ thể bị kháng nghị, thì thẩm quyền xét xử sẽ được giao cho một Tòa án, cụ thể:

- Hội đồng Thẩm phán TANDTC. Theo quy định tại khoản 1, Điều 22 Luật Tổ chức TAND năm 2014 thì: *Số lượng thành viên Hội đồng Thẩm phán TANDTC không dưới mười ba người và không quá mười bảy người; gồm Chánh án, các Phó chánh án TANDTC là Thẩm phán TANDTC và các Thẩm phán TANDTC.* Về nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng Thẩm phán TANDTC theo tại khoản 2, Điều 22 Luật Tổ chức TAND năm 2014 có quy định: *Hội đồng có nhiệm vụ, quyền hành giám đốc thẩm, tái thẩm bản án, quyết định của tòa án đã có hiệu lực pháp luật bị kháng nghị theo quy định của luật tố tụng...* Về hiệu lực pháp luật của quyết định do Hội đồng Thẩm phán TANDTC đưa ra, tại Khoản 4 Điều 22 có quy định như sau: *Quyết định giám đốc thẩm, tái thẩm của Hội đồng thẩm phán TAND tối cao là quyết định cao nhất, không bị kháng nghị.* Về việc tổ chức xét xử của hội đồng, tại khoản 1, Điều 23 của Luật Tổ chức TAND năm 2014 có quy định rõ như sau: *Hội đồng Thẩm phán TANDTC xét xử giám đốc thẩm, tái thẩm bằng HĐXX gồm 5 thẩm phán hoặc toàn thể thẩm phán TANDTC.* Trường hợp bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật bị kháng nghị thuộc thẩm quyền giám đốc thẩm của các cấp khác nhau thì Hội đồng Thẩm phán TAND tối cao giám đốc thẩm toàn bộ vụ án.

- Ủy ban Thẩm phán TAND cấp cao. Theo quy định tại khoản 1 Điều 31 Luật tổ chức TAND năm 2014 thì: *Số lượng thành viên Ủy ban Thẩm phán TAND cấp cao không dưới mười một người và không quá mười ba người. Gồm Chánh án, các Phó Chánh án là Thẩm phán cao cấp và một số Thẩm phán cao cấp do Chánh*



*án TANDTC quyết định theo đề nghị của Chánh án TAND cấp cao. Về nhiệm vụ và quyền hạn của Ủy ban Thẩm phán TAND cấp cao theo tại Khoản 2, Điều 31 Luật Tổ chức TAND năm 2014 có quy định: Giám đốc thẩm, tái thẩm bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của TAND tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, TAND huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh và tương đương thuộc phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ bị kháng nghị theo quy định của luật tố tụng. Về việc tổ chức xét xử của hội đồng, tại khoản 1, Điều 32 của Luật Tổ chức TAND năm 2014 có quy định rõ như sau: Ủy ban Thẩm phán TAND cấp cao xét xử giám đốc thẩm, tái thẩm bằng HĐXX gồm 03 Thẩm phán hoặc toàn thể Ủy ban Thẩm phán TAND cấp cao.*

- Ủy ban Thẩm phán Tòa án quân sự trung ương. Theo khoản 1 Điều 52 Luật tổ chức TAND năm 2014 thì: *Tổng số thành viên Ủy ban Thẩm phán Tòa án quân sự trung ương không quá bảy người. Gồm có Chánh án, các Phó Chánh án Tòa án là Thẩm phán cao cấp và một số Thẩm phán cao cấp được Chánh án Tòa án nhân dân tối cao quyết định theo đề nghị của Chánh án Tòa án quân sự trung ương. Về nhiệm vụ và quyền hạn của Ủy ban Thẩm phán Tòa án quân sự trung ương tại khoản 2 Điều 52 Luật tổ chức TAND năm 2014 quy định: giám đốc thẩm, tái thẩm bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án quân sự cấp quân khu và tương đương, Tòa án quân sự khu vực bị kháng nghị theo quy định của BLTTHS. Về việc tổ chức xét xử của Ủy ban Thẩm phán Tòa án quân sự trung ương được quy định như Ủy ban Thẩm phán TAND cấp cao, nghĩa là: xét xử giám đốc thẩm, tái thẩm bằng HĐXX gồm 03 Thẩm phán hoặc toàn thể Ủy ban Thẩm phán Tòa án quân sự trung ương.*

Như vậy, mặc dù Chánh án TANDTC, Viện trưởng VKSNDTC có quyền kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của TAND cấp tỉnh, TAND cấp huyện hay Tòa án quân sự cấp quân khu, Tòa án quân sự khu vực. Tuy nhiên, khi xét xử giám đốc thẩm đối với vụ án hình sự cụ thể thẩm quyền xét xử giám đốc thẩm được giao cho Ủy ban Thẩm phán TAND cấp cao theo lãnh thổ hoặc Ủy ban Thẩm phán Tòa án quân sự trung ương. Điều này thể

hiện sự phân cấp xét xử đã được Nhà nước quy định, giúp cho việc theo dõi xét xử của TAND cấp cao hoặc Tòa án quân sự trung ương đối với các TAND thuộc thẩm quyền quản lý được thuận lợi, có hệ thống. Tuy nhiên, theo tác giả điều này cũng là một khó khăn cho TAND cấp cao và Tòa án quân sự trung ương khi xét xử trong trường hợp phải xem xét một quyết định của người đứng đầu ngành Tòa án là Chánh án TANDTC.

Ngoài ra, chính vì giám đốc thẩm không phải là một cấp xét xử nên khác với xét xử sơ thẩm và xét xử phúc thẩm, xét xử giám đốc thẩm được tổ chức như một phiên họp và HĐXX ban hành quyết định chứ không phải bản án. Điều này có nghĩa là, khi xét xử giám đốc thẩm thì các thủ tục như triệu tập bị cáo, người bị hại, người liên quan, người bào chữa, người làm chứng...không phải là các thủ tục bắt buộc. Tuy nhiên, để việc xét xử được thống nhất thì giai đoạn xét xử giám đốc thẩm cũng phải tuân theo các quy tắc nhất định như: thời hạn mở phiên tòa, những người bắt buộc phải tham gia phiên tòa, thành phần HĐXX, thủ tục phiên tòa...

Giám đốc thẩm có ý nghĩa trong nhiều hoạt động của ngành Tòa án, VKS và các cơ quan hỗ trợ tư pháp, đồng thời có tác động đến nhiều mặt của đời sống, xã hội. Vì vậy, luận văn cần phải tìm hiểu ý nghĩa của giám đốc thẩm trong tổ tụng hình sự.

### **1.3. Ý nghĩa của giám đốc thẩm trong tổ tụng hình sự.**

Mặc dù chất lượng xét xử thông qua các bản án, quyết định của Tòa án ngày càng được nâng cao; số bản án, quyết định bị hủy sửa do lỗi chủ quan đã giảm so với trước đây. Tuy nhiên, thực tế vẫn còn nhiều bản án, quyết định của Tòa án có vi phạm nghiêm trọng trong việc giải quyết vụ án. Sai lầm của bản án hoặc quyết định của Tòa án được thể hiện dưới dạng làm oan người vô tội (xét xử người không có tội, hành vi của họ không cấu thành tội phạm); bỏ lọt tội phạm (bỏ lọt hành vi phạm tội và người phạm tội); xét xử không đúng tội danh (do nhận thức chưa đúng); mức án không phù hợp (xử nặng hoặc xử nhẹ, không đúng tính chất, mức độ hành vi phạm tội); có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử; có sự thay đổi pháp luật làm cho các hành vi được coi là nguy hiểm cho xã

hội trước đây được xác định là tội phạm hiện nay không còn nguy hiểm và không được quy định là tội phạm trong BLHS. Điều đó gây thiệt hại đến lợi ích của người bị kết án và những người tham gia tố tụng khác, ảnh hưởng đến uy tín của các cơ quan tiến hành tố tụng, gây mất niềm tin trong nhân dân, vi phạm các nguyên tắc của BLTTHS như nguyên tắc xác định sự thật của vụ án, nguyên tắc suy đoán vô tội, nguyên tắc đảm bảo quyền bất khả xâm phạm về thân thể của công dân... Việc khắc phục những sai lầm của các cơ quan tiến hành tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở các giai đoạn trước đó cũng như trong giai đoạn xét xử là việc làm cần thiết mang tính tất yếu, là yêu cầu khách quan đặt ra đối với Tòa án và các cơ quan tiến hành tố tụng khác. Do đó, thủ tục giám đốc thẩm có ý nghĩa là cơ chế đặc biệt để khắc phục sai lầm trong các bản án hoặc quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật.

Vấn đề bảo vệ các quyền và lợi ích hợp pháp hợp pháp của nhân dân được coi là yêu cầu trung tâm của nội dung Nhà nước pháp quyền, thể hiện bản chất tốt đẹp của Nhà nước ta. Tòa án trong hoạt động của mình đảm bảo việc xét xử đúng đắn, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của nhân dân. Tuy giám đốc thẩm không trực tiếp khôi phục các quyền và lợi ích hợp pháp đã bị xâm hại nhưng thông qua thủ tục giám đốc thẩm đối với những bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật sai lầm đã tạo cơ sở pháp lý để vụ án được phục hồi, xét xử lại hoặc là cơ sở cho việc khắc phục những vi phạm quyền lợi hợp pháp của các cá nhân, tổ chức.

Giám đốc thẩm có nhiệm vụ xét lại những bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật, vô hiệu các bản án, quyết định sai trái, đảm bảo xét xử đúng pháp luật, khách quan. Với mục đích này, giám đốc thẩm góp phần đảm bảo nguyên tắc pháp chế XHCN, đảm bảo tính thống nhất, ổn định chặt chẽ của nhà nước và pháp luật. *“Giám đốc thẩm có vai trò quan trọng đối với việc xây dựng Nhà nước pháp quyền”* [17, tr. 52], bảo đảm công bằng xã hội.

Giám đốc thẩm có ý nghĩa rất lớn trong hoạt động tổng kết xét xử, rút kinh nghiệm trong công tác xét xử của Tòa án góp phần giáo dục ý thức pháp luật cho các cán bộ làm công tác xét xử nội dung quyết định giám đốc thẩm sẽ chỉ rõ những

sai lầm về phương diện pháp luật trong việc xét xử của Tòa án các cấp, hướng dẫn áp dụng pháp luật một cách đúng đắn, thống nhất, tránh việc nhận thức pháp luật sai lầm và áp dụng pháp luật một cách tùy tiện. Có thể khẳng định rằng “*Giám đốc thẩm còn là phương tiện hướng dẫn hoạt động xét xử của Tòa án cấp trên đối với Tòa án cấp dưới*” [54, tr. 319].

Kết quả thống kê toàn ngành giúp cho Hội đồng thẩm phán TAND tối cao đề ra các Nghị quyết hoặc phối hợp với các cơ quan hữu quan ra Thông tư liên tịch hướng dẫn Tòa án các cấp trong hoạt động xét xử. Đồng thời, giám đốc thẩm vụ án hình sự giúp cho các cơ quan tiến hành tố tụng còn phát hiện ra những quy định bất hợp lý của BLHS, BLTTHS và các văn bản quy phạm pháp luật khác để kịp thời có những kiến nghị nhằm sửa đổi bổ sung cho phù hợp với thực tiễn.

Ngoài ra, các quyết định giám đốc thẩm chính là nguồn của Án lệ. Hội đồng thẩm phán TANDTC lựa chọn các quyết định giám đốc thẩm có tính khái quát chung, có tính chất điển hình để đưa ra làm Án lệ cho Tòa án các cấp áp dụng.

### **Kết luận chương 1**

Chương 1 đã làm rõ khái niệm và đặc điểm và ý nghĩa của giám đốc thẩm vụ án hình sự, khái quát thủ tục giám đốc thẩm trong pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam. Phân tích khái niệm Giám đốc thẩm vụ án hình sự dựa trên tính chất của giám đốc thẩm.

Chương 1 đã phân tích các đặc điểm để nhận diện đầy đủ bản chất của giám đốc thẩm vụ án hình sự.

Ý nghĩa của giám đốc thẩm trong tố tụng hình sự là khắc phục những sai lầm của các cơ quan tiến hành tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án là yêu cầu tất yếu, khách quan đặt ra cả về lý luận và thực tiễn. Đây là cơ sở hình thành thủ tục giám đốc thẩm, một cơ chế đặc biệt để xét lại các bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật. Ngoài ra, các ý nghĩa khác của giám đốc thẩm trong tố tụng hình sự cũng được tác giả phân tích.

Các nội dung chính đã nghiên cứu ở Chương này là cơ sở để khảo sát thực tiễn ở Chương 2 và đề xuất các giải pháp ở Chương 3.

## Chương 2

# QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT TỔ TỤNG HÌNH SỰ VỀ GIÁM ĐỐC THẨM VÀ THỰC TRẠNG ÁP DỤNG CỦA TÓA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

### 2.1. Quy định của pháp luật tố tụng hình sự về giám đốc thẩm.

Qua các giai đoạn phát triển của pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam, các quy định về thủ tục giám đốc thẩm kể từ sau Cách mạng tháng Tám đến nay được hình thành và từng bước phát triển. Các quy định này vận động theo những quy luật khách quan, vừa kế thừa vừa phát triển vừa mang tính tất yếu, phổ biến vừa mang tính đặc thù, phù hợp với thực tế ở từng giai đoạn lịch sử khác nhau. Cùng với sự phát triển của đất nước, pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam về thủ tục giám đốc thẩm cũng từng bước phát triển và ngày càng hoàn thiện, góp phần vào công cuộc đấu tranh phòng và chống tội phạm, đảm bảo việc xét xử và áp dụng hình phạt đúng người, đúng tội và đúng pháp luật, đảm bảo công bằng xã hội. Qua nghiên cứu quá trình phát triển của pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam nói chung và thủ tục giám đốc thẩm nói riêng, tác giả chia làm ba giai đoạn như sau: Giai đoạn từ năm 1945 đến trước khi có BLTTHS năm 1988; giai đoạn từ khi có BLTTHS năm 1988 và BLTTHS năm 2003 và giai đoạn áp dụng BLTTHS năm 2015.

#### *2.1.1. Quy định của pháp luật về giám đốc thẩm các vụ án hình sự giai đoạn từ 1945 đến trước khi có Bộ luật tố tụng hình sự năm 1988.*

Sau Cách mạng Tháng Tám thành công nước Việt Nam dân chủ cộng hoà được thành lập. Ngày 9/11/1946, Quốc hội nước Việt Nam dân chủ cộng hòa đã thông qua Hiến pháp năm 1946, tạo cơ sở pháp lý cho việc tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước, trong đó có ngành TAND. Tuy nhiên, vào thời điểm này chưa có văn bản quy phạm pháp luật nào quy định về thủ tục giám đốc thẩm. Do văn bản pháp luật còn chưa đầy đủ, Nhà nước ta cho phép áp dụng pháp luật của chế độ cũ trừ những điều khoản trái với nguyên tắc độc lập, chủ quyền, thống nhất lãnh thổ của tổ quốc. Đồng thời, Chính phủ lâm thời Việt Nam dân chủ cộng hoà ban hành một số sắc lệnh điều chỉnh tổ chức và hoạt động của cơ quan tư pháp để củng cố và

hoàn thiện bộ máy tư pháp. Tại Thông tư số 321/VHH-CT ngày 12/02/1958 của Bộ Tư pháp quy định về việc yêu cầu các Tòa án phải nghiên cứu giải quyết các đơn thư khiếu nại về các vụ án đã xét xử chung thẩm, đã nêu: *“Đối với những việc đã xử rồi... nếu thấy sai hoặc đúng không rõ ràng thì tùy từng trường hợp có kế hoạch giải quyết thích đáng (báo cáo cấp trên đề nghị kháng cáo hay xin xử lại hoặc đặt vấn đề điều tra, xác minh lại...)”*. Phải đặt ra yêu cầu trên là do thực tiễn giai đoạn này có nhiều đơn khiếu nại oan sai về các bản án chung thẩm, chứ không phải xuất phát từ quá trình nghiên cứu lý luận và tham khảo kinh nghiệm lập pháp của nước ngoài. Vì vậy, thời kỳ này chưa có một thủ tục cụ thể để giải quyết vấn đề xét lại bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật.

Đến khi Hiến pháp năm 1959 được Quốc hội nước Việt Nam dân chủ cộng hoà thông qua ngày 31/12/1959 thay thế Hiến pháp 1946 đã quy định lại vị trí, chức năng, nhiệm vụ của TAND, của VKSND. Theo đó khi bản án hoặc quyết định có hiệu lực pháp luật phát hiện có vi phạm nghiêm trọng pháp luật hình sự thì chỉ có TANDTC có quyền giám đốc xét xử đối với TAND địa phương, Tòa án quân sự và Tòa án đặc biệt. Trên cơ sở quy định của Hiến pháp, Luật tổ chức TAND năm 1960 đã khẳng định lại nguyên tắc giám đốc xét xử và quy định tại Điều 10 như sau: *“...Đối với những bản án và quyết định của các TAND địa phương đã có hiệu lực pháp luật nhưng phát hiện có sai lầm thì TAND tối cao có quyền xét lại hoặc giao cho TAND cấp dưới xét lại...”* và Điều 20 quy định *“TAND tối cao là cơ quan xét xử cao nhất của nước Việt Nam dân chủ Cộng hòa. TAND tối cao giám đốc việc xét xử của các TAND địa phương và Tòa án quân sự”*. Trên cơ sở đó TANDTC đã ban hành Thông tư 06-TC ngày 23/7/1964 quy định: *“Những bản án hoặc quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật bị kháng nghị là những bản án hoặc quyết định có sai lầm”*. Đây là những cơ sở pháp lý quan trọng quy định về chức năng giám đốc thẩm của TANDTC. Và chính những cơ sở pháp lý này nên đã có nhiều bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án (ở phía Bắc) phát hiện có sai lầm nghiêm trọng được kháng nghị và xét lại theo thủ tục giám đốc thẩm.

Tuy thủ tục xét lại bản án, quyết định trong lĩnh vực hình sự đã có hiệu lực pháp luật của Toà án đã được pháp luật Việt Nam quy định khá sớm nhưng thuật ngữ “giám đốc thẩm” chính thức được quy định lần đầu tiên trong Luật tổ chức TAND năm 1981. Ngoài ra, Luật tổ chức TAND năm 1981 được ban hành đã mở rộng về chủ thể có thẩm quyền giám đốc thẩm, trong đó ngoài chủ thể là TANDTC có thẩm quyền giám đốc việc xét xử của TAND cấp tỉnh, thì TAND cấp tỉnh cũng có quyền giám đốc thẩm đối với bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của TAND cấp huyện, cụ thể như sau: *“TANDTC có thẩm quyền giám đốc thẩm hoặc tái thẩm những bản án và quyết định đã có hiệu lực pháp luật của các TAND tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và cấp tương đương...”* (Khoản 3 Điều 21) và *“...Các TAND tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và cấp tương đương có thẩm quyền...3. Giám đốc thẩm hoặc tái thẩm những bản án và quyết định đã có hiệu lực pháp luật của các TAND cấp huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh”*. Trong giai đoạn này các quyết định giám đốc thẩm của TANDTC được coi là chuẩn mực và trở thành “Án lệ” để các Toà án địa phương áp dụng tương tự. Có thể nhận thấy việc áp dụng thủ tục giám đốc thẩm trong thời kỳ này đã được thực hiện, nhưng hệ thống văn bản quy phạm pháp luật, văn bản hướng dẫn chưa đầy đủ dẫn đến việc Tòa án khó áp dụng và áp dụng không thống nhất.

### ***2.1.2. Quy định của pháp luật về giám đốc thẩm trong Bộ luật tố tụng hình sự năm 1988 và năm 2003.***

BLHS năm 1985 được Quốc hội thông qua đòi hỏi phải có một hệ thống các văn bản pháp luật tố tụng hình sự hoàn chỉnh, thống nhất và đồng bộ nhằm thực hiện các quy định của BLHS, giải quyết tốt các vụ án hình sự cả về nội dung và hình thức. Để đáp ứng yêu cầu trên ngày 18/6/1988, tại kỳ họp thứ ba, khoá VIII, Quốc hội đã thông qua BLTTHS có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/1989. BLTTHS năm 1988 ra đời đánh dấu sự phát triển của pháp luật tố tụng hình sự. Bộ luật này là thành tựu khoa học lớn, là kết quả của quá trình kế thừa và phát triển các kinh nghiệm và kiến thức trong quá trình xây dựng và phát triển khoa học luật tố tụng hình sự. Lần đầu tiên các quy phạm pháp luật về giám đốc thẩm được pháp điển hoá

và được quy định chi tiết ở chương XXIX, gồm 19 Điều, từ Điều 241 đến Điều 259 BLTTHS năm 1988. Trong Bộ luật này, các quy định về giám đốc thẩm đã được quy định một cách có hệ thống, đầy đủ và khoa học, về cơ bản đã đáp ứng được yêu cầu của thực tiễn xét xử trong thời kỳ mới.

- BLTTHS năm 1988 đã có sự kế thừa các quy định pháp luật trong thời kỳ trước, giữ nguyên một số quy định về những vấn đề cơ bản như: Tiếp tục phân biệt thủ tục giám đốc thẩm và tái thẩm, xác định tính chất của giám đốc thẩm, duy trì quy định về thẩm quyền giám đốc thẩm và quyền hạn của Hội đồng giám đốc thẩm. BLTTHS năm 1988 đã quy định cụ thể về bốn căn cứ kháng nghị giám đốc thẩm tạo điều kiện thuận lợi cho việc áp dụng pháp luật. Cụ thể: Việc điều tra xét hỏi tại phiên toà phiên diện hoặc không đầy đủ; kết luận trong bản án hoặc quyết định không phù hợp với những tình tiết khách quan của vụ án; có sự vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng trong khi điều tra, truy tố hoặc xét xử; có những sai lầm nghiêm trọng trong việc áp dụng BLHS. Đây là một bước phát triển về trình độ lập pháp ở nước ta, vì trước khi có BLTTHS năm 1988 chưa có văn bản nào dù chỉ là văn bản hướng dẫn đề ra được căn cứ kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm. Sau khi có những quy định về căn cứ kháng nghị nêu trên thì việc kháng nghị đã có căn cứ pháp lý rõ ràng cho người có thẩm quyền kháng nghị áp dụng. Không còn tình trạng kháng nghị với nhận định không rõ ràng, chung chung và không chỉ ra sai lầm của bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật bị kháng nghị.

- Về thẩm quyền giám đốc thẩm, BLTTHS năm 1988 quy định TANDTC có thẩm quyền giám đốc thẩm nhưng phân biệt ra HĐXX giám đốc thẩm khác nhau đối với các đối tượng khác nhau, cụ thể: Toà hình sự TANDTC giám đốc thẩm những bản án hoặc quyết định đã có hiệu lực pháp luật của các TAND cấp tỉnh; Ủy ban Thẩm phán TANDTC giám đốc thẩm những bản án hoặc quyết định đã có hiệu lực pháp luật của các Toà thuộc TANDTC; Hội đồng Thẩm phán TANDTC giám đốc thẩm những quyết định của Ủy ban Thẩm phán TANDTC bị kháng nghị; Ủy ban thẩm phán TAND cấp tỉnh giám đốc thẩm những bản án hoặc quyết định đã có hiệu lực pháp luật của TAND cấp huyện; Ủy ban thẩm phán Toà án quân sự cấp



quân khu giám đốc thẩm những bản án hoặc quyết định đã có hiệu lực pháp luật của các Tòa án quân sự khu vực; Tòa án quân sự cấp cao giám đốc thẩm những bản án hoặc quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án quân sự cấp quân khu.

- Về thẩm quyền của Hội đồng giám đốc thẩm có quyền ra quyết định: Không chấp nhận kháng nghị và giữ nguyên bản án hoặc quyết định đã có hiệu lực pháp luật; Huỷ bản án hoặc quyết định đã có hiệu lực pháp luật và đình chỉ vụ án; Huỷ bản án hoặc quyết định đã có hiệu lực pháp luật để điều tra lại hoặc xét xử lại; Sửa bản án hoặc quyết định đã có hiệu lực pháp luật. BLTTHS năm 1988 quy định HĐXX giám đốc thẩm có quyền sửa bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật nhằm khắc phục ngay những sai lầm của Tòa án cấp dưới, đảm bảo vụ án giải quyết nhanh gọn, không bị kéo dài, ảnh hưởng đến quyền, lợi ích của người dân, gây tổn kém, lãng phí ngân sách Nhà nước.

- BLTTHS năm 1988 cũng quy định thêm về quyền của người bị kết án, cơ quan Nhà nước, tổ chức xã hội và mọi công dân trong việc phát hiện những vi phạm pháp luật trong các bản án hoặc quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án và thông báo cho người có thẩm quyền kháng nghị. Quy định nêu trên làm phát sinh quyền phát hiện bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật có vi phạm pháp luật của mọi công dân, mọi tổ chức làm cho số lượng bản án, quyết định có vi phạm pháp luật được phát hiện tăng lên một cách đáng kể.

Qua mười lăm năm thực hiện, BLTTHS năm 1988 đã được sửa đổi bổ sung vào tháng 6/1990, tháng 12/1992 và lần thứ ba tháng 6/2000 nhưng các quy định trong BLTTHS năm 1988 nói chung và các quy định về giám đốc thẩm nói riêng đã bộc lộ những thiếu sót, nhược điểm không còn phù hợp với tình hình xã hội có nhiều thay đổi, không còn phù hợp với yêu cầu, nhiệm vụ của nền kinh tế, cải cách hành chính, cải cách tư pháp. Vì vậy, việc sửa đổi một cách toàn diện BLTTHS hiện hành là yêu cầu cấp thiết để đáp ứng được những đòi hỏi của thực tiễn đấu tranh phòng và chống tội phạm trong tình hình mới. Thể chế hoá chủ trương của Đảng về cải cách tư pháp đồng thời để cụ thể hoá các quy định của Hiến pháp, đảm bảo tính đồng bộ và thống nhất với các văn bản pháp luật mới được ban hành có những nội

dung liên quan đến tố tụng hình sự như: BLHS năm 1999, luật tổ chức TAND năm 2002, Luật tổ chức VKSND năm 2002. Ngày 26/11/2003 Quốc hội thông qua BLTTHS và bắt đầu có hiệu lực từ ngày 1/7/2004. Trong Bộ luật này thủ tục giám đốc thẩm được quy định tại chương XXX, phần thứ sáu gồm 18 Điều, từ Điều 272 đến Điều 289.

BLTTHS năm 2003 thêm điều luật quy định về chuẩn bị phiên tòa và thủ tục phiên tòa giám đốc thẩm, các điều luật còn lại được sửa đổi, bổ sung chặt chẽ hơn, đầy đủ hơn cụ thể như sau:

- Về người có thẩm quyền kháng nghị giám đốc thẩm, so với BLTTHS năm 1988 thì BLTTHS năm 2003 bỏ thẩm quyền kháng nghị của Phó chánh án TANDTC và Phó viện trưởng VKSNDTC. Quy định nêu trên là phù hợp với thực tiễn, vì Phó chánh án TANDTC có thể ký thay Chánh án TANDTC và tương tự Phó viện trưởng VKSNDTC có thể ký thay Viện trưởng VKSNDTC.

- Về thời hạn kháng nghị giám đốc thẩm, BLTTHS năm 1988 chỉ quy định về thời hiệu kháng nghị về trách nhiệm hình sự, đây là một thiếu sót và đã được BLTTHS năm 2003 bổ sung thêm quy định thêm về thời hiệu kháng nghị về dân sự trong vụ án hình sự.

- Về thẩm quyền giám đốc thẩm, BLTTHS năm 2003 bỏ đi thẩm quyền giám đốc thẩm của Ủy ban Thẩm phán TANDTC và quy định thêm *khi những bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật về cùng một vụ án hình sự thuộc thẩm quyền giám đốc thẩm của các cấp khác nhau thì cấp có thẩm quyền cấp trên giám đốc thẩm toàn bộ vụ án*. Quy định này là căn cứ để giải quyết khi có tranh chấp về thẩm quyền giữa các cấp giám đốc thẩm khác nhau.

- Về thẩm quyền của Hội đồng giám đốc thẩm: BLTTHS năm 2003 bỏ thẩm quyền Sửa bản án hoặc quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Hội đồng giám đốc thẩm. Đây là điểm bất cập của BLTTHS năm 2003 khi bỏ đi thẩm quyền này của hội đồng giám đốc thẩm, việc này làm kéo dài thời gian xét xử không cần thiết. Đáng lẽ phải quy định chặt chẽ hơn các trường hợp không được sửa bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật như trong trường hợp tài liệu, chứng cứ chưa đầy đủ, chưa rõ

ràng hoặc không được sửa nếu việc sửa án làm thay đổi bản chất của vụ án (từ có tội thành không có tội), việc sửa án làm xấu đi tình trạng của người bị kết án hoặc gây bất lợi cho đương sự...Việc BLTTHS năm 2003 bỏ hẳn thẩm quyền của Hội đồng giám đốc thẩm là chưa phù hợp với thực tiễn.

- Về căn cứ kháng nghị giám đốc thẩm, BLTTHS năm 2003 không khắc phục được quy định bất cập mà BLTTHS năm 1988 quy định. Cụ thể căn cứ kháng nghị là “*việc điều tra xét hỏi tại phiên tòa phiên diện hoặc không đầy đủ*”. Dựa vào căn cứ này có vụ án về đường lối xét xử, kết luận của bản án, quyết định là đúng nhưng tại phiên tòa HĐXX chỉ xét hỏi phiên diện nên bị kháng nghị. Những trường hợp này chỉ cần rút kinh nghiệm đối với HĐXX mà không cần thiết phải kháng nghị làm kéo dài thời gian xét xử, gây lãng phí cho Nhà nước.

Quá trình triển khai thi hành BLTTHS năm 2003 sau hơn 10 năm cũng đã không còn phù hợp với thực tiễn. Vì vậy, sửa đổi BLTTHS nói chung và các quy định giám đốc thẩm nói riêng là rất cần thiết, nhằm khắc phục những tồn tại, hạn chế của BLTTHS năm 2003. Mặt khác, quan điểm của Đảng về cải cách tư pháp, thể chế hóa các quy định của Hiến pháp năm 2013 và bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật đặt ra yêu cầu phải hình thành BLTTHS mới. BLTTHS năm 2015 được Quốc hội khóa XII, kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 27/11/2015 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2018. Trong đó thủ tục giám đốc thẩm được quy định tại Chương XXV gồm 27 điều (từ Điều 370 đến Điều 396).

Quy định của BLTTHS năm 2015 về tính chất của giám đốc thẩm theo hướng bổ sung, chặt chẽ hơn so với BLTTHS năm 1988, BLTTHS năm 2003.

### ***2.1.3. Quy định của pháp luật về giám đốc thẩm trong Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.***

- *Chủ thể phát hiện và hình thức phát hiện bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật cần xét lại theo thủ tục giám đốc thẩm:*

Theo Điều 372 BLTTHS năm 2015 thì người bị kết án, cơ quan, tổ chức và mọi cá nhân có quyền phát hiện những vi phạm pháp luật trong các bản án và quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật và thông báo cho những người có quyền

kháng nghị. So với BTTTHS năm 2003 thì BLTTHS năm 2015 có sự thay thế cụm từ “công dân” thành “ cá nhân”, quy định này giúp cho chủ thể phát hiện rộng hơn, không bị hạn chế là công dân Việt Nam.

Trên thực tiễn có những hình thức phát hiện như sau: Người bị kết án, cơ quan, tổ chức, cá nhân thông báo bằng văn bản hoặc trình bày trực tiếp với người có thẩm quyền kháng nghị hoặc với Tòa án, VKS nơi gần nhất kèm theo chứng cứ, tài liệu, đồ vật (nếu có). Tòa án nhân cấp tỉnh thực hiện việc kiểm tra bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của TAND cấp huyện; Tòa án quân sự cấp quân khu thực hiện việc kiểm tra bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án quân sự khu vực để phát hiện vi phạm pháp luật và kiến nghị đến người có thẩm quyền kháng nghị. Khi thực hiện công tác giám đốc việc xét xử, kiểm sát việc xét xử hoặc qua các nguồn thông tin khác mà Tòa án, VKS phát hiện vi phạm pháp luật trong bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật thì thông báo bằng văn bản cho người có thẩm quyền kháng nghị.

Thông qua một nghiên cứu về luật tố tụng hình sự của một số nước thấy rằng pháp luật của Việt Nam quy định quá rộng về chủ thể có quyền phát hiện, đề nghị, kiến nghị kháng nghị giám đốc thẩm. Theo Điều 203 BLTTHS Trung Quốc, chỉ có đương sự hoặc người đại diện hợp pháp theo pháp luật hoặc họ hàng thân thích của họ có thể nộp đơn đến TAND hoặc VKS nhân dân yêu cầu xem xét lại tính pháp lý của bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật. Điều 402 BLTTHS Liên bang Nga quy định: Người bị kết án, người được Tòa án tuyên vô tội, người bào chữa hoặc người đại diện hợp pháp của họ, người bị hại, người đại diện hợp pháp của họ cũng như Kiểm sát viên có quyền kháng cáo, kháng nghị về việc xét lại bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật. Điều 56 BLTTHS Cộng hòa Pháp quy định: Trong trường hợp quyết định của Tòa án điều tra phúc thẩm, bản án phúc thẩm, bản án chung thẩm về trọng tội, khinh tội hoặc tội vi cảnh có vi phạm pháp luật, thì Viện công tố hoặc các bên bị thiệt hại có thể kháng cáo, kháng nghị lên Tòa Phá án để xin hủy quyết định hoặc bản án đó . Điều 691 BLTTHS Canada chỉ quy định người bị kết án có quyền kháng cáo lên Tòa án tối cao Canada nếu bản án sơ

thẩm vẫn được Tòa phúc thẩm giữ nguyên. BLTTHS của Nhật Bản lại không quy định ai có quyền phát hiện, yêu cầu xét lại bản án đã có hiệu lực pháp luật. Như vậy, chủ thể phát hiện bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật cần xét lại theo thủ tục giám đốc thẩm không bị hạn chế nên dẫn đến số lượng đơn đề nghị giám đốc thẩm tràn lan, không có điểm dừng, nhiều cơ quan, tổ chức kiến nghị, chuyển đơn không đúng quy định của pháp luật, gây áp lực giải quyết cho Tòa án.

*- Thời hạn kháng nghị giám đốc thẩm:*

Việc kháng nghị theo hướng không có lợi cho người bị kết án chỉ được tiến hành trong hạn 01 năm kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật. Quy định này nhằm đảm bảo nguyên tắc có lợi cho người bị kết án, đồng thời đảm bảo cho người bị kết án, cơ quan thi hành án, trại giam và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan thực hiện nghiêm túc việc chấp hành án bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật của Tòa án.

Việc kháng nghị theo hướng có lợi cho người bị kết án có thể được tiến hành bất cứ lúc nào, cả trong trường hợp người bị kết án chết mà cần minh oan cho họ. Nguyên tắc này cũng đảm bảo nguyên tắc có lợi cho người bị kết án, không làm oan người vô tội, thể hiện chính sách nhân đạo của Đảng và Nhà nước. Trong trường hợp người bị kết án đã chết thì việc minh oan cho người bị kết án có ý nghĩa rất quan trọng đối với thân nhân người bị kết án, tạo niềm tin của nhân dân đối với pháp luật, chính sách của Đảng và Nhà nước...

Việc kháng nghị về dân sự trong vụ án hình sự đối với đương sự được thực hiện theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Theo quy định tại Điều 334 BLTTDS năm 2015 thì thời hạn kháng nghị là 03 năm kể từ ngày bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật, trường hợp đặc biệt thời hạn kháng nghị được kéo dài thêm 02 năm kể từ ngày hết thời hạn kháng nghị.

Thời hạn kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm ở các quốc gia có sự khác biệt khá lớn. Ở Pháp thời hạn kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm tối đa là 01 năm. Ở Đức, thời hạn kháng nghị được quy định tương đối ngắn, chỉ 07 ngày kể từ khi bản án được tuyên, trong trường hợp bị cáo vắng mặt khi tuyên án thì thời hạn

kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm được tính từ khi bản án đó được tổng đạt [79, tr. 23,24].

- *Căn cứ kháng nghị giám đốc thẩm:*

BLTTHS năm 2003 quy định căn cứ kháng nghị gồm: (1) Việc điều tra xét hỏi tại phiên tòa phiên diện hoặc không đầy đủ; (2) Kết luận trong bản án hoặc quyết định không phù hợp với những tình tiết khách quan của vụ án; (3) Có sự vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng trong khi điều tra, truy tố hoặc xét xử; (4) Có những sai lầm nghiêm trọng trong việc áp dụng BLHS.

BLTTHS năm 2015 đã sửa đổi, bổ sung theo hướng quy định chặt chẽ hơn về các căn cứ kháng nghị giám đốc thẩm, theo đó, chỉ kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm khi thuộc một trong ba trường hợp sau đây: (1) Kết luận trong bản án, quyết định của Tòa án không phù hợp với những tình tiết khách quan của vụ án; (2) Có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng trong điều tra, truy tố hoặc xét xử dẫn đến sai lầm nghiêm trọng trong việc giải quyết vụ án; (3) Có sai lầm nghiêm trọng trong việc áp dụng pháp luật.

Như vậy, so với BLTTHS năm 2003, BLTTHS năm 2015 đã bỏ căn cứ “*việc điều tra xét hỏi tại phiên tòa phiên diện hoặc không đầy đủ*”, điều này là phù hợp với thực tiễn vì việc xác định căn cứ này chủ yếu dựa trên đánh giá chủ quan của người có thẩm quyền kháng nghị nên trong một số trường hợp sẽ không bảo đảm sự chính xác. Hơn nữa việc điều tra xét hỏi tại phiên tòa “*phiên diện*” được hiểu là việc xét hỏi tại phiên tòa không bảo đảm tính khách quan, chỉ chú ý đến chứng cứ buộc tội mà bỏ qua chứng cứ gỡ tội hoặc ngược lại, hoặc quá chú ý đến các tình tiết tăng nặng mà không xét hỏi các tình tiết giảm nhẹ hoặc ngược lại. Việc điều tra xét hỏi “*không đầy đủ*” được hiểu là hoạt động xét hỏi tại phiên tòa còn thiếu những chứng cứ, tình tiết mà lẽ ra phải được xem xét, đánh giá tại phiên tòa và việc thiếu những chứng cứ, tình tiết này dẫn đến không có đủ cơ sở để xác định tội phạm được chính xác. Từ những thiếu sót này sẽ dẫn đến kết luận trong bản án, quyết định của Tòa án không phù hợp với những tình tiết khách quan của vụ án, đây cũng là căn cứ để kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm. Do đó, chỉ cần có căn cứ cho rằng kết luận

của bản án, quyết định không phù hợp với tinh tiết khách quan của vụ án để kháng nghị giám đốc thẩm mà không cần phải quy định căn cứ việc điều tra, xét hỏi tại phiên toà phiên diện hoặc không đầy đủ để kháng nghị giám đốc thẩm, theo tác giả việc bỏ căn cứ “*việc điều tra xét hỏi tại phiên toà phiên diện hoặc không đầy đủ*” là phù hợp và cần thiết.

Đồng thời BLTTHS năm 2015 quy định rõ những “*vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng trong điều tra, truy tố, xét xử*” phải “*dẫn đến sai lầm nghiêm trọng trong việc giải quyết vụ án*” mới trở thành căn cứ kháng nghị giám đốc thẩm. Quy định nêu trên là rất cần thiết vì người có thẩm quyền kháng nghị chỉ căn cứ vào vi phạm nghiêm trọng về thủ tục tố tụng để kháng nghị mà không xem xét về nội dung vụ án thì sẽ không thể hiện được bản chất của giám đốc thẩm. Nếu có vi phạm thủ tục tố tụng nhưng bản án, quyết định vẫn bảo đảm có căn cứ và đúng pháp luật thì việc kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm cũng không cần thiết.

Ngoài ra BLTTHS năm 2015 cũng mở rộng căn cứ kháng nghị, không chỉ giới hạn ở “*những sai lầm nghiêm trọng trong việc áp dụng BLHS*” như BLTTHS năm 2003 mà mở rộng căn cứ kháng nghị khi “*có sai lầm nghiêm trọng trong việc áp dụng pháp luật*”. Bởi lẽ, trong thực tiễn khi có sai lầm nghiêm trọng trong việc áp dụng pháp luật khác (ngoài BLHS) dẫn đến việc có bản án, quyết định có sai lầm nghiêm trọng cũng là căn cứ để kháng nghị theo thủ tục này.

Việc sửa đổi, bổ sung căn cứ kháng nghị giám đốc thẩm là những thay đổi hết sức cơ bản và quan trọng của BLTTHS năm 2015.

- *Thẩm quyền xét xử giám đốc thẩm:*

So sánh với pháp luật nước ngoài, có thể thấy ở Pháp, Đức, Nhật Bản, Hoa Kỳ và Anh, thẩm quyền xét xử giám đốc thẩm thuộc về Tòa án tối cao (Tòa án tối cao Liên bang, Tòa án tối cao bang). Ở Trung Quốc thẩm quyền giám đốc thẩm thuộc về Tòa án cấp trên của Tòa án đã ra bản án, quyết định bị xem xét lại theo thủ tục giám đốc thẩm và TAND tối cao. Ở Nga, thẩm quyền xét xử giám đốc thẩm thuộc về Hội đồng Thẩm phán Tòa án tối cao nước cộng hoà, Tòa án vùng hoặc khu vực, Tòa án thành phố trực thuộc Liên bang, Tòa án vùng hoặc khu vực tự trị; Ủy

ban Thẩm phán về các vụ án hình sự - Toà án tối cao Nga; Hội đồng Thẩm phán Toà án quân sự vùng (hạm đội); Ủy ban Thẩm phán quân sự của Toà án tối cao Nga [79, tr. 24].

Ở Việt Nam, so với BLTTHS năm 2003, BLTTHS năm 2015 (Điều 382) đã sửa đổi để phù hợp với Hiến pháp năm 2013, Luật tổ chức TAND năm 2014 và Luật tổ chức VKSND năm 2014. Theo đó:

+ Hội đồng Thẩm phán TANDTC xét xử giám đốc thẩm đối với những bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của TAND cấp cao, Tòa án quân sự trung ương bị kháng nghị.

+ Ủy ban Thẩm phán TAND cấp cao xét xử giám đốc thẩm đối với những bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của TAND cấp tỉnh, TAND cấp huyện trong phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ bị kháng nghị.

+ Ủy ban Thẩm phán Tòa án quân sự trung ương xét xử giám đốc thẩm đối với bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án quân sự cấp quân khu, Tòa án quân sự khu vực bị kháng nghị.

Mặc dù Chánh án TANDTC, Viện trưởng VKSNDTC có quyền kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của TAND cấp tỉnh, TAND cấp huyện hay Tòa án quân sự cấp quân khu, Tòa án quân sự khu vực. Tuy nhiên, khi xét xử giám đốc thẩm đối với vụ án hình sự cụ thể thẩm quyền xét xử giám đốc thẩm được giao cho Ủy ban Thẩm phán TAND cấp cao theo lãnh thổ hoặc Ủy ban Thẩm phán Tòa án quân sự trung ương.

Ví dụ: Tại Quyết định Kháng nghị giám đốc thẩm số 03/KN-HS ngày 16/3/2017, Chánh án TANDTC đã quyết định kháng nghị Bản án hình sự sơ thẩm số 13/2016/HSST ngày 17/3/2016 của TAND huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước; đề nghị Ủy ban Thẩm phán TAND cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử giám đốc thẩm vụ án nêu trên.

Trường hợp Bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật bị kháng nghị thuộc thẩm quyền giám đốc thẩm của các cấp khác nhau thì Hội đồng Thẩm phán TAND tối cao giám đốc thẩm toàn bộ vụ án.



Ví dụ: Bị cáo Nguyễn Văn A và Trần Văn B bị điều tra, truy tố về tội “Giết người” theo khoản 1 Điều 93 BLHS năm 1999 (được sửa đổi bổ sung năm 2009). Tại Bản án hình sự sơ thẩm C, TAND tỉnh D đã quyết định: Tuyên bố Nguyễn Văn A và Trần Văn B phạm tội “Giết người”; Xử phạt: Nguyễn Văn A hình phạt tử hình. Xử phạt Trần Văn B 20 (hai mươi) năm tù giam. Sau khi xét xử sơ thẩm, Nguyễn Văn A kháng cáo. Tại Bản án hình sự phúc thẩm E, TAND cấp cao F đã quyết định: Chấp nhận kháng cáo của Nguyễn Văn A. Xử phạt Nguyễn Văn A 20 (hai mươi) năm tù giam. Sau khi xét xử phúc thẩm, Chánh án TANDTC kháng nghị Bản án hình sự phúc thẩm E của TAND cấp cao F về phần hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Văn A; đề nghị Hội đồng Thẩm phán TANDTC xét xử giám đốc thẩm vụ án. Tuy nhiên, Chánh án TAND cấp cao F cũng kháng nghị Bản án hình sự sơ thẩm C của TAND tỉnh D về phần hình phạt đối với bị cáo Trần Văn B; đề nghị Ủy ban Thẩm phán TAND cấp cao F xét xử giám đốc thẩm vụ án. Như vậy, trong vụ án Nguyễn Văn A cùng đồng phạm phạm tội “Giết người” bị kháng nghị thuộc thẩm quyền xét xử giám đốc thẩm của Hội đồng Thẩm phán TANDTC.

*- Thành phần HĐXX giám đốc thẩm:*

Ủy ban Thẩm phán TAND cấp cao xét xử với HĐXX giám đốc thẩm gồm 03 Thẩm phán (là thành viên Ủy ban Thẩm phán TAND cấp cao). Trường hợp vụ án có tính chất phức tạp hoặc đã được đưa ra xét xử bằng HĐXX giám đốc thẩm gồm 03 Thẩm phán nhưng không thống nhất khi biểu quyết thông qua quyết định về việc giải quyết vụ án thì HĐXX giám đốc thẩm gồm toàn thể thành viên Ủy ban Thẩm phán TAND cấp cao. Khi xét xử giám đốc thẩm bằng Hội đồng toàn thể Ủy ban Thẩm phán TAND cấp cao thì phải có ít nhất 2/3 tổng số thành viên tham gia và do Chánh án TAND cấp cao làm chủ tọa phiên tòa.

Ủy ban Thẩm án Tòa án quân sự trung ương xét xử giám đốc thẩm gồm toàn thể thành viên Ủy ban Thẩm phán Tòa án quân sự trung ương và phải có ít nhất 2/3 tổng số thành viên tham gia và do Chánh án Tòa án quân sự trung ương làm chủ tọa phiên tòa.

Hội đồng Thẩm phán TANDTC xét xử giám đốc thẩm gồm 05 Thẩm phán TANDTC. Trường hợp vụ án có tính chất phức tạp hoặc đã được đưa ra xét xử bằng HĐXX giám đốc thẩm gồm 05 Thẩm phán nhưng không thống nhất khi biểu quyết thông qua quyết định về việc giải quyết vụ án thì HĐXX giám đốc thẩm gồm toàn thể thành viên Thẩm phán TANDTC. Khi xét xử giám đốc thẩm bằng Hội đồng toàn thể Thẩm phán TANDTC thì phải có ít nhất 2/3 tổng số thành viên tham gia và do Chánh án TANDTC làm chủ tọa phiên tòa.

Theo quy định nêu trên của luật thì các vụ án có tính chất phức tạp thì phải HĐXX giám đốc thẩm gồm toàn thể thành viên Ủy ban Thẩm phán TAND cấp cao hoặc toàn thể thành viên Thẩm phán TANDTC. Tuy nhiên, chưa có hướng dẫn trường hợp cụ thể trường hợp nào là vụ án có tính chất phức tạp, điều này dẫn đến việc mở phiên tòa toàn thể dựa trên cảm tính chứ không theo quy định của pháp luật.

*- Thời hạn xét xử giám đốc thẩm:*

Thời hạn mở phiên tòa giám đốc thẩm được quy định tại Điều 385 BLTTHS năm 2015 là bốn tháng, kể từ ngày Tòa án nhận được quyết định kháng nghị kèm theo hồ sơ vụ án. Như vậy, điều luật quy định thời hạn phải mở phiên tòa xét xử chung cho các cấp giám đốc thẩm là bốn tháng và không quy định thời hạn gia hạn xét xử giám đốc thẩm.

Theo nghiên cứu so sánh pháp luật tố tụng một số nước trên thế giới thấy rằng luật tố tụng hình sự của một số nước cho thấy thời hạn giám đốc thẩm được quy định ngắn hơn ta rất nhiều. Theo quy định tại Điều 571 BLTTHS Cộng hòa Pháp: Tòa hình sự Tòa phá án phải xét xử trong thời hạn 02 tháng kể từ ngày có quyết định của Chánh tòa về việc chấp nhận đơn kháng cáo, kháng nghị, phá án. Điều 406 BLTTHS Liên bang Nga quy định: Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được kháng cáo, kháng nghị giám đốc thẩm, Thẩm phán được phân công giải quyết phải ra được quyết định chấp nhận hoặc không chấp nhận giải quyết theo thủ tục giám đốc thẩm. Trường hợp chấp nhận thì phải chuyển kháng cáo hoặc kháng nghị giám đốc thẩm cùng hồ sơ vụ án cho Tòa án giám đốc thẩm giải quyết. Theo

Điều 407 của Bộ luật này, thì kháng cáo, kháng nghị giám đốc thẩm phải được Tòa án cấp giám đốc thẩm giải quyết tại phiên tòa trong thời hạn 15 ngày, đối với Tòa án tối cao Liên bang Nga không quá 30 ngày kể từ ngày có quyết định chấp nhận giải quyết kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm. Như vậy, tổng thời hạn giám đốc thẩm theo Luật tố tụng hình sự của Liên bang Nga tối thiểu là 45 ngày, tối đa là 60 ngày. Theo các điều 225 và 204 BLTTHS Thái Lan thì Tòa phúc thẩm DIKA phải mở phiên tòa công khai để nghe các bên tranh luận trong vòng 15 ngày; kể từ ngày nhận hồ sơ vụ án. Nếu có lý do đặc biệt, Tòa có thể ấn định ngày nghe các bên tranh luận sau 15 ngày nhưng không được quá 2 tháng. Như vậy, theo pháp luật tố tụng Thái Lan, thời hạn giám đốc thẩm (Phúc thẩm DIKA) tối đa là 2 tháng. Theo điều 207 BLTTHS Trung Quốc, việc xét xử theo thủ tục giám đốc thẩm phải được tiến hành trong thời hạn 03 tháng kể từ ngày ra quyết định lấy vụ án lên trực tiếp xét xử, nếu cần gia hạn thì thời hạn trên không được quá 6 tháng. So chiếu với thời hạn giám đốc thẩm của các nước khác như nêu ở phần trên thấy rằng thời hạn xét xử giám đốc thẩm quy định như BLTTHS Việt Nam là tương đối dài.

*- Các trường hợp hoãn phiên tòa giám đốc thẩm:*

Phiên tòa giám đốc thẩm không có sự tham gia của Kiểm sát viên VKS cùng cấp. Ví dụ: Hội đồng Thẩm phán TANDTC xét xử giám đốc thẩm thì phải có Kiểm sát viên VKSNDTC tham gia xét xử; Ủy ban Thẩm phán TAND cấp cao xét xử giám đốc thẩm thì phải có Kiểm sát viên VKSND cấp cao tham gia xét xử. Ngoài ra, phải có thư ký phiên tòa làm nhiệm vụ ghi chép lại diễn biến thực tế của phiên tòa giám đốc thẩm. Nếu không có các thành phần nêu trên thì phải hoãn phiên tòa giám đốc thẩm.

HĐXX giám đốc thẩm không thống nhất khi biểu quyết thông qua quyết định về việc giải quyết vụ án đối với HĐXX gồm 05 Thẩm phán (TANDTC) hoặc 03 Thẩm phán (Ủy ban Thẩm phán TAND cấp cao).

Khi xét xử bằng hội đồng toàn thể Thẩm phán TANDTC, Ủy ban Thẩm án Tòa án quân sự trung ương, Ủy ban Thẩm phán TAND cấp cao mà không có đủ 2/3 tổng số thành viên tham gia. Hoặc có đủ thành viên tham gia xét xử nhưng khi biểu

quyết thông qua quyết định về việc giải quyết vụ án không được quá nửa tổng số thành viên biểu quyết tán thành.

Phiên tòa giám đốc thẩm không có sự tham gia của người bị kết án, người bào chữa và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến việc kháng nghị trừ trường hợp thấy cần thiết hoặc có căn cứ sửa một phần bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật thì Tòa án triệu tập. Nếu đã được triệu tập mà những người này vắng mặt thì phiên tòa giám đốc thẩm vẫn được tiến hành. Đây là điểm khác biệt mà pháp luật quy định giữa phiên tòa giám đốc thẩm với phiên tòa sơ thẩm hoặc phúc thẩm.

Thực tế, pháp luật không quy định nhưng nếu trường hợp thành viên HĐXX hoặc Kiểm sát viên đề nghị hoãn phiên tòa giám đốc thẩm để mời người bị kết án, người bào chữa và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tham gia phiên tòa thì cũng cần phải hoãn phiên tòa giám đốc thẩm.

*- Phạm vi giám đốc thẩm:*

BLTTHS năm 2015 quy định phạm vi giám đốc thẩm phải xem xét toàn bộ vụ án mà không chỉ hạn chế trong nội dung của kháng nghị. Phạm vi giám đốc thẩm không bị ràng buộc bởi nội dung của kháng nghị. Bản án hoặc quyết định đã có hiệu lực pháp luật bị kháng nghị toàn bộ hay một phần cũng không có ý nghĩa đến phạm vi xem xét của hội đồng giám đốc thẩm.

Việc xét lại bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật theo thủ tục giám đốc thẩm nhằm khắc phục, sửa chữa những sai lầm trong các bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật. Về nguyên tắc, để khắc phục, sửa chữa những sai lầm trong các bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật thì HĐXX giám đốc thẩm phải xét lại toàn bộ nội dung bản án, quyết định bị kháng nghị. Bởi lẽ, không phải kháng nghị giám đốc thẩm nào cũng phát hiện toàn bộ những sai phạm của bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật. Nếu chỉ xem xét những phần được quyết định kháng nghị đề cập mà không chỉ ra những sai sót khác của bản án, quyết định bị kháng nghị thì Tòa án có thẩm quyền xét xử lại sẽ lầm tưởng là việc giải quyết những phần khác không bị kháng nghị là đã đúng, nên chỉ khắc phục những sai sót được đề cập

trong quyết định giám đốc thẩm. Do đó, bản án, quyết định lần sau lại có nguy cơ bị kháng nghị dẫn đến tình trạng giải quyết vụ án bị kéo dài, gây lãng phí cho Nhà nước.

Ngoài ra, nếu kháng nghị chỉ đề cập tội danh, hình phạt của một hay một số người bị kết án thì hội đồng giám đốc thẩm vẫn phải xem xét tội danh, hình phạt của tất cả những người bị kết án để có cái nhìn tổng quan, toàn diện về vụ án và có biện pháp khắc phục nếu có sai sót. Có trường hợp HĐXX giám đốc thẩm không chấp nhận căn cứ kháng nghị của người có thẩm quyền kháng nghị nhưng lại chỉ ra sai sót khác của bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật mà cần thiết phải khắc phục, sửa chữa. Ví dụ: Tại Bản án hình sự phúc thẩm số 43 ngày 27/3/2014, TAND tỉnh Bình Dương quyết định: Tuyên bố bị cáo Trần Văn Toàn phạm tội “Cướp tài sản”. Xử phạt bị cáo Trần Văn Toàn 08 năm 06 tháng tù. Tại Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 07 ngày 11/5/2015, Viện trưởng VKSNDTC kháng nghị bản án phúc thẩm nêu trên và Bản án hình sự sơ thẩm số 417 ngày 19/11/2013 của TAND thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương về phần tội danh và hình phạt đối với Trần Văn Toàn và đồng phạm để xét xử lại theo tội danh “Cố ý gây thương tích”. Tại Quyết định giám đốc thẩm số 01 ngày 04/9/2015, TAND cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh không chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng VKSNDTC về phần tội danh đối với Trần Văn Toàn; chấp nhận một phần kháng nghị của Viện trưởng VKSNDTC; hủy bản án phúc thẩm và bản án sơ thẩm về phần hình phạt đối với Trần Văn Toàn.

Không như quy định của pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam, một số nước trên thế giới quy định khi xét xử giám đốc thẩm Tòa án chỉ xem xét các vấn đề pháp lý đã được nêu trong kháng nghị, như phán quyết bị kháng nghị có tuân theo đúng trình tự tố tụng hay không, có phù hợp với quy định của pháp luật về nội dung hay không. Ví dụ: Điều 352 BLTTHS Đức quy định Tòa án giám đốc thẩm chỉ xem xét những vấn đề được trình bày trong khiếu nại, kháng nghị [79, tr. 24].

*- Thẩm quyền của Hội đồng giám đốc thẩm:*

BLTTHS năm 2015 quy định HĐXX giám đốc thẩm có quyền: (1) Không chấp nhận kháng nghị và giữ nguyên bản án hoặc quyết định đã có hiệu lực pháp

luật; (2) Hủy bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật và giữ nguyên bản án, quyết định đúng pháp luật của Tòa án cấp cấp dưới đã bị hủy hoặc bị sửa không đúng pháp luật; (3) Hủy bản án hoặc quyết định đã có hiệu lực pháp luật để điều tra lại hoặc xét xử lại; (4) Hủy bản án hoặc quyết định đã có hiệu lực pháp luật và đình chỉ vụ án; (5) Sửa bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật và (6) Đình chỉ xét xử giám đốc thẩm.

Thẩm quyền không chấp nhận kháng nghị và giữ nguyên bản án hoặc quyết định đã có hiệu lực pháp luật (1) được áp dụng khi HĐXX giám đốc thẩm nhận thấy các căn cứ kháng nghị mà người có thẩm quyền kháng nghị đưa ra không phù hợp với các tình tiết khách quan của vụ án; bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật bị kháng nghị có sai sót nhưng không nghiêm trọng, không làm thay đổi đường lối giải quyết vụ án. Có trường hợp kháng nghị không còn cần thiết tại thời điểm xét xử giám đốc thẩm nên HĐXX không chấp nhận kháng nghị và giữ nguyên bản án hoặc quyết định đã có hiệu lực pháp luật. Ví dụ: Kháng nghị bản án phúc thẩm đã có hiệu lực pháp luật để xét xử phúc thẩm lại theo hướng không cho bị cáo A được hưởng án treo. Tuy nhiên sau khi có kháng nghị, bị cáo A đã chết. Trường hợp này việc kháng nghị là không còn cần thiết tại thời điểm xét xử giám đốc thẩm.

Thẩm quyền Hủy bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật và giữ nguyên bản án, quyết định đúng pháp luật của Tòa án cấp cấp dưới đã bị hủy hoặc bị sửa không đúng pháp luật (2) khi HĐXX giám đốc thẩm nhận thấy bản án, quyết định của Tòa án cấp dưới bị hủy, sửa là đúng pháp luật; những căn cứ mà bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật hủy, sửa bản án, quyết định của Tòa cấp dưới là không đúng với những tình tiết khách quan của vụ án. Việc giữ nguyên bản án, quyết định của Tòa án cấp dưới cũng là cách HĐXX giám đốc thẩm có thể tự mình trực tiếp khắc phục sai lầm của Tòa án cấp dưới, tránh tình trạng phải hủy án để xét xử lại dẫn đến việc giải quyết vụ án bị kéo dài không cần thiết. Đồng thời cũng tránh trường hợp Tòa án cấp dưới không xét xử theo định hướng trong quyết định giám đốc thẩm, mà tiếp tục xét xử như cũ hoặc theo hướng khác, dẫn đến người có thẩm quyền kháng nghị tiếp tục kháng nghị một lần nữa.

Đối với thẩm quyền hủy bản án hoặc quyết định đã có hiệu lực pháp luật để điều tra lại hoặc xét xử lại (3) thì tùy từng trường hợp sai phạm của Tòa án cấp phúc thẩm, Tòa án cấp sơ thẩm hay việc điều tra chưa đầy đủ thì HĐXX quyết định xét xử lại từ cấp sơ thẩm hay cấp phúc thẩm hoặc để điều tra lại vụ án.

Đối với thẩm quyền hủy bản án hoặc quyết định đã có hiệu lực pháp luật và đình chỉ vụ án (4) là cách Hội đồng giám đốc thẩm sửa chữa sai lầm của Tòa án cấp dưới trong trường hợp không có căn cứ khởi tố vụ án hình sự nhưng Tòa án vẫn đưa ra vụ án ra xét xử.

Đối với thẩm quyền sửa bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (5) là rất quan trọng vì đây là phương thức giúp Hội đồng giám đốc thẩm có thể tự mình trực tiếp khắc phục sai lầm của Tòa án cấp dưới, nếu căn cứ rõ ràng thì có thể sửa ngay mà không nhất thiết hủy án để điều tra lại, làm kéo dài thời hạn tố tụng. Ngoài ra, trong pháp luật tố tụng về dân sự và hành chính đã quy định về thẩm quyền nêu trên của Hội đồng giám đốc thẩm vì thế việc quy định các thẩm quyền này là phù hợp và đồng bộ giữa các bộ luật. Tuy nhiên, việc sửa bản án, quyết định phải lưu ý là không được quyền làm xấu đi tình trạng của người bị kết án, không gây bất lợi cho người bị hại, đương sự.

Thẩm quyền đình chỉ xét xử giám đốc thẩm (6) của HĐXX giám đốc thẩm khi người kháng nghị rút toàn bộ kháng nghị tại phiên tòa giám đốc thẩm.

Qua quá trình nghiên cứu và thực tiễn phát sinh thẩm quyền của Hội đồng giám đốc thẩm mà chưa được pháp luật quy định. Ví dụ: Quyết định Giám đốc thẩm số 17 ngày 10/7/2017 của Hội đồng Thẩm phán TANDTC (Kháng nghị số 09 ngày 16/12/16 của Viện trưởng VKSNDTC) hủy Quyết định giám đốc thẩm số 25 ngày 30/5/2016 của TAND cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh; giao hồ sơ cho TAND cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử giám đốc thẩm lại.

Ngoài ra, còn có những trường hợp nội dung vụ án tương tự nhau, nội dung kháng nghị tương tự nhau nhưng do Nghị quyết, văn bản hướng dẫn áp dụng khác nhau nên thẩm quyền của Hội đồng giám đốc thẩm cũng khác nhau. Ví dụ: Đối với các vụ án “Đánh bạc”, số tiền các bị cáo dùng để đánh bạc dưới 5.000.000 đồng. 1/

Quyết định giám đốc thẩm số 02 ngày 10/02/2017, TAND cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh quyết định: Sửa Bản án phúc thẩm số 17 ngày 04/3/2016 của TAND tỉnh Bình Phước về phần tội danh và hình phạt đối với các bị cáo Lê Viết Hải, Nguyễn Văn và Phạm Văn Lộc; Tuyên bố miễn trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo Lê Viết Hải, Nguyễn Văn và Phạm Văn Lộc về tội “Đánh bạc”. 2/ Quyết định giám đốc thẩm số 43 ngày 07/9/2017, TAND cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh quyết định: Hủy Bản án hình sự sơ thẩm số 56/2016/HSST ngày 28/12/2015 của TAND huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau về phần trách nhiệm hình sự đối với Võ Văn Khá; tuyên bố Võ Văn Khá không phạm tội “Đánh bạc” và đình chỉ giải quyết vụ án về phần trách nhiệm hình sự đối với Võ Văn Khá.

## **2.2. Thực trạng áp dụng các quy định về giám đốc thẩm trong tố tụng hình sự của TAND cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.**

### **2.2.1. Kết quả đạt được.**

Từ ngày 1/6/2015, theo Luật Tổ chức TAND năm 2014 thì hệ thống TAND được tổ chức thành 4 cấp. Theo quy định mới, chức năng nhiệm vụ giám đốc thẩm, tái thẩm chỉ có ở TANDTC và TAND cấp cao. Theo đó, TAND cấp cao có nhiệm vụ, quyền hạn giám đốc thẩm bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của TAND tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, TAND huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh và tương đương thuộc phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ bị kháng nghị theo quy định của luật tố tụng. Nghị quyết số 957/NQ-UBTVQH13 ngày 28/5/2015 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, TAND cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh được thành lập và đi vào hoạt động từ ngày 01/6/2015. TAND cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh có thẩm quyền xét lại các bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án hai cấp của 23 tỉnh (thành phố) thuộc địa hạt quản lý, bao gồm: Thành phố Hồ Chí Minh, thành phố Cần Thơ; các tỉnh: Bình Thuận, Ninh Thuận, Đồng Nai, Bà Rịa Vũng Tàu, Bình Dương, Bình Phước, Long An, Tây Ninh, Đắk Nông, Lâm Đồng, Hậu Giang, Đồng Tháp, Tiền Giang, Bến Tre, Trà Vinh, Vĩnh Long, Sóc Trăng, Bạc Liêu, Cà Mau, An Giang và Kiên Giang. Đây là vùng có tốc độ tăng dân số cao nhất nước, do thu hút nhiều dân nhập cư từ các vùng khác đến sinh sống.



Đây cũng là khu vực kinh tế phát triển nhất Việt Nam, đóng góp trên 2/3 thu ngân sách hàng năm của cả nước. Các đặc điểm này cũng tác động đến tình hình tội phạm, đặc biệt là ở các thành phố lớn như Thành phố Hồ Chí Minh.

Về cơ cấu tổ chức của TAND cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh:

TAND cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh được định biên là 150 cán bộ bao gồm 50 Thẩm phán cao cấp; còn lại bao gồm Thẩm tra viên, Thư ký và người lao động khác là 100 người. Tuy nhiên, hiện có nay mới chỉ có khoảng 100 biên chế, trong đó có 42 Thẩm phán cao cấp, 22 thẩm tra viên, 20 thư ký, còn lại là người lao động khác.

TAND cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh có 01 Chánh án, 04 Phó Chánh án (mỗi Phó Chánh án phụ trách một lĩnh vực khác nhau), Ủy ban Thẩm phán TAND cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh gồm có 13 Thẩm phán cao cấp. TAND cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh có 06 tòa chuyên trách là: Tòa hình sự, Tòa dân sự, Tòa hành chính, Tòa lao động, Tòa kinh tế, Tòa gia đình và người chưa thành niên. Bộ phận giúp việc gồm có Văn phòng và các phòng giám đốc kiểm tra. Bộ phận giám đốc kiểm tra của TAND cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh được thành lập có 03 phòng chức năng, gồm: 1/ Phòng Giám đốc, kiểm tra về hình sự, hành chính (gọi tắt là Phòng GDKT 1); 2/ Phòng Giám đốc, kiểm tra về dân sự, kinh doanh - thương mại (gọi tắt là Phòng GDKT 2); 3/ Phòng Giám đốc, kiểm tra về lao động, gia đình và người chưa thành niên (gọi tắt là Phòng GDKT 3). Do các phòng giám đốc kiểm tra được phụ trách từng mảng việc cụ thể nên việc quản lý, triển khai giải quyết các vụ án theo thủ tục giám đốc thẩm được thuận lợi, lãnh đạo TAND cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh dễ dàng theo dõi, đôn đốc, nhắc nhở và từng phòng giám đốc, kiểm tra phải chịu trách nhiệm đối với loại án của phòng phụ trách.

Từ khi mới thành lập, TAND cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đã tiếp nhận đơn, hồ sơ từ các Tòa chuyên trách của TANDTC và các Phòng giám đốc, kiểm tra của TAND các tỉnh thuộc địa hạt quản lý với một số lượng rất lớn là 2.777 vụ án các loại. (Phụ lục 1)

Từ khi thành lập đến ngày 31/01/2018, TAND cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đã thụ lý các vụ án theo thủ tục giám đốc thẩm, tái thẩm mới 9.449 vụ, trong đó các vụ án hình sự thụ lý mới là 606 vụ, chiếm khoảng 6,5% lượng án). (Phụ lục 2)

Theo số liệu thống kê của TAND cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, từ ngày thành lập TAND cấp cao 01/6/2015 đến ngày 31/01/2018 (Phụ lục 2):

- Chánh án TAND cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đã kháng nghị giám đốc thẩm 71 vụ án hình sự.

- Ủy ban Thẩm phán TAND cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đã xét xử theo thủ tục giám đốc thẩm 128 vụ án hình sự, trong đó Chánh án TANDTC kháng nghị 15 vụ (12%), Viện trưởng VKSNDTC kháng nghị 05 vụ (04%), Chánh án TAND cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh kháng nghị 46 vụ (36%), Viện trưởng VKSND cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh kháng nghị 62 vụ (48%), không có vụ án nào do Chánh án (Viện trưởng) TAND cấp tỉnh kháng nghị theo BLTTHS năm 2003.

Trong số các vụ án xét xử theo thủ tục giám đốc thẩm thì số kháng nghị của Chánh án TANDTC là 15/128, chiếm 12% số kháng nghị; kháng nghị của Viện trưởng VKSNDTC là 5/128, chiếm 04% số kháng nghị; kháng nghị của Viện trưởng VKSND cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh là 62/128, chiếm 48% số kháng nghị; kháng nghị của Chánh án TAND cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh là 46/128, chiếm 36% số kháng nghị. Về chất lượng kháng nghị, số kháng nghị của Chánh án TANDTC và Chánh án TAND cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh được chấp nhận đạt tỷ lệ 100%; không chấp nhận kháng nghị có 02/128 vụ (1,56%) trong đó có 01 kháng nghị của Viện trưởng VKSND cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, 01 kháng nghị của Viện trưởng VKSNDTC; rút kháng nghị 02/128 vụ (1,56%) trong đó Chánh án TANDTC rút kháng nghị 01 vụ, Chánh án TAND cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh rút kháng nghị 01 vụ (Phụ lục 4). Các vụ án đã được xét xử giám đốc thẩm, chủ yếu HĐXX hủy án để điều tra, xét xử lại (phụ lục 5). Đối với các vụ án HĐXX không chấp nhận kháng nghị vì lý do nhận định của kháng

ngợi không đúng với tình tiết khách quan của vụ án. Đối với các vụ án rút kháng nghị do căn cứ kháng nghị không phù hợp với tình tiết khách quan của vụ án và kháng nghị không còn cần thiết (Bị cáo đã chấp hành án xong, không yêu cầu hủy bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật). Sau khi các bản án, quyết định bị hủy thì các Tòa án cấp dưới xét xử lại đều theo hướng của HĐXX giám đốc thẩm và các bản án, quyết định sau đó cũng không bị kháng nghị nữa.

Xác định việc xem xét lại các bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật theo thủ tục giám đốc thẩm là một trong những nhiệm vụ trọng tâm của TAND cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh. Trong những năm gần đây, số lượng đơn đề nghị giám đốc thẩm, tái thẩm gửi đến TAND cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh ngày càng tăng. Để thúc đẩy quá trình giải quyết đơn theo thủ tục giám đốc thẩm được nhanh chóng, đạt hiệu quả cao, TAND cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh đã xây dựng quy trình tiếp nhận, thụ lý, giải quyết đơn đề nghị giám đốc thẩm, tái thẩm. Trong quá trình giải quyết đơn theo thủ tục giám đốc thẩm, TAND cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh đã làm tốt công tác rà soát, phân loại để tập trung xem xét, giải quyết các đơn sắp hết thời hạn kháng nghị giám đốc thẩm, đảm bảo không để các vụ việc quá thời hạn giải quyết theo quy định của pháp luật. Vụ án nào có căn cứ thì kháng nghị, nếu không có căn cứ thì thông báo việc không kháng nghị kịp thời, tránh tình trạng tình trạng bức xúc vì chờ đợi kéo dài. Không có vụ án nào đã Thông báo trả lời đơn đề nghị/kiến nghị mà sau đó người có thẩm quyền lại kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm.

Nhiều vụ việc đã giải quyết nhưng đương sự tiếp tục khiếu nại vẫn được xem xét lại một cách cẩn trọng và chuyển đơn cho TANDTC giải quyết theo thẩm quyền; các vụ việc khiếu nại bức xúc đều được quan tâm giải quyết nhanh chóng, dứt điểm. Đối với các vụ án có quyết định tạm hoãn thi hành án đều được giải quyết trong thời hạn theo quy định của pháp luật. Những vụ việc được các cơ quan Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các đồng chí lãnh đạo cấp cao, các Đoàn đại biểu Quốc hội và đại biểu Quốc hội, các vụ án có liên quan có yếu tố nước ngoài... được

quan tâm, ý kiến hay chuyển đơn đều được khẩn trương xem xét và thông báo kết quả giải quyết.

Các vụ án sau khi có kháng nghị đều được xét xử kịp thời trong hạn luật định, các phiên toà giám đốc thẩm được tổ chức xét xử đúng trình tự, thủ tục quy định, việc xem xét, đánh giá chứng cứ, áp dụng pháp luật và tiến hành các hoạt động tố tụng để xác định tội danh và quyết định hình phạt của HĐXX đều đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Thông qua công tác giải quyết đơn đề nghị giám đốc thẩm đã kịp thời phát hiện những sai sót trong quá trình giải quyết, xét xử của Tòa án cấp dưới; những vấn đề bất cập trong các quy định của pháp luật đã được báo cáo lên TANDTC để kiến nghị các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung và hướng dẫn pháp luật cho phù hợp. Các phán quyết trong quyết định giám đốc thẩm có chấp nhận kháng nghị hay không chấp nhận kháng nghị đều nhằm mục đích hướng dẫn áp dụng đúng pháp luật trong việc giải quyết vụ án. Do đó, các quyết định giám đốc thẩm ngoài việc giải quyết những vụ án cụ thể còn là văn bản có tính chất hướng dẫn áp dụng pháp luật thống nhất trong khu vực nhằm bảo đảm việc xét xử đúng pháp luật.

### **2.2.2. Hạn chế, vướng mắc.**

Bên cạnh những kết quả đạt được nêu trên, hoạt động giám đốc thẩm của TAND cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh còn có một số tồn tại, hạn chế như:

- Hàng năm TAND cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tiếp nhận một lượng đơn rất lớn tuy nhiên quy trình tiếp nhận, phân loại, thụ lý chưa khoa học. Do đó, lượng đơn tồn đọng rất lớn không được thụ lý, dẫn đến tỷ lệ giải quyết đơn đề nghị kháng nghị giám đốc thẩm, tái thẩm không cao.

- Theo quy định tại Quyết định số 625/QĐ-CA ngày 06/9/2016 của Chánh án TANDTC về “*Ban hành Quy chế giải quyết đơn đề nghị, kiến nghị, thông báo đối với bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật theo thủ tục giám đốc thẩm, tái thẩm tại TAND*” thì TAND cấp cao thành lập các Tổ Thẩm phán để giải quyết các văn bản đề nghị giám đốc thẩm, tái thẩm thuộc thẩm quyền. Tuy nhiên trong thực tế, do số lượng công việc nhiều, các Thẩm phán đều có lịch xét xử phức

thẩm nên việc thành lập Tổ Thẩm phán chỉ là hình rất khó thực hiện. Thực tế Chánh án chỉ phân công một Thẩm phán chịu trách nhiệm nghiên cứu hồ sơ giám đốc thẩm. Khi giải quyết vụ án, Thẩm tra viên được phân công nghiên cứu hồ sơ sẽ báo cáo Trưởng phòng Giám đốc kiểm tra, sau đó tiếp tục báo cáo Thẩm phán được phân công để thống nhất quan điểm kháng nghị hoặc không kháng nghị trước khi báo cáo lên Phó Chánh án phụ trách. Nếu không kháng nghị thì Thẩm phán ký văn bản trả lời, nếu Thẩm phán đề nghị kháng nghị thì Thẩm tra viên tiếp tục báo cáo Phó Chánh án và dự thảo kháng nghị trình Phó Chánh án ký, trường hợp Phó Chánh án chưa thống nhất quan điểm sẽ đề nghị báo cáo Chánh án. Như vậy, quy trình để nghiên cứu một vụ án qua rất nhiều khâu, công đoạn mất rất nhiều thời gian và công sức.

- Theo Chỉ thị số 05/2016/CT-Ca ngày 20/7/2016 của Chánh án TANDTC về việc tập trung giải quyết các đơn đề nghị giám đốc thẩm, tái thẩm thuộc thẩm quyền của các TAND cấp cao thì Chánh án TANDTC chỉ đạo các TAND cấp tỉnh biệt phái cán bộ để giúp các TAND cấp cao giải quyết đơn đề nghị giám đốc thẩm. Tuy nhiên, dù được tăng cường số lượng Thẩm tra viên không hề nhỏ nhưng số lượng đơn đề nghị giám đốc thẩm được giải quyết tại TAND cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh không tăng. Việc tồn tại đội ngũ Thẩm tra viên biệt phái tại 23 tỉnh, thành phố trực thuộc làm cho công tác quản lý rất phức tạp, việc luân chuyển hồ sơ để báo cáo tốn kém, dễ thất lạc... Ngoài ra, theo Chỉ thị của Chánh án TANDTC thì các TAND tỉnh, thành phố phải lựa chọn cán bộ có đủ năng lực, trình độ của mình để biệt phái giải quyết đơn cho các TAND cấp cao nhưng một số Thẩm tra viên được biệt phái không đáp ứng được yêu cầu, không đủ trình độ chuyên môn, nghiệp vụ trong công tác nghiên cứu giải quyết đơn đề nghị giám đốc thẩm.

- Theo Nghị quyết số 37/2012/QH13 ngày 23/11/2012 của Quốc hội yêu cầu Tòa án đẩy nhanh tiến độ và nâng tỷ lệ giải quyết đơn đề nghị kháng nghị giám đốc thẩm, tái thẩm đạt tỷ lệ trên 60%. Tuy nhiên, kể từ khi TAND cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh được thành lập thì tỷ lệ giải quyết đơn đề nghị giám đốc thẩm, tái thẩm các vụ án hình sự tương đối thấp. Cụ thể: Từ 01/6/2015 đến 01/10/2015 giải

quyết được 05/128 vụ. Năm 2016 (từ 01/10/2015 đến 30/9/2016) giải quyết 246/379 vụ, đạt tỷ lệ 65%. Năm 2017 (từ 01/10/2016 đến 30/9/2017) giải quyết 173/375 vụ, đạt tỷ lệ 46%. Năm 2017, không đạt tỷ lệ giải quyết đơn mà Quốc hội yêu cầu vì các phòng giám đốc kiểm tra phải tập trung giải quyết án dân sự sắp hết thời hiệu, và các vụ án hình sự không được giao cho Thẩm tra viên biệt phái tại địa phương.

- Theo quy định tại Điều 31, Điều 35 Luật tổ chức TAND năm 2014 thì Chánh án TAND cấp cao chủ tọa các phiên họp của Ủy ban thẩm phán TAND cấp cao để xét xử giám đốc thẩm. Như vậy, Phó Chánh án TAND cấp cao chưa được quy định được làm chủ tọa các phiên họp xét xử này thay thế Chánh án. Nhưng trên thực tế ở TAND cấp cao vẫn chưa áp dụng đúng quy định này, vẫn có trường hợp Phó Chánh án thay Chánh án làm chủ tọa phiên tòa xét xử giám đốc thẩm.

- Một số vụ án đã đưa ra xét xử giám đốc thẩm đúng thời hạn pháp luật quy định, tuy nhiên sau khi đưa ra xét xử HĐXX quyết định hoãn phiên tòa. Thời gian hoãn phiên tòa rất lâu mà chưa được đưa ra xét xử, do đó dẫn đến tồn đọng rất nhiều bản án, quyết định đã bị kháng nghị chưa được xét xử giám đốc thẩm.

- Theo quy định tại khoản 2 Điều 395 BLTTHS năm 2015 thì: *“Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày ra quyết định, Hội đồng giám đốc thẩm phải gửi quyết định giám đốc thẩm cho người bị kết án, người đã kháng nghị; VKS cùng cấp; VKS, Tòa án nơi đã xét xử sơ thẩm, phúc thẩm; cơ quan thi hành án hình sự, cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến việc kháng nghị hoặc người đại diện của họ; thông báo bằng văn bản cho chính quyền xã, phường, thị trấn nơi người bị kết án làm việc, học tập”* và Điều 396 BLTTHS năm 2015 quy định: *“Nếu Hội đồng giám đốc thẩm quyết định hủy bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật để điều tra lại thì trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày ra quyết định, hồ sơ vụ án phải được chuyển cho VKS cùng cấp để điều tra lại... Nếu Hội đồng giám đốc thẩm quyết định hủy bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật để xét xử lại thì trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày ra quyết định, hồ sơ vụ án phải được chuyển cho Tòa án có thẩm quyền xét xử lại...”*. Thực tế, việc gửi quyết định

và hồ sơ nêu trên của TAND cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh không đảm bảo về thời hạn mà điều luật quy định.

- Theo quy định của pháp luật, một số vụ án Chánh án TANDTC kháng nghị nhưng giao cho Ủy ban Thẩm phán TAND cấp cao xét xử theo thẩm quyền. Những vụ án này thường được HĐXX chấp nhận kháng nghị, nếu HĐXX có ý kiến khác thì thực tế phải hoãn phiên tòa xét xử để báo cáo lại Chánh án TANDTC trước khi đưa ra xét xử lại. Hoặc có những vụ án Phó Chánh án hoặc Chánh án TAND cấp cao ký Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm, sau đó Phó Chánh án hoặc Chánh án tiếp tục làm chủ tọa phiên tòa giám đốc thẩm. Do đó, ý kiến của chủ tọa dễ dàng đưa ra thường được biểu quyết chấp nhận. Mặt khác, việc người kháng nghị giám đốc thẩm lại là chủ tọa HĐXX giám đốc thẩm sẽ làm cho nhận định của quyết định giám đốc thẩm gần như tương đồng với quyết định kháng nghị.

- Thông qua công tác giám đốc việc xét xử, TANDTC thành lập các Đoàn kiểm tra tại TAND hai cấp địa phương. Tuy nhiên, khi phát hiện bản án, quyết định có sai sót cần xem xét theo thủ tục giám đốc thẩm thì yêu cầu TAND cấp cao rút hồ sơ (mặc dù các Vụ giám đốc kiểm tra của TANDTC cũng có chức năng giám đốc thẩm). Do đó, mặc dù những vụ án không có đơn, kiến nghị đề nghị giám đốc thẩm nhưng TAND cấp cao vẫn thụ lý dẫn đến số lượng vụ án cần xem xét theo thủ tục giám đốc thẩm tăng đáng kể.

- Việc tổng kết kinh nghiệm và hướng dẫn của TAND cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh đối với Tòa án địa phương, đối với một số loại vụ án thường có vướng mắc sai lầm được phát hiện thông qua hoạt động giám đốc thẩm chưa được quan tâm đúng mức nên đã hạn chế đến kết quả công tác của các Tòa án địa phương nói riêng và toàn ngành nói chung.

### ***2.2.3. Nguyên nhân của hạn chế, vướng mắc.***

Trong những năm gần đây cùng với sự phát triển nhanh và đa dạng của nền kinh tế thị trường thì tình hình tội phạm có xu hướng tăng nhanh và ngày càng phức tạp hơn, tinh vi hơn về thủ đoạn, phương thức phạm tội. Điều này dẫn đến số lượng các vụ việc của Tòa án các cấp phải giải quyết tăng đột biến đặc biệt là các Tòa án

địa phương thuộc địa hạt TAND cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh quản lý dẫn đến số lượng đơn đề nghị, kiến nghị giám đốc thẩm mà gửi đến TAND cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh ngày càng tăng cao, số lượng công việc cần giải quyết quá nhiều dẫn đến quá tải trong công việc.

Số lượng các vụ án hình sự phức tạp, các vụ án về các lĩnh vực an ninh, chính trị, trật tự an toàn xã hội, án kinh tế, tham nhũng, ma túy được TAND đưa ra xét xử rất nhiều. Đối với những vụ án này cần nhiều thời gian để nghiên cứu, báo cáo. Nhiều vụ án nhạy cảm, được dư luận, các cơ quan trung ương của Đảng và Nhà nước quan tâm, mỗi động thái xử lý giải quyết vụ án của cơ quan pháp luật đều có sự theo dõi của công luận với những phản ứng trái chiều. Việc xử lý giải quyết vụ án không chỉ theo pháp luật một cách thuần túy, máy móc mà phải lắng nghe phản ứng của công luận, phải xem xét toàn diện, đưa ra các giải pháp vừa phù hợp với pháp luật, vừa ổn định được tình hình.

Số lượng công việc cần giải quyết theo thủ tục giám đốc thẩm nhiều còn do chất lượng giải quyết án của các địa phương chưa đáp ứng yêu cầu.

Về hồ sơ vụ án, nhiều vụ tới hàng ngàn, thậm chí hàng chục ngàn búp lục; được xây dựng từ nhiều năm trước, cũ, rách, giấy xấu, chữ viết khó đọc, thật sự ảnh hưởng đến sức khỏe của cán bộ nghiên cứu. Việc nghiên cứu có thể trong vài ngày, vài tuần, nhưng có thể phải mất nhiều tháng để có thể đưa ra đề xuất.

- Công tác tổ chức, cán bộ chưa đáp ứng được yêu cầu công việc:

Luật tổ chức TAND năm 2014 có hiệu lực thi hành vào ngày 01/6/2015, tuy nhiên TANDTC không có sự chuẩn bị cho các TAND cấp cao. Khi mới thành lập TAND cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh chỉ có 85 biên chế. Số cán bộ trực tiếp làm công tác giám đốc thẩm về hình sự chỉ có 05 Thẩm tra viên. TAND cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh là đơn vị mới được thành lập, quá trình sắp xếp lại đội ngũ cán bộ theo mô hình tổ chức mới cũng ảnh hưởng nhất định đến việc triển khai các nhiệm vụ công tác trong đó có công tác giải quyết đơn đề nghị, kiến nghị giám đốc thẩm. Các TAND tỉnh, thành phố chưa có sự liên kết chặt chẽ với TAND cấp cao tại



Thành phố Hồ Chí Minh trong việc quản lý, hỗ trợ đối với đội ngũ Thẩm tra viên biệt phái.

Số lượng cán bộ, công chức của TAND cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh là không đáp ứng được so với khối lượng công việc mà theo thẩm quyền TAND cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phải giải quyết. Biên chế cán bộ của TAND cấp cao thời gian qua tuy đã được bổ sung nhưng vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu cầu nhiệm vụ. Còn thiếu nhiều chức danh chủ chốt như Chánh tòa, Phó Chánh tòa, Trưởng phòng, Phó trưởng phòng... Do đó, dù đã rất cố gắng nhưng công tác giám đốc thẩm của TAND cấp cao vẫn chưa đạt kết quả như mong muốn, số lượng đơn đề nghị giám đốc thẩm vẫn còn tồn đọng nhiều, việc soạn thảo và phát hành các Thông báo trả lời đơn, kiến nghị; quyết định kháng nghị; quyết định giám đốc thẩm vẫn bị trễ hạn.

- Quy trình thụ lý và giải quyết đơn đề nghị kháng nghị chưa khoa học:

Với số lượng đơn lớn nên việc quản lý theo phương pháp thủ công bằng sổ sách như trước đây rất khó, hiện tại TAND cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đã có phần mềm quản lý đơn, tuy vậy vì lý do kinh phí và nhân sự đến nay phần mềm bộc lộ nhiều điểm bất hợp lý mà chưa được chỉnh sửa bổ sung.

- Do có sai lầm từ các quy định của pháp luật.

BLHS và BLTTHS năm 2015 được Quốc hội khóa XII, kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 27/11/2015 tuy nhiên do nhiều sai sót, sai lầm trong các quy định nên các Bộ luật nêu trên bị lùi hiệu lực thi hành. Đến ngày 01/01/2018, BLTTHS năm 2015 mới có hiệu lực thi hành. Do đó, trong quá trình áp dụng pháp luật, do chưa được áp dụng các quy định của BLTTHS năm 2015 nên việc triển khai thực hiện của TAND cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh còn nhiều hạn chế, vướng mắc.

- Áp dụng pháp luật không hiệu quả:

Các Thẩm phán, Thẩm tra viên của TAND cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh chưa chủ động trong công tác giải quyết đơn đề nghị kháng nghị giám đốc thẩm. Nhiều vụ án có chất lượng nghiên cứu không đảm bảo dẫn đến phải nghiên cứu, báo cáo lại nhiều lần.

Các lãnh đạo TAND cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh chưa quan tâm đúng mức đối với công tác giải quyết các vụ án theo thủ tục giám đốc thẩm.

- Nguồn lực Thẩm phán chưa đáp ứng được yêu cầu:

Một bộ phận Thẩm phán, cán bộ của các địa phương chưa nêu cao tinh thần trách nhiệm trong công tác, chưa tích cực học tập để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ nên nhiều vấn đề đã được quy định trong pháp luật, đã được hướng dẫn cụ thể nhưng vẫn chưa nắm vững để áp dụng trong công tác xét xử. Một số Thẩm phán chưa tích cực học hỏi, trau dồi những kiến thức pháp luật, chưa nắm được những hướng dẫn của TAND tối cao hoặc các hướng dẫn liên ngành, một số Thẩm phán hạn chế về năng lực, trình độ, thậm chí có những Thẩm phán thiếu trách nhiệm, không nghiên cứu kỹ hồ sơ, không nắm vững hồ sơ, câu hỏi trong công việc dẫn đến sai sót. Bên cạnh đó, sự phối hợp giữa các ngành bảo vệ pháp luật ở địa phương còn thiếu chặt chẽ, thiếu nhất quán và chưa thường xuyên, nên không phát hiện sai sót.

- Thiếu sự phối hợp giữa với TAND địa phương và các cơ quan khác:

Các vụ án được đưa lên giải quyết ở cấp giám đốc thẩm thường có nhiều sai sót, vi phạm trong quá trình giải quyết ở cấp sơ thẩm, phúc thẩm. Có những vi phạm không thể sửa chữa khắc phục được, khiến cho việc giải quyết vụ án lâm vào bế tắc, khó xác định được đường lối giải quyết. Nhiều vụ án TAND cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phải phối hợp với các cơ quan như Bộ Công an, TANDTC, VKSNDTC, VKSND cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh và các cơ quan khác để cùng nghiên cứu, xem xét, trao đổi mới có đường lối giải quyết vụ án. Tuy nhiên, cơ chế phối hợp giữa các đơn vị trong Ngành và sự phối hợp giữa Tòa án với VKS và các cơ quan, đơn vị hữu quan trong công tác tiếp nhận, thụ lý, giải quyết đơn còn chưa thực sự phù hợp, hiệu quả chưa cao.

- Các TAND cấp tỉnh, thành phố và TAND cấp huyện chưa nghiêm túc chuyển hồ sơ cho TAND cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh theo đúng hạn luật định. Có nhiều vụ án TAND cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh yêu cầu chuyển hồ sơ nhiều lần nhưng các Tòa án địa phương không thực hiện.

## **Kết luận chương 2**

Trong Chương 2, tác giả phân tích quy định của pháp luật về giám đốc thẩm các vụ án hình sự trong ba giai đoạn: Giai đoạn từ năm 1945 đến trước khi có BLTTHS năm 1988; giai đoạn từ khi có BLTTHS năm 1988 và BLTTHS năm 2003 và giai đoạn áp dụng BLTTHS năm 2015. Trong đó chủ yếu đi sâu nghiên cứu các quy định trong BLTTHS năm 2015 đang có hiệu lực thi hành.

Với việc phân tích đặc điểm, cơ cấu của TAND cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh và những số liệu về số vụ án có kháng nghị, số vụ án đã xét xử giám đốc thẩm, số vụ án rút kháng nghị, số vụ án được chấp nhận kháng nghị đã làm nổi bật những kết quả đạt được trong công tác giám đốc thẩm các vụ án hình sự của TAND cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh từ ngày thành lập TAND cấp cao 01/6/2015 đến ngày 31/01/2018.

Luận văn đã phân tích những hạn chế, vướng mắc trong áp dụng pháp luật của TAND cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh và chỉ rõ nguyên nhân khách quan, nguyên nhân chủ quan của những tồn tại, hạn chế đó làm cơ sở cho việc xây dựng những giải pháp hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả áp dụng thủ tục giám đốc thẩm của TAND cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tại Chương 3.

### Chương 3

## QUAN ĐIỂM, GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VÀ NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG GIÁM ĐỐC THẨM VỤ ÁN HÌNH SỰ CỦA TAND CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

### 3.1. Quan điểm hoàn thiện pháp luật.

Để xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam, Đảng ta đã đề ra nhiều chủ trương cải cách tư pháp như: Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 02/01/2002, Nghị quyết số 48-NQ/TW ngày 26/5/2005, Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02/6/2005, Kết luận số 79-KL/TW ngày 28/7/2010, Kết luận số 92-KL/TW ngày 12/3/2014 của Bộ Chính trị; Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII tiếp tục khẳng định: *“Tiếp tục đẩy mạnh việc thực hiện Chiến lược cải cách tư pháp, xây dựng nền tư pháp trong sạch, vững mạnh, dân chủ, nghiêm minh, từng bước hiện đại; bảo vệ pháp luật, công lý, quyền con người, quyền công dân, bảo vệ chế độ XHCN, lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức và cá nhân. Phân định rành mạch thẩm quyền quản lý hành chính với trách nhiệm, quyền hạn tư pháp trong tổ chức, hoạt động của các cơ quan tư pháp. Cụ thể hóa đầy đủ các nguyên tắc hiến định về chức năng, nhiệm vụ của TAND và hoạt động xét xử”*. Hiến pháp năm 2013 được Quốc hội khóa XIII thông qua tại kỳ họp thứ 6 đã thể hiện sâu sắc quan điểm của Đảng ta về tôn trọng, bảo vệ, bảo đảm quyền con người, quyền công dân, bổ sung nhiều nguyên tắc tư pháp tiến bộ, bổ sung và làm rõ hơn nhiệm vụ của trọng tâm của Tòa án trong hệ thống tư pháp.

Chủ trương cải cách tư pháp nhằm tạo ra sự chuyển biến mạnh mẽ trong chức năng và hoạt động của các cơ quan tư pháp, tăng cường trách nhiệm của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng trong điều tra, truy tố, xét xử và thi hành án hình sự, bảo đảm xử lý kịp thời và nghiêm minh, thực hiện dân chủ hơn nữa trong hoạt động tố tụng hình sự, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của công dân. Hoàn thiện pháp luật tố tụng hình sự nói chung, thủ tục giám đốc thẩm trong tố tụng hình sự nói riêng phải trên cơ sở quán triệt đầy đủ quan điểm, chủ trương cải cách tư pháp thể hiện trong các nghị quyết, văn kiện của Đảng nêu trên. Hoàn thiện

pháp luật tố tụng hình sự còn phải xuất phát từ thực tiễn của Việt Nam, cần tiếp tục duy trì và phát huy những ưu điểm của BLTTHS hiện hành, tiếp thu có chọn lọc một số hạt nhân hợp lý của mô hình tố tụng hình sự tranh tụng, phù hợp với truyền thống văn hóa, điều kiện chính trị, kinh tế, xã hội cụ thể của nước ta. Phải làm cho các trình tự, thủ tục tố tụng cụ thể, công khai, minh bạch, tạo điều kiện cho những người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng thực hiện đầy đủ quyền và trách nhiệm tố tụng, thực hiện tốt yêu cầu tranh tụng trong hoạt động tố tụng hình sự. Những quy định của BLTTHS được sửa đổi, bổ sung phải đáp ứng yêu cầu xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam; bảo đảm nguyên tắc phân công, phối hợp và kiểm soát quyền lực trong quá trình giải quyết vụ án hình sự; nêu cao hơn nữa trách nhiệm của các cơ quan nhà nước đối với công dân, bảo đảm các quyền tự do dân chủ của công dân; đồng thời bảo đảm quá trình giải quyết vụ án hình sự của các cơ quan tố tụng được vận hành trôi chảy và hiệu quả hơn.

Cải cách mạnh mẽ thủ tục tố tụng hình sự theo hướng dân chủ, bình đẳng, công khai, minh bạch, chặt chẽ nhưng thuận tiện, bảo đảm sự tham gia và giám sát của nhân dân đối với hoạt động tư pháp; bảo đảm chất lượng tranh tụng tại các phiên tòa xét xử, lấy kết quả tranh tụng tại tòa làm căn cứ quan trọng để phán quyết bản án, coi đây là khâu đột phá để nâng cao chất lượng hoạt động tư pháp. Việc tiếp tục cải cách nhiều nội dung cụ thể khác của pháp luật tố tụng hình sự trong công cuộc đấu tranh phòng, chống tội phạm, góp phần giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, bảo vệ cuộc sống bình yên của nhân dân, tạo môi trường ổn định cho sự phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam XHCN là nhiệm vụ quan trọng. Mặt khác, sự phát triển của khoa học công nghệ và hội nhập quốc tế đã trở thành nhu cầu nội tại của Việt Nam. Việt Nam đã tham gia nhiều tổ chức quốc tế và trở thành thành viên của nhiều điều ước quốc tế trong lĩnh vực đấu tranh phòng, chống tội phạm. Phải bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất của hệ thống pháp luật và phù hợp với các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên liên quan đến hoạt động tố tụng hình sự, đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế. Đồng thời, tham khảo có chọn lọc kinh nghiệm tố tụng hình sự của các nước phù hợp với điều

kiện cụ thể của Việt Nam. Với những lý do nêu trên, việc hoàn thiện pháp luật tố tụng hình sự nói chung và các quy định về thủ tục giám đốc thẩm nói riêng nhằm đáp ứng yêu cầu cải cách tư pháp là rất cần thiết trong bối cảnh nước ta hiện nay.

Để hoàn thiện các quy định của pháp luật tố tụng hình sự về thủ tục giám đốc thẩm cần:

- Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng hoạt động xây dựng và áp dụng pháp luật tố tụng hình sự.

- Trong quá trình áp dụng BLTTHS năm 2015 cần tiếp tục rà soát các Điều luật không hợp lý, cần sửa đổi bổ sung để phù hợp với thực tế khách quan.

- Xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật đòi hỏi phải bảo đảm tính đồng bộ. Vì vậy, cần ban hành kịp thời các văn bản quy định chi tiết hướng dẫn thi hành để đưa pháp luật vào cuộc sống.

- Kịp thời phát hiện văn bản quy phạm pháp luật và quy phạm pháp luật có sự mâu thuẫn, chồng chéo để loại bỏ, tạo ra sự thống nhất của hệ thống pháp luật tố tụng hình sự.

- Tăng cường chất lượng của công tác thẩm định, thẩm tra dự thảo văn bản quy phạm pháp luật. Tránh tình trạng văn bản quy phạm pháp luật được thông qua nhưng có nhiều sai sót, không áp dụng được.

- Nâng cao hiệu quả của công tác giám sát, kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật.

- Tiếp tục xây dựng hệ thống Án lệ về các vụ án hình sự.

- Đẩy mạnh hơn nữa hoạt động của TANDTC trong việc ban hành các Nghị quyết để hướng dẫn áp dụng pháp luật, tiến hành nghiên cứu tìm ra những thiếu sót, quy định chưa chặt chẽ và ban hành các văn bản giải thích, hướng dẫn áp dụng quy định, kịp thời giải đáp thắc mắc của Tòa án cấp dưới.

### **3.2. Các giải pháp hoàn thiện quy định của pháp luật.**

- Điều 371 BLTTHS năm 2015 quy định về căn cứ kháng nghị giám đốc thẩm: “*Kết luận trong bản án, quyết định của Tòa án không phù hợp với những tình tiết khách quan của vụ án*”. Kết luận trong bản án, quyết định được hiểu như thế

nào; phần nào trong bản án được coi là kết luận của bản án? Chỉ có phần “Quyết định” mới được xem là kết luận của bản án, quyết định hay cả phần “Nhận định của Tòa án” và “Quyết định” đều được xem là kết luận. Trên thực tế có trường hợp bản án, quyết định đưa ra một số nhận định không đúng với tình tiết khách quan của vụ án nhưng phần “Quyết định” lại đúng với tình tiết khách quan của vụ án. Do đó, cần sửa đổi, bổ sung “Quyết định” thay cho “Kết luận”. Cụ thể: *“Quyết định của bản án, quyết định của Tòa án không phù hợp với những tình tiết khách quan của vụ án”*.

- Khoản 1 Điều 372 BLTTHS năm 2015 quy định người bị kết án, cơ quan, tổ chức và mọi cá nhân có quyền phát hiện vi phạm pháp luật trong bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật cần xét lại theo thủ tục giám đốc thẩm. Việc BLTTHS Việt Nam quy định quá rộng đối tượng có quyền phát hiện, đề nghị, kiến nghị kháng nghị giám đốc thẩm, dẫn đến tình trạng quá tải đơn thư khiếu nại yêu cầu giám đốc thẩm như thời gian qua, làm cho Tòa án, VKS có thẩm quyền giám đốc thẩm phải rất vất vả, nhưng vẫn không giải quyết hết được. Tình trạng này không những gây lãng phí về công sức của cơ quan và người tiến hành tố tụng, lãng phí về tiền bạc của Nhà nước, mà việc giải quyết không kịp thời, tồn đọng nhiều đơn thư và làm giảm lòng tin của nhân dân vào cơ quan pháp luật. Do đó, cần kiến nghị hạn chế đối tượng có quyền làm đơn khiếu nại giám đốc thẩm là người bị kết án, cá nhân có liên quan đến vụ án và một số tổ chức cụ thể. Ngoài ra, không có điều luật nào quy định về thời hạn nộp đơn đề nghị, kiến nghị giám đốc thẩm, dẫn đến việc nộp đơn tràn lan, không có thời điểm dừng, nên cũng cần phải giới hạn thời gian cho việc nộp đơn đề nghị, kiến nghị giám đốc thẩm.

- Điều 377 BLTTHS năm 2015 quy định tạm đình chỉ thi hành bản án, quyết định bị kháng nghị giám đốc thẩm. Việc quy định người có kháng nghị có quyền tạm đình chỉ thi hành bản án mà không có điều luật quy định hoãn thi hành bản án là không phù hợp trong thực tiễn đối với trường hợp người bị kết án đang tại ngoại hoặc về phần dân sự trong vụ án hình sự có căn cứ để hoãn thi hành án. Do đó, cần

sửa đổi, bổ sung Điều luật về hoãn thi hành bản án, quyết định bị kháng nghị giám đốc thẩm.

- Khoản 1 Điều 379 BLTTHS quy định về thời hạn kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm theo hướng không có lợi cho người bị kết án chỉ được tiến hành trong thời hạn một năm cho tất cả các loại tội phạm là không phù hợp. Có những vụ án rất phức tạp, cần nghiên cứu báo cáo kỹ lưỡng trước khi ban hành quyết định kháng nghị hoặc có những vụ án gần hết hạn 01 năm kháng nghị thì cơ quan, tổ chức, cá nhân mới có đơn, kiến nghị giám đốc thẩm theo hướng không có lợi cho người bị kết án. Do đó, cần sửa đổi, bổ sung BLTTHS theo hướng kéo dài thời hạn kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm đối với những vụ án có tính chất phức tạp (có thể là 02 năm), và thời hạn 01 năm kể từ ngày nhận được đơn, kiến nghị. Cụ thể: *“Việc kháng nghị theo hướng không có lợi cho người bị kết án chỉ được tiến hành trong thời hạn một năm kể từ ngày nhận được đơn, kiến nghị giám đốc thẩm đối với bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật. Trong trường hợp những vụ án có tính chất phức tạp thì thời hạn được kéo dài thêm một năm”*.

- Điều 382 BLTTHS năm 2015 quy định về thẩm quyền giám đốc thẩm. Theo đó khoản 1 quy định Ủy ban Thẩm phán TAND cấp cao giám đốc thẩm bằng HĐXX gồm ba Thẩm phán hoặc khoản 4 quy định Hội đồng Thẩm phán TANDTC giám đốc thẩm bằng HĐXX gồm năm Thẩm phán, tuy nhiên điều luật không quy định về chủ tọa phiên tòa. Trường hợp này cần quy định chủ tọa phiên tòa không phải là người ký quyết định kháng nghị giám đốc thẩm, như vậy việc xét xử sẽ khách quan hơn, việc xem xét vụ án theo thủ tục giám đốc thẩm sẽ toàn diện hơn. Ngoài ra, Hội đồng Thẩm phán TANDTC cần có nghị quyết hướng dẫn cụ thể về trường hợp vụ án có tính chất phức tạp để áp dụng thống nhất việc mở phiên tòa toàn thể Ủy ban Thẩm phán TAND cấp cao hoặc toàn thể Thẩm phán TANDTC.

- Điều 383 BLTTHS năm 2015 quy định về những người tham gia phiên tòa giám đốc thẩm. Theo đó quy định Kiểm sát viên của VKS cùng cấp phải phiên tòa giám đốc thẩm, nhưng không quy định rõ nếu Kiểm sát viên vắng thì có hoãn phiên tòa không? Do vậy, để bảo đảm tính chặt chẽ, cần sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều



383 BLTTHS năm 2015 như sau: *“Phiên tòa giám đốc thẩm phải có sự tham gia của Kiểm sát viên VKS cùng cấp. Trường hợp Kiểm sát viên vắng mặt thì phải hoãn phiên tòa”*. Ngoài ra, khoản 2 Điều luật còn quy định *“Trường hợp xét thấy cần thiết hoặc có căn cứ sửa một phần bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật, Tòa án phải triệu tập người bị kết án, người bào chữa và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến việc kháng nghị tham gia phiên tòa giám đốc thẩm; nếu họ vắng mặt thì phiên tòa giám đốc thẩm vẫn được tiến hành”*. Việc xác định khi nào là cần thiết, khi nào không cần thiết là rất cảm tính. Vì vậy, thời gian qua, hầu như Hội đồng giám đốc thẩm của Tòa án các cấp không triệu tập người tham gia tố tụng vì cho rằng không cần thiết. Điều này rõ ràng ảnh hưởng đến việc xem xét toàn diện, khách quan vụ án, không đảm bảo thực hiện tốt nguyên tắc tranh tụng ở giai đoạn giám đốc thẩm. Ngoài ra, việc có mặt tại phiên tòa giám đốc thẩm rất có ý nghĩa đối với những người được triệu tập, họ vắng mặt có thể vì chưa được triệu tập hợp lệ hoặc có lý do bất khả kháng, vì thế cần phải cho những người được Tòa án triệu tập hợp lệ vắng mặt 01 lần nếu có lý do bất khả kháng. Do đó, cần sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 383 như sau: *“Trường hợp xét thấy cần thiết hoặc có căn cứ sửa một phần bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật, Tòa án phải triệu tập hợp lệ người bị kết án, người bào chữa và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến việc kháng nghị tham gia phiên tòa giám đốc thẩm; nếu họ vắng mặt đến lần thứ hai thì phiên tòa giám đốc thẩm vẫn được tiến hành”*. Đồng thời, đề xuất TANDTC hướng dẫn trường hợp nào là cần thiết phải triệu tập những người nêu trên.

- Điều 385 BLTTHS năm 2015 quy định về thời hạn xét xử giám đốc thẩm là 04 tháng kể từ ngày nhận được kháng nghị nhưng không quy định số lần hoãn phiên tòa giám đốc thẩm, thời hạn giữa những lần hoãn phiên tòa là bao lâu. Do vậy, cần nghiên cứu, bổ sung Điều luật hoãn phiên tòa giám đốc thẩm quy định về số lần hoãn phiên tòa, thời gian mở phiên tòa sau khi hoãn.

- Điều 387 BLTTHS năm 2015 quy định về phạm vi giám đốc thẩm: *“Hội đồng giám đốc thẩm phải xem xét toàn bộ vụ án mà không chỉ hạn chế trong nội*

*dung của kháng nghị*”. Tuy nhiên, theo quy định tại khoản 1 Điều 379 thì việc kháng nghị theo hướng không có lợi cho người phạm tội thì chỉ được tiến hành trong thời hạn một năm; theo quy định tại khoản 2 Điều 393 thì *“Việc sửa bản án, quyết định không làm thay đổi bản chất của vụ án, không làm xấu đi tình trạng của người bị kết án, không gây bất lợi cho bị hại, đương sự”*. Như vậy, cần sửa đổi, bổ sung quy định phạm vi giám đốc thẩm như sau: *“Hội đồng giám đốc thẩm phải xem xét toàn bộ vụ án mà không chỉ hạn chế trong nội dung của kháng nghị, trừ trường hợp làm thay đổi bản chất của vụ án, làm xấu đi tình trạng của người bị kết án, gây bất lợi cho người bị hại, đương sự”*.

- Điều 388 BLTTHS năm 2015 quy định về thẩm quyền của Hội đồng giám đốc thẩm. Về thẩm quyền hủy bản án, quyết định luật chỉ quy định hủy bản án, quyết định để điều tra lại hoặc xét xử lại, không quy định hủy án để truy tố lại là chưa phù hợp với thực tiễn có trường hợp điều tra đã đầy đủ, chính xác nhưng do nhận thức không đúng pháp luật nên VKS truy tố bị can với tội danh nhẹ hơn so với hành vi phạm tội, dẫn đến do giới hạn của việc xét xử Tòa án không thể xét xử bị cáo với tội danh nặng hơn. Vì thế, có thể trong trường hợp này chỉ cần hủy bản án hoặc quyết định đã có hiệu lực pháp luật để truy tố lại mà không cần hủy để điều tra lại từ đầu. Do đó, cần sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 388 năm 2015 như sau: *“Hủy bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật để điều tra lại, truy tố lại hoặc xét xử lại”*. Việc sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 388 cũng đồng nghĩa với việc sửa đổi bổ sung Điều 391 BLTTHS năm 2015.

- Điều 391 BLTTHS năm 2015 quy định *“Trường hợp xét thấy cần tiếp tục tạm giam bị cáo thì HĐXX giám đốc thẩm ra quyết định tạm giam cho đến khi VKS hoặc Tòa án thụ lý lại vụ án.”*. Việc tạm giam bị cáo được đưa vào điều luật nêu trên là không hợp lý, ngoài điều luật này không có quy định nào của BLTTHS quy định về thẩm quyền của HĐXX về việc tạm giam bị cáo. Do đó, cần phải chuyển thẩm quyền nêu trên thành một Điều luật riêng để HĐXX giám đốc thẩm có căn cứ để áp dụng đối với những trường hợp không phải trường hợp *“Hủy bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật để điều tra lại hoặc xét xử lại”*.

- Khoản 2 Điều 395 BLTTHS năm 2015 quy định “*Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày ra quyết định, Hội đồng giám đốc thẩm phải gửi quyết định giám đốc thẩm...*”. Việc soạn thảo quyết định giám đốc thẩm cần nhiều thời gian, việc soạn thảo phải cẩn thận, tránh sai sót. Quy định thời hạn gửi quyết định giám đốc thẩm nêu trên là quá ít và không đồng bộ với quy định tại Điều 262 về gửi bản án, quyết định do TAND cấp cao xét xử phúc thẩm thì thời hạn không quá 25 ngày. Do đó, cần sửa đổi như sau: “*Trong thời hạn 25 ngày kể từ ngày ra quyết định, Hội đồng giám đốc thẩm phải gửi quyết định giám đốc thẩm...*”.

- Điều 396 BLTTHS năm 2015 quy định: “*Nếu Hội đồng giám đốc thẩm quyết định hủy bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật để điều tra lại thì trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày ra quyết định, hồ sơ vụ án phải được chuyển cho VKS cùng cấp để điều tra lại...*”. Qua thực tế cho thấy VKSND cùng cấp nhận hồ sơ chỉ là khâu trung gian, sau đó VKSND cùng cấp phải chuyển hồ sơ cho VKS cấp dưới để điều tra lại. Do đó, việc điều luật quy định như trên là không cần thiết nên sửa đổi, bổ sung như sau: “*Nếu Hội đồng giám đốc thẩm quyết định hủy bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật để điều tra lại thì trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày ra quyết định, hồ sơ vụ án phải được chuyển cho VKS có thẩm quyền để điều tra lại...*”.

### **3.3. Giải pháp nâng cao chất lượng áp dụng các quy định về giám đốc thẩm của TAND cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.**

#### **3.3.1. Đổi mới công tác tổ chức, cán bộ.**

Cần phải bổ sung cho TAND cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đủ biên chế để hoạt động. Bổ nhiệm đủ các chức danh Trưởng phòng, Phó trưởng phòng giám đốc, kiểm tra để giúp Lãnh đạo Tòa làm công tác tham mưu, quản lý.

Để thực hiện tốt công tác giám đốc thẩm phải đảm bảo những người được phân công thực hiện nhiệm vụ giám đốc thẩm phải là những người có trình độ chuyên môn giỏi, có khả năng phát hiện nhanh, chính xác những sai phạm của các bản án hoặc quyết định đã có hiệu lực pháp luật, có phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, tận tụy với công việc. Muốn thực hiện tốt việc này, trước hết về phía tổ chức

lãnh đạo phải thường xuyên quan tâm đến việc tuyển chọn, sắp xếp, đào tạo bồi dưỡng đối với một số cán bộ được giao làm công tác giám đốc thẩm và bản thân họ cũng phải tự giác tích cực rèn luyện học tập để không ngừng nâng cao trình độ về mọi mặt thông qua thực tiễn hoạt động giám đốc thẩm, vừa làm, vừa học, vừa rút kinh nghiệm.

TAND cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh cần nâng cao hơn nữa trách nhiệm của từng cán bộ, Thẩm tra viên và bộ phận giúp việc trong công tác giải quyết đơn đề nghị, kiến nghị giám đốc thẩm. Cần có quy chế cụ thể, có hình thức khen thưởng kịp thời, kỷ luật nghiêm khắc đối với cán bộ, Thẩm tra viên khi thực hiện nhiệm vụ. Nghiêm túc tiến hành nhận xét, đánh giá về trách nhiệm, phẩm chất đạo đức, năng lực trình độ cán bộ. Cần nâng cao trách nhiệm của các Thẩm phán khi tham gia xem xét các vụ án giám đốc thẩm, đặc biệt phải quy định rõ nghĩa vụ nghiên cứu hồ sơ của họ. Phải nghiên cứu hồ sơ vụ án một cách kỹ lưỡng, thận trọng, khoa học. Đây là yếu tố quan trọng để nâng cao chất lượng giải quyết vụ án và giúp hạn chế trường hợp án bị trả về nghiên cứu lại làm mất thời gian của Thẩm tra viên, Thẩm phán và lãnh đạo Tòa án. Khi nghiên cứu kỹ hồ sơ vụ án thì Thẩm tra viên nghiên cứu mới có đủ điều kiện viện dẫn các căn cứ, các chứng cứ và lời khai của đương sự, bị can, nhân chứng khi trình bày quan điểm và đề xuất ý kiến với Thẩm phán phụ trách và lãnh đạo đơn vị. Tùy vào tính chất của từng hồ sơ vụ án phức tạp hay đơn giản, nhiều hành vi hay ít hành vi, nhiều đương sự hay không, có đồng phạm hay không... và căn cứ vào sở trường, năng lực của Thẩm tra viên mà đề ra phương pháp nghiên cứu hồ sơ vụ án khác nhau. Thông thường đối với các vụ án có nội dung phức tạp, Thẩm tra viên lập bản cứu ghi chú lại các tài liệu, nội dung quan trọng của vụ án để thuận lợi trong quá trình báo cáo án với lãnh đạo Tòa án.

Tăng cường mở các khóa đào tạo, cập nhật văn bản pháp luật mới cho đội ngũ cán bộ, Thẩm tra viên. Tổ chức thi chuyên ngạch Thẩm tra viên, Thẩm tra viên chính, Thẩm tra viên cao cấp cho cán bộ làm công tác giám đốc thẩm.

Nghiên cứu đưa ra mô hình quản lý thống nhất để công tác giải quyết đơn được vận hành một cách hiệu quả. Có cơ chế phân công nhiệm vụ giữa Thẩm phán, Thẩm tra viên, cán bộ nghiên cứu cụ thể tránh sự chồng chéo.

Cần tập trung nhân sự cho việc tiến hành giải quyết án tồn đọng, kéo dài. Có sự kiểm tra chéo giữa các bộ phận để tránh tình trạng chậm trễ trong công tác giải quyết đơn đề nghị, kiến nghị giám đốc thẩm.

### ***3.3.2. Đổi mới quy trình thụ lý và giải quyết đơn đề nghị kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm.***

- Về quy trình thụ lý đơn đề nghị giám đốc thẩm:

Những quy định của Luật Tổ chức TAND năm 2014 theo hướng nâng cao vai trò chức năng giám đốc thẩm, tái thẩm của TAND cấp cao nhằm giảm bớt số lượng các vụ án phải giám đốc thẩm, tái thẩm ở TANDTC. Để thúc đẩy quá trình giải quyết đơn, án theo thủ tục giám đốc thẩm được nhanh chóng, đạt hiệu quả cao, TAND cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tiếp tục phải hoàn thiện quy trình tiếp nhận, thụ lý, giải quyết đơn đề nghị giám đốc thẩm, tái thẩm cho phù hợp với quy định của pháp luật. Việc tiếp nhận thụ lý, giải quyết đơn phải được thực hiện nhanh gọn kịp thời, khắc phục tình trạng chuyển đơn lòng vòng, ảnh hưởng đến việc giải quyết đơn giám đốc thẩm, tái thẩm.

Đơn đề nghị giám đốc thẩm, tái thẩm gửi đến TAND cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh chủ yếu thông qua đường bưu chính, một số lượng nhỏ được gửi trực tiếp tại Phòng tiếp công dân của TAND cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh và một số lượng đơn do các cơ quan ban ngành chuyển đơn. Việc tiếp nhận, xử lý, phân loại, thụ lý đơn được thực hiện theo quy trình cụ thể:

Văn phòng TAND cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh là nơi tiếp nhận ban đầu các đơn đề nghị giám đốc thẩm, tái thẩm, thực hiện việc phân loại đơn trùng lặp, đơn thuộc thẩm quyền giải quyết và đơn không thuộc thẩm quyền giải quyết. Trong trường hợp đơn gửi thiếu thủ tục thì Văn phòng yêu cầu người gửi đơn bổ sung cho đủ thủ tục. Việc yêu cầu bổ sung thủ tục được kiểm tra cụ thể để yêu cầu bổ sung một lần, tránh gây phiền hà cho đương sự. Trường hợp đơn không thuộc

thẩm quyền giải quyết thì chuyển đơn đến đúng cơ quan có thẩm quyền giải quyết và thông báo cho đương sự biết về việc chuyển đơn. Văn phòng kiểm tra đơn đủ thủ tục, đúng thẩm quyền giải quyết mới chuyển Phòng giám đốc kiểm tra có chức năng tham mưu về loại án đó để vào sổ thụ lý. Phòng giám đốc kiểm tra thụ lý đơn, thông báo bằng văn bản (cấp giấy xác nhận đơn) cho đương sự biết và làm thủ tục mượn hồ sơ vụ án lên giải quyết. Để làm tốt công tác thụ lý đơn cần có những giải pháp như sau:

Thứ nhất, về nguồn nhân lực: Cần phải xây dựng được một đội ngũ làm công tác thụ lý đơn vừa có trình độ chuyên môn vừa có trình độ công nghệ thông tin, có tinh thần trách nhiệm cao trong công việc, để có khả năng phân loại đơn, đánh giá đơn thuộc thẩm quyền của đơn vị mình hay đơn vị khác, đơn có đủ điều kiện thụ lý hay không, điều này làm hạn chế tối đa việc thụ lý đơn không thuộc thẩm quyền hay không đủ điều kiện thụ lý, giảm tình trạng quá tải đơn, hay để đơn hết thời hiệu giải quyết mới thụ lý.

Thứ hai, về điều kiện phương tiện làm việc: Tối đa các điều kiện, phương tiện, trang thiết bị làm việc cho cán bộ thụ lý, đặc biệt là trang bị về công nghệ thông tin trong công tác thụ lý, thống kê, giúp cho cán bộ thụ lý cập nhật dữ liệu, theo dõi thông tin, thống kê dữ liệu một cách nhanh chóng, chính xác, khoa học.

Thứ ba, về chế độ phân công công việc và chịu trách nhiệm: Phân công cán bộ phụ trách chung trong công tác thụ lý và phân công cán bộ phụ trách từng mảng, hoạt động cụ thể trong công tác thụ lý, điều này giúp nâng cao trách nhiệm của cán bộ, tránh sai sót, trùng lặp và dễ quản lý, theo dõi công việc. Cán bộ phụ trách mảng công việc nào phải chịu trách nhiệm và báo cáo công việc với cán bộ phụ trách chung, điều này giúp cho công tác thụ lý vừa có sự quản lý thống nhất vừa đề cao trách nhiệm cá nhân.

Thứ tư, về tập huấn công tác thụ lý, thống kê: Thường xuyên tổ chức các buổi tập huấn về thụ lý, thống kê cho cán bộ thụ lý, giúp cán bộ thụ lý thống nhất về nhận thức, cách xử lý, cập nhật dữ liệu, thu thập và sử dụng số liệu thống kê, kịp thời hướng dẫn, giải đáp những thắc mắc phát sinh.

Thứ năm, cần có sự thống nhất giữa lãnh đạo ngành TAND và VKSND trong việc trao đổi thông tin giải quyết án theo thủ tục giám đốc vì trên thực tế TAND và VKSND thụ lý đơn đề nghị kháng nghị giám đốc thẩm trùng nhau rất nhiều dẫn đến thực hiện các thủ tục không cần thiết như: Làm phiếu mượn hồ sơ vụ án ở Tòa án địa phương trong khi hồ sơ vụ án đã được chuyển đến TAND hoặc VKSND; thụ lý, nghiên cứu đơn trong khi Tòa án hoặc VKS đã có kháng nghị... vấn đề này làm tốn thời gian, ảnh hưởng đến hiệu quả thụ lý các vụ án theo thủ tục giám đốc thẩm.

Thứ sáu, về phần mềm nội bộ ngành TAND: Hiện nay TANDTC đã xây dựng phần mềm nội bộ quản lý, thống kê các loại án dùng chung cho toàn ngành. Phần mềm cho phép quản lý tất cả các loại vụ án từ khi thụ lý sơ thẩm cho đến khi phúc thẩm, giám đốc thẩm, tái thẩm, thực hiện các nghiệp vụ quản lý, kiểm soát đối với cả quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, vụ việc. Điều này, sẽ giúp cho công tác thụ lý đơn đề nghị kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm một cách nhanh chóng, khoa học. Do đó, TAND cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh cần phải tăng cường áp dụng công nghệ thông tin vào quá trình giải quyết đơn để công tác thụ lý đơn khoa học, nhanh chóng, tiết kiệm thời gian, nhân lực...

- Về quy trình giải quyết đơn đề nghị giám đốc thẩm:

Trước yêu cầu của Quốc hội, TANDTC đặt ra trong công tác giải quyết đơn, đề nghị, kiến nghị giám đốc thẩm cần phải xây dựng một quy trình giải quyết án giám đốc thẩm, tái thẩm phù hợp với điều kiện cụ thể của TAND cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh. Quy trình giải quyết án phải được áp dụng thống nhất và có giá trị bắt buộc đối với các cán bộ, Thẩm tra viên làm công tác giải quyết đơn đề nghị, kiến nghị theo thủ tục giám đốc thẩm. Quy trình này phải được xây dựng dựa trên tiêu chí nhanh chóng, đơn giản, linh hoạt và đúng pháp luật. Có thể thực hiện theo những đề xuất sau:

Để rút ngắn thời gian nghiên cứu, báo cáo đối với những vụ án có tính chất đơn giản như người bị kết án đề nghị kháng nghị xin được giảm án, xin hưởng án treo, xin giảm tiền bồi thường hoặc người bị hại yêu cầu tăng tiền bồi thường... mà

những tình tiết, căn cứ trong bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật là rõ ràng. Những trường hợp này cần lập Hội đồng xét đơn gồm có: Thẩm phán, Trưởng phòng giám đốc kiểm tra (phó trưởng phòng), Thẩm tra viên để đưa ra hướng đề xuất đối với vụ án.

Hiện nay việc phân công vụ án nghiên cứu theo thủ tục giám đốc thẩm tại TAND cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh vẫn do Chánh án hoặc các Phó Chánh án phụ trách phân công đối với từng vụ việc cụ thể. Việc phân công như vậy rất mất thời gian cho việc lập bảng phân công, một Thẩm tra viên có rất nhiều vụ án cần báo cáo của nhiều Thẩm phán khác nhau. Do đó, cần phân công từng Thẩm tra viên cho Thẩm phán cụ thể, để các Thẩm tra viên và Thẩm phán chủ động trong việc giải quyết đơn đề nghị giám đốc thẩm. Mặt khác, nếu có vướng mắc trong chuyên môn, nghiệp vụ có thể trực tiếp trao đổi để tháo gỡ vướng mắc một cách nhanh chóng.

### ***3.3.3. Nâng cao trách nhiệm trong việc áp dụng pháp luật.***

Áp dụng pháp luật đúng sẽ đảm bảo hiệu quả cao nhất của công tác giám đốc thẩm. Các quy phạm pháp luật phải được áp dụng một cách chính xác, nghiêm minh. Khi có một hệ thống quy phạm pháp luật tổ tụng hình sự về giám đốc thẩm một cách hoàn thiện, chặt chẽ nhưng việc đưa vào áp dụng trong những trường hợp cụ thể lại không đúng với tinh thần điều luật thì không những bản án hoặc quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật có sai lầm không được sửa chữa mà có khi còn dẫn tới sai lầm khác. Vào thời điểm này, hệ thống pháp luật nước ta đang trong quá trình hoàn thiện. Vì vậy, muốn nâng cao hiệu quả giám đốc thẩm thì việc áp dụng pháp luật đúng đắn càng được chú trọng.

TAND cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh cần quán triệt và thực hiện nghiêm túc các quy định của pháp luật về giám đốc thẩm trong quá trình giải quyết vụ án hình sự. Muốn áp dụng pháp luật chính xác phải nghiên cứu kỹ các quy định của pháp luật về giám đốc thẩm, hiểu đúng và nắm chắc nội dung của các quy định này. Đối với những điều luật quy định còn chung chung, thiếu sót thì mỗi cán bộ làm công tác giám đốc thẩm phải nỗ lực nghiên cứu, tìm hiểu các quy định để áp dụng cho đúng với tinh thần pháp luật. Ban lãnh đạo TAND cấp cao tại Thành phố



Hồ Chí Minh phải tập hợp các vương mặc để kiến nghị với những người có thẩm quyền hoàn thiện, bổ sung thêm hoặc có hướng dẫn áp dụng pháp luật cho phù hợp với tình hình thực tiễn.

Pháp luật đã quy định HĐXX độc lập khi xét xử và tuân theo quy định của pháp luật tuy nhiên cần có cơ chế cho HĐXX có điều kiện áp dụng pháp luật trong phạm vi thẩm quyền của mình. Có những trường hợp HĐXX không thực hiện thẩm quyền của mình. Ví dụ: Không có trường hợp nào HĐXX bác kháng nghị của Chánh án (TANDTC, TAND cấp cao). Do đó, cần quy định Hội đồng toàn thể Ủy ban Thẩm phán TAND cấp cao do Chánh án TAND cấp cao làm chủ tọa xét xử đối với vụ án đã được Ủy ban Thẩm phán TAND cấp cao xét xử bằng HĐXX ba Thẩm phán nhưng có ý kiến yêu cầu bác kháng nghị của Chánh án TAND cấp cao. Tương tự, Hội đồng toàn thể Thẩm phán TANDTC do Chánh án TANDTC làm chủ tọa xét xử đối với vụ án đã được Hội đồng Thẩm phán TANDTC xét xử bằng HĐXX năm Thẩm phán nhưng có ý kiến yêu cầu bác kháng nghị của Chánh án TANDTC.

Bên cạnh đó, đối với những vụ án được đưa ra xét xử giám đốc thẩm có tính chất phức tạp, để bảo đảm quyền lợi của người bị kết án về quyền bào chữa thì phải triệu tập họ và Luật sư của họ tham gia. Triệu tập người bị kết án, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có ý nghĩa trong việc bảo vệ quyền con người trong tố tụng hình sự, hiện đang rất được quan tâm hiện nay.

Trong quá trình giải quyết theo thủ tục giám đốc thẩm vụ án hình sự khi áp dụng pháp luật phát hiện ra những thiếu sót, quy định chưa chặt chẽ thì kịp thời đề nghị TANDTC có văn bản giải thích, hướng dẫn áp dụng quy định này, tránh áp dụng theo ý chí chủ quan của mình.

Việc áp dụng pháp luật thống nhất và nâng cao tinh thần trách nhiệm trong việc áp dụng thủ tục giám đốc thẩm sẽ góp phần đẩy nhanh số lượng vụ án được giải quyết, đồng thời nâng cao chất lượng giải quyết các vụ án hình sự theo thủ tục giám đốc thẩm tại TAND cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

#### ***3.3.4. Tăng cường công tác hướng dẫn, giải thích pháp luật.***

TAND cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phải thường xuyên tổ chức các hội thảo, tọa đàm, tập huấn nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ, công chức làm nhiệm vụ giám đốc thẩm nhằm nâng cao trình độ chuyên môn, trau dồi, rèn luyện kỹ năng cho đội ngũ công chức này. Đây là vấn đề quan trọng và có ý nghĩa thiết thực để nâng cao chất lượng, hiệu quả giải quyết án giám đốc thẩm tại TAND cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh. Qua các buổi tập huấn, các cán bộ công chức cũng có cơ hội trao đổi kinh nghiệm cũng như nêu ra vướng mắc và đề xuất kiến nghị, giải pháp trong quá trình giải quyết án theo thủ tục giám đốc thẩm, tái thẩm, đồng thời giúp cho lãnh đạo đơn vị kịp thời khắc phục, sửa chữa, bổ sung quy trình giải quyết án phù hợp với thực tế hơn.

TANDTC tổ chức các hội nghị tổng kết, rút kinh nghiệm trong công tác xét xử. Qua hội nghị này, TANDTC tập trung giải đáp các thắc mắc, hướng dẫn áp dụng thống nhất pháp luật, kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc của thực tiễn xét xử. Điều này giúp các TAND cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh và các Tòa án địa phương hạn chế các sai sót về chuyên môn, nghiệp vụ trong quá trình giải quyết vụ án, rút kinh nghiệm từ những vụ án bị kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm, phần nào giảm thiểu được lượng đơn đề nghị kháng nghị và bản án bị kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm.

Thông qua các Đoàn kiểm tra, TANDTC cũng đã chỉ ra sai sót mà các TAND địa phương thường hay mắc phải, chỉ ra giải pháp để khắc phục và là cơ hội để TAND cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh và các TAND địa phương trực tiếp có những thắc mắc cần trao đổi với TANDTC. Từ đó, việc áp dụng pháp luật sẽ thống nhất trong TAND các cấp.

TANDTC phối hợp chặt chẽ với các bộ, ban, ngành trong hoạt động xây dựng pháp luật, hướng dẫn áp dụng thống nhất pháp luật, nhằm khắc phục tình trạng áp dụng pháp luật không thống nhất ở mỗi cơ quan, đơn vị trong việc giải quyết án giám đốc thẩm, tái thẩm. Bên cạnh đó, kiến nghị các cơ quan có thẩm quyền hoàn thiện các quy định của pháp luật, nhằm tạo hành lang pháp lý để TAND

cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh có cơ sở pháp lý chắc chắn để giải quyết, xét xử các loại vụ án nói chung và án giám đốc thẩm, tái thẩm nói riêng.

Trong thời gian vừa qua cho thấy công tác giám đốc thẩm của TAND đã góp phần bảo vệ hiệu quả quyền và lợi ích hợp pháp của nhân dân, góp phần nâng cao nhận thức pháp luật trong đội ngũ Thẩm phán Tòa án các cấp, tạo tiền đề để TANDTC ban hành các văn bản hướng dẫn áp dụng thống nhất pháp luật. Đồng thời, công tác giám đốc thẩm cũng là một kênh để đánh giá chất lượng cán bộ, công chức trong ngành TAND. Từ đó, không ngừng nâng cao chất lượng giải quyết các loại án từ cấp sơ thẩm, phúc thẩm, giảm thiểu số lượng án bị kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm.

### ***3.3.5. Tăng cường sự phối hợp với các cơ quan khác.***

Các cá nhân, tổ chức thường gửi đơn đề nghị/kiến nghị giám đốc thẩm cùng lúc đến TAND cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh và VKSND cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh. Do đó, cần phải có quy chế phối hợp giữa hai cơ quan để hạn chế số lượng vụ án thụ lý và giải quyết theo thủ tục giám đốc thẩm được hiệu quả. Đồng thời, TAND cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phải tăng cường sự phối hợp giữa với các cơ quan hữu quan khác để việc giải quyết theo thủ tục giám đốc thẩm đạt hiệu quả cao. Ngoài ra, TAND cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phải ban hành quy chế phối hợp với các TAND địa phương thuộc địa hạt quản lý trong công tác như: TAND địa phương phải chuyển hồ sơ đúng thời hạn luật định cho TAND cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh; TAND cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh nhận hồ sơ, kiểm đếm, ký nhận và gửi trả biên bản bàn giao cho TAND địa phương. TAND địa phương nghiêm túc chấp hành các quyết định giám đốc thẩm của TAND cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, nếu có ý kiến thắc mắc thì trao đổi bằng văn bản, TAND cấp cao có trách nhiệm trả lời cụ thể cho TAND địa phương trong một thời hạn nhất định.

## **Kết luận chương 3**

Trên cơ sở phân tích những hạn chế, vướng mắc trong các quy định của pháp luật về thủ tục giám đốc thẩm của Chương 2, tác giả đề ra quan điểm hoàn thiện

pháp luật; giải pháp hoàn thiện các quy định của BLTTHS năm 2015 về thủ tục giám đốc thẩm đối với các điều luật như: Căn cứ kháng nghị giám đốc thẩm; đối tượng có quyền phát hiện, đề nghị, kiến nghị kháng nghị giám đốc thẩm; tạm đình chỉ thi hành bản án, quyết định bị kháng nghị giám đốc thẩm; thời hạn kháng nghị giám đốc thẩm; thẩm quyền giám đốc thẩm; những người tham gia phiên tòa giám đốc thẩm; thời hạn xét xử giám đốc thẩm; phạm vi giám đốc thẩm; thẩm quyền của Hội đồng giám đốc thẩm...

Căn cứ vào hạn chế, vướng mắc và các nguyên nhân của hạn chế, vướng mắc của thực trạng áp dụng các quy định về giám đốc thẩm trong tổ tụng hình sự của TAND cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tác giả đề xuất các giải pháp nâng cao chất lượng áp dụng các quy định về giám đốc thẩm. Các giải pháp về đổi mới công tác tổ chức, cán bộ; đổi mới quy trình thụ lý và giải quyết đơn đề nghị kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm; nâng cao trách nhiệm trong việc áp dụng pháp luật và tăng cường công tác hướng dẫn, giải thích pháp luật. Trong đó, tác giả xác định việc nâng cao trách nhiệm trong việc áp dụng pháp luật là giải pháp quan trọng nhất.

## KẾT LUẬN

Giám đốc thẩm vụ án hình sự theo pháp Luật tố tụng hình sự Việt Nam là một thủ tục tố tụng đặc biệt nhằm xét lại bản án hoặc quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật bị kháng nghị nhằm khắc phục những vi phạm pháp luật nghiêm trọng trong việc giải quyết vụ án.

Giám đốc thẩm có vai trò đặc biệt quan trọng trong thực tiễn giải quyết vụ án hình sự, là cơ chế để bảo vệ trật tự pháp luật, lợi ích của xã hội, các quyền và lợi ích hợp pháp của công dân. Tuy nhiên, trong thực tiễn áp dụng, nhận thấy còn không ít hạn chế vướng mắc trong quy định của pháp luật và hoạt động của các cơ quan tố tụng nói chung và TAND cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh nói riêng. Chính vì vậy, việc chọn nghiên cứu đề tài này là hết sức cần thiết cả về lý luận và giải quyết các vấn đề đặt ra trong thực tiễn.

Tại Chương 1 trên cơ sở tính chất của giám đốc thẩm, tác giả phân tích khái niệm và rút ra những đặc điểm giám đốc thẩm vụ án hình sự. Từ đó đưa ra những ý nghĩa của giám đốc thẩm trong tố tụng hình sự.

Chương 2 của luận văn đã phân tích quy định của pháp luật về giám đốc thẩm các vụ án hình sự trong ba giai đoạn: Giai đoạn từ năm 1945 đến trước khi có BLTTHS năm 1988; giai đoạn từ khi có BLTTHS năm 1988 và BLTTHS năm 2003 và giai đoạn áp dụng BLTTHS năm 2015. Trong đó chủ yếu đi sâu nghiên cứu các quy định trong BLTTHS năm 2015 đang có hiệu lực thi hành để so sánh sự khác biệt so với các BLTTHS đã hết hiệu lực của BLTTHS năm 2015 về giám đốc thẩm vụ án hình sự. Chương 2 còn phân tích tình hình tổ chức TAND cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, đưa ra kết quả đạt được của TAND cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh trong thủ tục giám đốc thẩm các vụ án hình sự từ ngày thành lập 01/6/2015 đến ngày 31/01/2018. Đưa ra những hạn chế, vướng mắc và nguyên nhân trong thực trạng áp các quy định về giám đốc thẩm trong tố tụng hình sự của TAND cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh làm cơ sở cho việc đề xuất các giải pháp.

Trên cơ sở phân tích những hạn chế, vướng mắc trong các quy định của pháp luật cũng như thực trạng áp dụng thủ tục giám đốc thẩm vụ án hình sự, tác giả đề ra

các giải pháp hoàn thiện quy định của pháp luật và giải pháp nâng cao chất lượng áp dụng các quy định về giám đốc thẩm của TAND cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh. Trong đó, nâng cao trách nhiệm trong áp dụng pháp luật là giải pháp quan trọng nhất. Nếu việc áp dụng pháp luật thống nhất và được nâng cao tinh thần trách nhiệm sẽ góp phần đẩy nhanh số lượng vụ án được giải quyết, đồng thời nâng cao chất lượng giải quyết các vụ án hình sự theo thủ tục giám đốc thẩm tại TAND cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Tuy nhiên, giám đốc thẩm vụ án hình sự theo pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam là một chủ đề phức tạp cần phải có các công trình nghiên cứu sâu và rộng hơn nữa. Do vậy công trình này khó tránh khỏi khiếm khuyết nhất định. Tác giả mong nhận được đóng góp, chỉ dẫn của các nhà khoa học và độc giả.

## DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Hải An (2015), *Căn cứ kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm và án phí giám đốc thẩm*, Tạp chí TAND, (số21), tr. 10-20.
2. Nguyễn Ngọc Anh (2011), *Bình luận khoa học BLTTHS năm 2003*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
3. Trần Văn Biên (2016), *Bình Luận Khoa Học Bộ Luật Tố Tụng Hình Sự*, Nxb Thế giới, Hà Nội.
4. Dương Thanh Biểu (2010), *Kỹ năng thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử vụ án hình sự theo thủ tục Giám đốc thẩm và tái thẩm*, Nxb Tư Pháp, Hà Nội.
5. Bộ Chính trị (2002), *Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 02/01/2002 về một số nhiệm vụ trọng tâm công tác tư pháp trong thời gian tới*, Hà Nội.
6. Bộ Chính trị (2005), *Nghị quyết 49-NQ/TW ngày 02/6/2005 về Chiến lược Cải cách tư pháp đến năm 2020*, Hà Nội.
7. Bộ Chính trị (2005), *Nghị quyết số 48-NQ/TW ngày 26/5/2005 về Chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2010, định hướng đến năm 2020*, Hà Nội.
8. Bộ Chính trị (2010), *Kết luận số 79-KL/TW ngày 28/7/2010 về Đề án đổi mới tổ chức hoạt động của Tòa án, Viện kiểm sát và Cơ quan điều tra theo Nghị quyết 49/NQ-TW của Bộ Chính trị về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020*, Hà Nội.
9. Bộ Chính trị (2014), *Kết luận số 92-KL/TW ngày 12/3/2014 về việc tiếp tục thực hiện nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 2/6/2005 của bộ chính trị khóa IX về chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020*, Hà Nội.
10. Bộ tư pháp - Viện khoa học pháp lý (1999), *Từ điển Luật học*, Nxb Từ Điển Bách khoa, Hà Nội.
11. Bộ Tư pháp (1958), *Thông tư số 321/VHH-CT ngày 12/02/1958 về việc yêu cầu các Tòa án phải nghiên cứu các đơn thư khiếu nại về các bản án đã xử chung thẩm*, Hà Nội.

12. Chánh án TANDTC (2016), *Chỉ thị số 05/2016/CT-CA ngày 20/7/2016 về việc tập trung giải quyết các đơn đề nghị giám đốc thẩm, tái thẩm thuộc thẩm quyền của các TAND cấp cao*, Hà Nội.
13. Mạc Giáng Châu (2006), *Giáo trình Luật tố tụng hình sự Việt Nam*, Nxb Cần Thơ, thành phố Cần Thơ.
14. Ngô Cường (2013), *Thủ tục giám đốc thẩm của Việt Nam: Quá trình phát triển và kiến nghị sửa đổi*, Tạp chí kiểm sát, (số 15), tr. 37-42, 64.
15. Đảng cộng sản Việt Nam (2016), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
16. Nguyễn Đăng Dung (2001), *Luật Hiến pháp đối chiếu*, Nxb TP. Hồ Chí Minh, Thành phố Hồ Chí Minh.
17. Mai Ngọc Dương (2009), *Vai trò của chế định giám đốc thẩm trong tố tụng dân sự*, Tạp chí Nhà nước và pháp luật, (số 7), tr. 52.
18. Nguyễn Văn Huyền (2016), *Bình luận khoa học BLTTHS năm 2015*, Nxb Lao động, Hà Nội.
19. Khoa Luật - Đại học Quốc gia Hà nội (2013), *Giáo trình Luật tố tụng hình sự Việt Nam*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
20. Nguyễn Lâm (2006), *Từ điển Từ và Ngữ Việt Nam*, Nxb Thành phố Hồ Chí Minh, Thành phố Hồ Chí Minh.
21. Phan Thị Thanh Mai (2007), *Giám đốc thẩm trong tố tụng hình sự Việt Nam*, Luật án Tiên sử Luật học, Trường Đại học Luật Hà Nội.
22. Đinh Văn Quế (2004), *Bình luận khoa học BLTTHS năm 2003*, Nxb tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, Thành phố Hồ Chí Minh.
23. Đinh Văn Quế (1997), *Giám đốc thẩm, tái thẩm về hình sự - Những vấn đề lý luận và thực tiễn*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
24. Đinh Văn Quế (1999), *Thủ tục giám đốc thẩm trong luật tố tụng hình sự Việt Nam*, Nxb Đà Nẵng, Đà Nẵng.
25. Quốc hội (1946), *Hiến pháp nước Việt Nam dân chủ công hòa năm 1946*, Hà Nội;



26. Quốc hội (1959), *Hiến pháp nước Việt Nam dân chủ công hòa năm 1959*, Hà Nội;
27. Quốc hội (1960), *Luật tổ chức TAND năm 1960*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội;
28. Quốc hội (1980), *Hiến pháp nước Cộng hòa XHCN Việt Nam năm 1980*, Hà Nội;
29. Quốc hội (1981), *Luật sửa đổi, bổ sung Luật tổ chức TAND năm 1981*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội;
30. Quốc hội (1981), *Luật sửa đổi, bổ sung Luật tổ chức VKSSND năm 1981*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội;
31. Quốc hội (1981), *Luật tổ chức TAND năm 1981*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội;
32. Quốc hội (1988), *BLTTHS năm 1988*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội;
33. Quốc hội (1992), *Hiến pháp nước Cộng hòa XHCN Việt Nam năm 1992*, Hà Nội;
34. Quốc hội (1992), *Luật tổ chức TAND năm 1992*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội;
35. Quốc hội (1992), *Luật tổ chức VKSND năm 1992*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội;
36. Quốc hội (2002), *Luật tổ chức TAND năm 2002*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội;
37. Quốc hội (2002), *Luật tổ chức VKSND năm 2002*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội;
38. Quốc hội (2003), *BLTTHS năm 2003*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội;
39. Quốc hội (2012), *Nghị quyết số 37/2012/QH13 ngày 23/11/2012 về công tác phòng, chống vi phạm pháp luật và tội phạm, công tác của VKSND, của TAND và công tác thi hành án năm 2013*, Hà Nội;
40. Quốc hội (2013), *Hiến pháp nước Cộng hòa XHCN Việt Nam năm 2013*, Hà Nội;

41. Quốc hội (2013), *Nghị quyết số 37/2012/QH13 Về công tác phòng, chống vi phạm pháp luật và tội phạm, công tác của VKSND, của TAND và công tác thi hành án năm 2013*, Hà Nội;
42. Quốc hội (2014), *Luật tổ chức TAND năm 2014*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội;
43. Quốc hội (2014), *Luật tổ chức VKSND năm 2014*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội;
44. Quốc hội (2014), *Nghị quyết số 81/2014/QH13 ngày 24/11/2014 về việc thi hành Luật Tổ chức TAND*, Hà Nội;
45. Quốc hội (2015), *BLTTHS năm 2015*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội;
46. Trần Văn Sơn (2005), *Giáo trình Luật tố tụng hình sự, Phần 1*, Nxb tư pháp, Hà Nội;
47. TAND cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh (2015), *Báo cáo tổng kết công tác năm 2015*, Thành phố Hồ Chí Minh;
48. TAND cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh (2016), *Báo cáo tổng kết công tác năm 2016*, Thành phố Hồ Chí Minh;
49. TAND cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh (2017), *Báo cáo tổng kết công tác năm 2017*, Thành phố Hồ Chí Minh;
50. TANDTC (1964), *Thông tư số 06-TC ngày 23/7/1964 giải thích thêm về trình tự giám đốc thẩm xét xử*, Hà Nội.
51. Quản Thị Ngọc Thảo (2007), *Giám đốc thẩm: một số vấn đề lý luận và thực tiễn*, Luận văn Thạc sĩ Luật học, Khoa Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội.
52. Trần Quang Tiệp (2003), *Lịch sử Luật tố tụng hình sự Việt Nam*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
53. Trường Đại học Luật Hà Nội (1999), *Từ điển giải thích thuật ngữ luật học*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
54. Trường Đại học Luật Hà Nội (2005), *Giáo trình luật tố tụng dân sự Việt Nam*, Nxb Tư pháp, Hà Nội.

55. Trường Đại học luật Hà Nội (2008), *Giáo trình luật tố tụng hình sự Việt Nam*, Nxb Công an Nhân dân, Hà Nội.
56. Nguyễn Văn Tuấn (2017), *Giám đốc thẩm vụ án hình sự theo pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam từ thực tiễn xét xử của Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh*, Luận văn Thạc sỹ Luật học, Học viện Khoa học xã hội – Viện hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.
57. Trần Anh Tuấn (2007), *Chế định giám đốc thẩm, tái thẩm và những vấn đề đặt ra cho việc thi hành*, Luận văn Thạc sỹ Luật học, Trường Đại học Luật Hà Nội.
58. Trần Anh Tuấn (2011), *Thủ tục xét lại bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật*, Tạp chí nghề luật, Học viện Tư pháp, (số 4), tr. 41-48.
59. Ủy ban Thường vụ Quốc hội (1961), *Pháp lệnh quy định cụ thể về tổ chức của Tòa án nhân dân tối cao và tổ chức của các Tòa án nhân dân địa phương năm 1961*, Hà Nội.
60. Nguyễn Thị Hạnh Vân (2015), *Giám đốc thẩm trong luật tố tụng hình sự Việt Nam trên cơ sở số liệu thực tiễn địa bàn tỉnh Đắk Lắk*, Luận văn Thạc sỹ Luật học, Khoa Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội.
61. Viện Khoa học kiểm sát - VKSNDTC (2006), *Căn cứ tiến hành thủ tục giám đốc thẩm đối với các vụ án dân sự, vai trò, trách nhiệm của VKSNDTC trong việc thực hiện thủ tục này. So sánh với luật các nước Anh, Mỹ, Australia, Pháp, Đức, Nga, Trung Quốc, Nhật Bản về vấn đề này*, Đề tài khoa học cấp Bộ - VKSNDTC, Hà Nội.
62. Viện khoa học pháp lý – Bộ Tư pháp (1999), *Từ điển Luật học*, Nxb. Từ điển Bách khoa, Hà Nội.
63. Viện ngôn ngữ học (1997), *Từ điển Pháp- Việt*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
64. Viện ngôn ngữ học (1998), *Từ điển Anh - Việt*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
65. Viện ngôn ngữ học (1998), *Từ điển Tiếng Việt*, Nxb Đà Nẵng, Đà Nẵng.
66. Viện ngôn ngữ học (2006), *Từ điển tiếng Việt*, Nxb Đà Nẵng, Đà Nẵng.

67. Võ Khánh Vinh (2004), *Bình luận khoa học BLTTHS*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.

68. VKSND cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, *Kỷ yếu hội thảo: “Kỹ năng giải quyết đơn, án giám đốc thẩm, tái thẩm”* ngày 04/11/2015, Hội thảo JICA, Thành phố Hồ Chí Minh.

69. Nguyễn Văn Xô (2007), *Từ điển tiếng Việt*, Nxb Thanh Niên, Hà Nội.

70. I.A.Zovkin và tập thể tác giả, bản dịch tiếng Việt của Nguyễn Quốc Việt, Đinh Thế Công, Nguyễn Bình (1987), *Thuật ngữ pháp lý phổ thông*, Nxb Pháp lý, Hà Nội.

71. Chánh án TANDTC (2016), *Quyết định số 220/QĐ-CA ngày 06/4/2016 về việc công bố Án lệ số 01/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán TANDTC thông qua ngày 06/4/2016*, Hà Nội (nguồn: <http://anle.toaan.gov.vn>), ngày cập nhật 14/3/2018.

72. Chủ tịch Chính phủ lâm thời Việt Nam dân chủ cộng hoà, *Sắc lệnh số 13/SL ngày 24/01/1946 về tổ chức các Tòa án và các ngạch Thẩm phán*, Hà Nội (nguồn: <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Bo-may-hanh-chinh/Sac-lenh-13-to-chuc-toa-an-ngach-tham-phan-35940.aspx>), ngày cập nhật 14/3/2018.

73. Chủ tịch Chính phủ lâm thời Việt Nam dân chủ cộng hoà, *Sắc lệnh số 33C ngày 13/9/1945 về thiết lập Tòa án Quân sự*, Hà Nội (nguồn: <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Thu-tuc-To-tung/Sac-lenh-33C-thiet-lap-toa-an-quan-su-35880.aspx>), ngày cập nhật 14/3/2018.

74. Chủ tịch Chính phủ lâm thời Việt Nam dân chủ cộng hoà, *Sắc lệnh số 51/SL ngày 17/4/1946 ấn định thẩm quyền các Tòa án và sự phân công trong Tòa án*, Hà Nội (nguồn: <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Thu-tuc-To-tung/Sac-lenh-51-an-dinh-tham-quyen-Toa-an-phan-cong-giua-nhan-vienToa-an-35981.aspx>), ngày cập nhật 14/3/2018.

75. Chủ tịch Chính phủ lâm thời Việt Nam dân chủ cộng hoà, *Sắc lệnh số 85/SL ngày 22/5/1950 về cải cách tư pháp và luật tố tụng*, Hà Nội (nguồn: <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Bo-may-hanh-chinh/Sac-lenh-85-SL-cai-cach-bo-may-Tu-phap-Luat-To-tung/36571/noi-dung.aspx>), ngày cập nhật 14/3/2018.

76. Thủ tướng (1959), *Nghị định số 318/TTG ngày 20/10/1959 về việc quy định nhiệm vụ và quyền hạn của TANDTC* (nguồn: <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Bo-may-hanh-chinh/Nghi-dinh-381-TTg-quy-dinh-nhiem-vu-va-quyen-han-cua-Toa-an-nhan-dan-toi-cao-21627.aspx>), ngày cập nhật 14/3/2018;

77. Đặng Văn Thực, *Một số vấn đề về thủ tục giám đốc thẩm trong Bộ luật tố tụng hình sự Việt Nam, nhìn dưới góc độ pháp luật tố tụng hình sự một số nước trên thế giới*, (nguồn: [http://toaan.gov.vn/portal/pls/portal/tandtc.article\\_portlet.print\\_preview?p\\_page\\_url=http%3A%2F%2Ftoaan.gov.vn%2Fportal%2Fpage%2Fportal%2Ftandtc%2FBaiviet&p\\_itemid=52067993&p\\_siteid=60&p\\_cateid=1751909&p\\_language=us](http://toaan.gov.vn/portal/pls/portal/tandtc.article_portlet.print_preview?p_page_url=http%3A%2F%2Ftoaan.gov.vn%2Fportal%2Fpage%2Fportal%2Ftandtc%2FBaiviet&p_itemid=52067993&p_siteid=60&p_cateid=1751909&p_language=us)), ngày cập nhật 14/3/2018.

78. Tổng cục thống kê (2011), *Diện tích và dân số các tỉnh, thành phố* (nguồn: <http://www.gso.gov.vn/default.aspx?tabid=387&idmid=3&ItemID=12875>), ngày cập nhật 14/03/2018.

79. VKSNDTC, *Báo cáo tham khảo pháp luật tố tụng hình sự của một số nước trên thế giới trước Quốc Hội* (nguồn: [https://www.google.com.vn/url?sa=t&rct=j&q=&esrc=s&source=web&cd=10&cad=rja&uact=8&ved=0ahUKEwiY1b2B9JLVAhXIozQKHbIYBYoQFghYMAk&url=http%3A%2F%2Fduthaonline.quochoi.vn%2FDuThao%2FLists%2FDT\\_TAILIEU\\_COBAN%2FAttachments%2F1935%2FB16.08\\_TLTK\\_phap\\_luat\\_hinh\\_su\\_mot\\_so\\_nuoc.doc&usg=AFQjCNGxZ1doea\\_JesTmfpmcu1HoODPCZA](https://www.google.com.vn/url?sa=t&rct=j&q=&esrc=s&source=web&cd=10&cad=rja&uact=8&ved=0ahUKEwiY1b2B9JLVAhXIozQKHbIYBYoQFghYMAk&url=http%3A%2F%2Fduthaonline.quochoi.vn%2FDuThao%2FLists%2FDT_TAILIEU_COBAN%2FAttachments%2F1935%2FB16.08_TLTK_phap_luat_hinh_su_mot_so_nuoc.doc&usg=AFQjCNGxZ1doea_JesTmfpmcu1HoODPCZA)), ngày cập nhật 14/3/2018.

## PHỤ LỤC

### Phụ lục 1.

#### Số vụ án TAND cấp cao tại TP.HCM tiếp nhận theo Luật tổ chức TAND năm 2014.

<b>Cơ quan bàn giao</b>	<b>Số đơn đề nghị/ kiến nghị theo thủ tục GĐT/TT</b>	<b>Số vụ án bản án/ quyết định đã bị Kháng nghị chưa xét xử GĐTTT</b>	<b>Tổng cộng</b>
<i>Tòa hình sự - Tòa án nhân dân tối cao</i>	116	5	121
<i>Tòa dân sự - Tòa án nhân dân tối cao</i>	1.597	91	1688
<i>Tòa hành chính - Tòa án nhân dân tối cao</i>	570	4	574
<i>Tòa lao động - Tòa án nhân dân tối cao</i>	64	8	72
<i>Tòa kinh tế - Tòa án nhân dân tối cao</i>	230	7	237
Các TAND địa phương	85	0	85
Tổng Cộng đã tiếp nhận	2.662	115	2.777

**Phụ lục 2.**

**Số liệu thống kê**  
**Nhận và xử lý đơn đề nghị giám đốc thẩm, tái thẩm**  
**(từ ngày 01/6/2015 - 31/01/2018)**

Loại án	Tổng số đơn nhận mới			Kết quả xử lý											
				Chuyển thụ lý mới			Trùng lặp			Chuyển đơn			Yêu cầu sửa đổi, bổ sung		
	GĐT	TT	Cộng GĐT, TT	GĐT	TT	Cộng GĐT, TT	GĐT	TT	Cộng GĐT, TT	GĐT	TT	Cộng GĐT, TT	GĐT	TT	Cộng GĐT, TT
Hình sự	1,516	8	1,524	606	0	606	759	8	767	46	0	46	105	0	105
Hành chính	2,783	3	2,786	1,196	0	1,196	1,476	3	1,479	94	0	94	17	0	17
Dân sự	16,349	503	16,852	5,747	380	6,127	9,319	123	9,442	1,050	0	1,050	233	0	233
KDTM	1,866	77	1,943	657	73	730	1,114	4	1,118	84	0	84	11	0	11
Lao động	408	9	417	230	9	239	168	0	168	6	0	6	4	0	4
HNGĐ	1,300	15	1,315	537	14	551	699	1	700	50	0	50	14	0	14
<b>Tổng cộng</b>	<b>24,222</b>	<b>615</b>	<b>24,837</b>	<b>8,973</b>	<b>476</b>	<b>9,449</b>	<b>13,535</b>	<b>139</b>	<b>13,674</b>	<b>1,330</b>	<b>0</b>	<b>1,330</b>	<b>384</b>	<b>0</b>	<b>384</b>

**Phụ lục 3.**

**Thống kê số vụ án đã xét xử theo thủ tục giám đốc thẩm**  
**theo người có thẩm quyền kháng nghị.**  
**(từ ngày 01/6/2015 - 31/01/2018)**

STT	NGƯỜI KHÁNG NGHỊ	SỐ KHÁNG NGHỊ
1	Chánh án TANDTC	15
2	Viện trưởng VKSNDTC	5
3	Chánh án TAND cấp cao tại TP.HCM	46
4	Viện trưởng VKSND cấp cao tại TP.HCM	62
5	Chánh án cấp tỉnh (Viện trưởng cấp tỉnh)	0
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>128</b>

**Phụ lục 4.**

**Thống kê số vụ án đã xét xử giám đốc thẩm theo kết quả xét xử.  
(từ ngày 01/6/2015 - 31/01/2018)**

STT	NGƯỜI KHÁNG NGHỊ	KẾT QUẢ XÉT XỬ			
		Rút kháng nghị	Bác kháng nghị	Chấp nhận toàn bộ kháng nghị	Chấp nhận một phần kháng nghị
1	Chánh án TANDTC	01	0	14	0
2	Viện trưởng VKSNDTC	0	01	03	01
3	Chánh án TAND cấp cao tại TP. HCM	01	0	26	19
4	Viện trưởng VKSND cấp cao tại TP. HCM	00	01	59	02
<b>TỔNG</b>		<b>02</b>	<b>02</b>	<b>102</b>	<b>22</b>

**Phụ lục 5.**

**Thống kê số vụ án đã xét xử giám đốc thẩm theo thẩm quyền của HĐXX  
(từ ngày 01/6/2015 - 31/01/2018)**

STT	KẾT QUẢ XÉT XỬ	SỐ VỤ
1	Không chấp nhận kháng nghị và giữ nguyên bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật bị kháng nghị	2
2	Hủy bản án (quyết định) sơ thẩm để xét xử sơ thẩm lại	13
3	Hủy bản án (quyết định) phúc thẩm và bản án (quyết định) sơ	24



	thẩm để xét xử sơ thẩm lại	
4	Hủy bản án (quyết định) phúc thẩm để xét xử phúc thẩm lại	12
5	Hủy bản án (quyết định) sơ thẩm để điều tra xét xử lại	13
6	Hủy bản án (quyết định) phúc thẩm và bản án (quyết định) sơ thẩm để điều tra, xét xử lại	26
7	Hủy một phần bản án (quyết định) phúc thẩm và bản án (quyết định) để xét xử lại	2
8	Hủy một phần bản án (quyết định) phúc thẩm để xét xử phúc thẩm lại	3
9	Hủy một phần bản án (quyết định) sơ thẩm để xét xử lại	3
10	Sửa bản án (quyết định) phúc thẩm	2
11	Sửa bản án (quyết định) sơ thẩm	10
12	Hủy một phần bản án (quyết định) phúc thẩm và bản án (quyết định) để điều tra, xét xử lại	3
13	Đình chỉ xét xử giám đốc thẩm	2
14	Hủy bản án (quyết định) đã có hiệu lực pháp luật và giữ nguyên bản án (quyết định) đã bị hủy, sửa	0
15	Hủy bản án (quyết định) phúc thẩm và đình chỉ vụ án	1
16	Hủy bản án (quyết định) sơ thẩm và đình chỉ vụ án	7
17	Hủy quyết định giảm thời hạn chấp hành hình phạt tù hoặc quyết định tổng hợp hình phạt	5
<b>TỔNG XÉT XỬ</b>		<b>128</b>